

Số 298

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Sao giữ được
lòng vui

Tr. 4

Ơi tất cả
mùa xuân...

Tr. 32

Về ngày

Quốc tế Thiếu nhi

Tr. 57



GIẢI XE ĐẠP TRUYỀN HÌNH BÌNH DƯƠNG CÚP ỔNG NHỰA HOA SEN 2018

"VÒNG QUAY KẾT NỐI"

Diễn ra từ ngày 24 đến ngày 30 tháng 05 năm 2018

Thi đấu 7 chặng đua qua các tỉnh, thành:

Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng và Bình Dương

THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH

THƯƠNG HIỆU HỖ TRỢ





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẮN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, Dương Đạt

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569

Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Sao giữ được lòng vui? (Nguyễn Cẩn)	4
Hạnh lành ngàn thu (Trần Quê Hương)	8
Hội Phật học Nam Việt theo dòng lịch sử (Thích Thiện Nhơn)	9
Matthieu Ricard và con đường tu tập Từ bi (Andrea Miller; Cao Huy Hóa dịch)	12
Để có một mùa an cư lợi lạc (Huyền Hạnh)	16
Khách trú và những bản tình ca về đất (Lê Hải Đăng)	20
Nhân vật trẻ em trong truyện thiếu nhi trước năm 1975 của Nguyễn Thái Hải (Đinh Thị Tuyết - Nguyễn Hùng Vi)	24
Vài mẫu truyện về Đại sư Hoàng Bá Hy Vận (Trần Tuấn Mẫn dịch)	28
Đọc sách "Tôn giả Rahula" của HT.Thích Trung Hậu (Cao Huy Thuần)	30
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ! (Hải Trình)	32
Đức Ngọc hoàng Thượng đế (Nguyễn Đức Quỳnh)	34
Những đêm trăng mùa hạ (Trần Nguyên Hạnh)	37
Sự tử tế (Xanh Nguyên)	38
Ngọt lành canh mướp tình quê (Thanh Ba)	40
Phượng gọi hè sang (Mai Hoàng)	42
Album gia đình tôi (Nguyễn Thanh Vũ)	43
Sầu riêng chín rụng (Trần Bảo Định)	44
Về một ngôi làng cổ bên dòng sông Bồ (Nguyễn Văn Cương)	48
Thơ (Tịnh Bình, Phan Văn Quân, Thanh Trắc Nguyễn Văn, Phan Thành Minh, Trường Khánh, Trúc Thanh Tâm, Trà Kim Long)	52
Họ cảm ơn nhau (Nguyễn Trọng Hoat)	54
Về ngày Quốc tế Thiếu nhi (Vũ Kỳ Xương)	57
Vài hình ảnh Lễ Phật đản PL.2562 tại Nhật Bản	60

Bìa 1: Nghi hè ở quê nhà. Ảnh: Trần Thế Phong



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hoá Phật Giáo số này, 298, được phát hành vào ngày 1-6, ngày Quốc tế Thiếu nhi, bắt đầu những ngày hè của các em học sinh phổ thông. Mong các em có một mùa hè vui tươi, bổ ích.

Cũng chỉ còn hai số nữa là tạp chí Văn Hoá Phật Giáo đã góp mặt với môi trường truyền thông Phật giáo bằng 300 số báo. Để đánh dấu sự kiện này, chúng tôi sẽ tổ chức một buổi tiệc trà thân mật với sự tham dự của quý vị độc giả lâu năm, các cộng tác viên, ân nhân và thân hữu đang lưu trú tại thành phố Hồ Chí Minh. Buổi tiệc được dự định sẽ tiến hành vào ngày 7-7-2018 tại tịnh xá Trung Tâm, số 21 đường Nguyễn Trung Trực, phường 5, quận Bình Thạnh.

Nhân dịp số báo Văn Hoá Phật Giáo thứ 300 sẽ phát hành, kính mong quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu có vài nhận xét về quá trình hoạt động hơn 13 năm vừa qua của tạp chí, qua đó, chúng tôi rút kinh nghiệm để phục vụ quý độc giả được tốt hơn. Rất mong quý vị đáp ứng lòng mong mỏi của chúng tôi.

Nhân tiện, chúng tôi cũng xin nhắc quý tác giả gửi bài cộng tác. Mỗi số báo, xin quý vị chỉ gửi về khoảng hai bài là tối đa. Lâu nay, vẫn có một vài tác giả gửi về tòa soạn mỗi lần ba bốn bài. Nhất là những tác giả gửi bài cho trang thơ; có khi trong vòng nửa tháng, chúng tôi liên tiếp nhận được vài lần gửi bài, mỗi lần khoảng sáu bảy bài thơ của cùng một tác giả. Như thế, chúng tôi sẽ không đủ thời giờ đọc hết để chọn được những bài phù hợp với dự kiến nội dung của số báo ấy. Kính mong quý vị thông cảm.

Đã bước vào mùa an cư, xin nguyện cầu Tam bảo gia hộ chư Tăng Ni luôn tăng tiến Giới-Định-Tuệ. Kính chúc quý Phật tử hoàn thành tâm nguyện của hàng cận sự. Kính chúc quý độc giả luôn có được niềm vui tự nội.

Văn Hoá Phật Giáo

Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi đến với người trí, không có nguy hiểm đến với người trí, không có tai họa đến với người trí.
(Kinh Tăng chi bộ, chương Ba pháp)

Ảnh: **Vân Quảng Tâm**



Sao giữ được lòng vui?

NGUYỄN CẦN

Hôm nay đây, nhân mùa Phật đản, chúng ta lại thấy dường như hình ảnh Đức Phật đang thấp thoáng trong những lời cầu nguyện hay chìm khuất đâu đó trong màn sương của những tham vọng của từng con người, vì cuộc tranh đoạt quyền lợi vật chất với nhau và xã hội vô tình trở thành mảnh đất màu mỡ cho cái ác xâm thực hàng ngày hàng giờ...

Làm sao đánh thức được Phật tính trong mỗi chúng sinh khi chính chúng ta, nếu không cảnh giác, có khi cũng vong thân vì những động lực thấp hèn của mình.

Làm sao khơi mở lại lòng từ bi, nói theo Đức Đạt-lai Lạt-ma, "... Chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không ai sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi".

Hạt bụi gần và cơn bão xa

Có những hạt bụi nếu chẳng may bay vào mắt sẽ làm ta xốn xang, khó chịu. Có những sự kiện rất nhỏ, những mẩu tin, nghe xong, đọc xong, khiến ta trầm ngâm suy nghĩ. Vì sao? Chúng là những bức xúc của công luận, là "những điều trông thấy mà đau đớn lòng".

Chúng ta đang sống trong những ngày như thế, khi mạng xã hội trở nên rộng khắp. Người ta báo tin nhau, bình luận, góp ý, đủ mọi lời bình phẩm. Thử chọn một ngày như thế xem chúng ta đọc được gì, nghe thấy gì? Phải chăng những sự kiện hay sự cố đang diễn ra ấy là "ánh xạ" của một nền văn hóa?

Chiếc giẻ rách của cô giáo

"Vi tào là giáo viên giẻ rách mới có đủ tư cách để dạy cái thằng giẻ rách như mày!".

Đây là nguyên văn câu nói của một cô giáo được trích từ một clip. Thật khó có thể ngờ được rằng những câu như vậy lại xuất hiện trong một môi trường giáo dục, mà lại còn thốt ra từ cửa miệng giáo viên khi nói với học viên của mình, một người cũng trưởng thành...

Cô giáo Nguyễn Kim Tuyến chắc chắn không phải là vụ bê bối đầu tiên liên quan tới một giáo viên dạy ngoại ngữ. Trước đó nữa, cô Lê Na cũng đã từng có những lời lẽ thiếu kiểm chế đối với học viên. Đây đều là những vụ việc gây sự chú ý của cộng đồng mạng. Có thể cả học viên và giáo viên đều “sai” nhưng người thầy lẽ ra vẫn luôn là tấm gương mẫu mực về mặt đạo đức, tư cách, chứ không thể mặt sát “tay đôi” với học trò như thế! Như vậy thì tấm áo trí thức bên ngoài đã thủng lỗ mà tấm áo đạo đức bên trong thì rách bươm!

Thần Công lý ngạo nhậm

Có nhà báo đã viết như thế khi quan tòa tuyên án bị cáo Nguyễn Khắc Thủy phạm tội ấu dâm, không chỉ với một cháu, bản án phúc thẩm quá “nhẹ nhàng”, 18 tháng tù treo, giảm xuống từ ba năm tù giam ở án sơ thẩm. Cộng đồng mạng dậy sóng, bức xúc. Người ta đòi “giám đốc thẩm” vì xử như vậy lấy gì răn đe, như một trò hề? Còn lấy lý do ông ta là đảng viên lại càng sai!

Hai hiệp sĩ bị giết

Theo tin các báo ngày 13-5, nhóm “hiệp sĩ” Tân Bình đi tuần tra thì phát hiện hai đối tượng đi trên xe máy hiệu Exciter có biểu hiện nghi vấn nên âm thầm theo dõi. Đến một cửa hàng trên đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, nhóm “hiệp sĩ” bắt quả tang hai đối tượng bẻ khóa chiếc SH liền vào khổng chế. Hai tên trộm bỏ chạy thì bị nhóm “hiệp sĩ” đuổi theo. Được vài trăm mét, nhóm “hiệp sĩ” đuổi kịp liền bị bọn chúng dùng hung khí tấn công. Hậu quả, anh Nguyễn Hoàng Nam (SN 1989, ngụ quận Gò Vấp) và Nguyễn Văn Thôi (SN 1976, quê Bình Định) bị đâm tử vong. Ba “hiệp sĩ” khác cũng bị đâm, hiện đang được cấp cứu tại bệnh viện.

Chuyện buồn xảy ra cho những người hiệp sĩ cô đơn này, kèm theo nhiều nhận định về thái độ vô cảm của của những người có chức trách không “khẩn trương” cứu viện với lý do “đang trực” hay vì khác phường nên không tiện!

Chuyện đất Thủ Thiêm

Một chiến lược rất hay xây dựng thành phố mới bao năm qua đã bị “bóp méo” vì lợi ích nhóm, đền bù quá thấp, hàng chục ngàn dân không thể mua nhà mới, bơ vơ, nheo nhóc!

Nếu những tin tức ấy chỉ là hạt bụi làm mắt ta xót xang thì một cơn bão cát phía xa đang thổi tới khi đọc tin sau.

Quân sự hóa Biển Đông

Đài CNBC của Mỹ hôm 2/5 đưa tin Trung Quốc đã gắn các phi đạn hành trình chống hạm và hệ thống phi đạn địa-đối-không trên ba tiền đồn ở Biển Đông. Một quan chức Mỹ phát biểu, tình báo Mỹ đã nhìn thấy một số dấu

hiệu cho thấy Trung Quốc đã chuyển một số hệ thống vũ khí đến quần đảo Trường Sa trong tháng qua. CNBC dẫn các nguồn tin giấu tên nói rằng theo đánh giá tình báo của Mỹ, các phi đạn vừa kể đã được chuyển đến các bãi Đá Chữ Thập, Đá Subi và Đá Vành Khăn...

Tất cả những chuyện ấy đưa ta đến những cảm xúc tiêu cực: tức giận, buồn bã, xót xa, lo lắng ...

Bao nhiêu loại thức ăn cho chúng ta?

Nhà Phật phân biệt bốn loại thức ăn:

- Loại thứ nhất là *đoàn thực*, tức là những thức ăn đi vào miệng của chúng ta. Chánh kiến cũng là biết phân biệt những đoàn thực có hại và những đoàn thực không có hại.

- Loại thức ăn thứ hai là *xúc thực*. Chúng ta có sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Chúng tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ta phải ý thức xem việc tiếp xúc đó có đem chất độc vào người hay không. Phải thực tập chánh kiến khi đọc báo, đọc trang mạng, xem chương trình truyền hình, để xem những nội dung có đó có đưa vào trong tâm ta những độc tố như sợ hãi, căm thù và bạo động hay không. Phải biết rằng có những bài viết, chương trình truyền hình hay phim ảnh chứa đựng rất nhiều độc tố nên khi xem một tờ báo không có chánh niệm, chúng ta có thể tiếp nhận rất nhiều độc tố.

- Loại thức ăn thứ ba là *tư niệm thực*. Đó là những nỗi ước ao ta muốn thực hiện cho đời ta. Mong muốn làm một công ty thu nhập cao hay đậu bằng này bằng nọ, thâm nhập vào người ta giống như một loại thức ăn. Ước muốn mạnh sẽ giúp ta đủ nghị lực thực hiện hoài bão. Nhưng có những loại tư niệm thực làm cho ta khổ đau suốt đời như danh, lợi, tài và sắc. Phải chuyển hóa cái “muốn” này: muốn đóng góp cho gia đình và xã hội, muốn bảo vệ thiên nhiên, tu tập để chuyển hóa, thì đó là loại tư niệm thực có thể đưa tới an lạc, hạnh phúc.

- Loại thức ăn thứ tư là *thức thực*. Chúng ta là sự biểu hiện của thức, gồm có y báo và chánh báo. Khi làm công việc nhận thức, tâm cũng giống như cơ thể đón nhận các món ăn. Nếu trong quá khứ tâm thức ta đã tiếp nhận những thức ăn độc hại, thì nay tâm thức ta biểu hiện ra y báo và chánh báo không lành. Những gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, tiếp xúc, suy tư, tưởng tượng, tất cả những thứ ấy đều như muôn sông chảy về biển tâm thức. Và những vô minh, hận thù và buồn khổ của ta đều trở về biển cả của tâm thức ta. Vì vậy ta phải biết mỗi ngày chúng ta nhận vào tâm thức của ta những món ăn nào. Chúng ta cho nó ăn từ, bi, hỷ, xả hay là chúng ta cho nó ăn trạo cử, hôn trầm, giải đãi, phóng dật? Bụt dùng ví dụ lấy dao đâm 300 cái mỗi ngày để nói chúng ta cũng đang hành hạ tâm thức của mình y như thế. Mỗi ngày chúng ta đâm 300 mũi dao của độc tố vào trong tâm thức ta. Những mũi dao của tham lam, giận dữ, ganh tỵ, hờn giận, thù oán, vô minh.



Bầu không khí văn hóa quanh ta

Thử tưởng tượng chúng ta sống gần một nhà máy, một khu công nghiệp, chúng ta sẽ thấy bầu không khí quanh đây, nếu không xử lý thích đáng, sẽ phủ bụi mờ lên mọi thứ trong nhà chúng ta, rồi đến khi có người phát sinh bệnh phổi, chúng ta biết nó đã thâm nhập âm thầm và không hề vô hình như ta nghĩ.

Bầu không khí văn hóa cũng vậy! Chúng ta nghe nói, bàn bạc, góp ý và cảm thấy nặng nề như chính mình là người trong cuộc. Càng bàn tán nhiều, càng cảm thấy bất an, bất mãn và bất đắc ý khi chúng ta tiếp thu một lượng *xúc thực* mang “âm tính” quá nhiều.

Trong biển tâm thức ấy, chúng ta tiếp nhận những rác rến, qua màng lọc vô minh nên cứ thế mà tuôn vào, trở nên buồn phiền và mất niềm tin vào cuộc sống.

Con người đang đi tìm niềm vui nào?

Nếu chỉ đi tìm niềm vui thì con người đâu có khổ đến sa vào tội lỗi vì ngắm một cảnh bình minh hay hoàng hôn, chơi với một em bé cũng đã thấy vui? Nhưng vì con người tìm các loại niềm vui khác nhau, thỏa mãn các giác quan khác nhau nên mới sinh ra nhiều hệ lụy!

Đức Phật đề cập đến nhiều cấp độ hạnh phúc hay kinh nghiệm lạc thọ khác nhau và nêu rõ mức độ thù thắng giữa chúng. Ví dụ thú vui giác quan hay sự thỏa mãn lòng dục, ham muốn sắc đẹp, tiếng vui tai, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu được gọi là dục lạc.

Đức Phật gọi niềm vui hay hạnh phúc này là *cảm giác lạc* (kamasukha), *ô uế lạc* (milhasukha), *phàm phu lạc* (puthujjanasukha), *phi thánh lạc* (anariya sukha) và khuyên các môn đệ không nên tìm cầu thứ “lạc” ấy, đem lại nhiều tiêu cực cho “tư niệm thực” vui ít, khổ nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn, gần với khao khát, thất vọng, lo âu, giành giật, tranh chấp, cướp bóc, bạo động, xa hơn là chiến tranh.

Đức Phật chỉ cho ta thấy rằng do “... không hiểu rõ quy luật Duyên khởi mà thế giới này trở thành rối loạn như ổ kén, tàn tạ rồi bời bời như cỏ chỉ, không thoát khỏi bất hạnh, khổ đau”.

(M. Walshe - *The Long Discourse of the Buddha*)

Làm sao vượt qua

Theo Thượng tọa Thích Tâm Minh, niềm vui của sự hướng thiện bỏ ác làm lành, được cảm nhận ngay trong đời này, tận hưởng đời sau được gọi là *thiên lạc* (devasukha), loại hạnh phúc này là hướng thượng, tối thắng, không sợ hãi bởi nó siêu việt. Nó phát sinh do tâm nguyện hướng thiện và công đức làm lành lánh dữ. Niềm vui hay sự tịnh lạc đạt được do điều phục tâm và nhờ chứng đắc các thiền nên được gọi là *thiền lạc*. Đức Phật gọi niềm vui này là *yếm ly lạc* (nekkhammasukha), *độc trú lạc*, *an tịnh lạc* (upasamasukha) *chánh giác lạc* (sambodadukha) bởi nó phát sinh do duyên ly dục, ly các bất thiện pháp do tâm định do xả niệm lạc trú và do xả niệm thanh tịnh, thông qua các cấp độ thiền chứng. Niềm vui hay sự an lạc là do phát triển trí tuệ, thấy rõ bản chất các pháp, hướng đến đoạn trừ vô minh, tham ái, chấp thủ được gọi là *giải thoát lạc* hay *Niết-bàn lạc* (Nibbanasukha). Đức Phật mô tả trạng thái giải thoát hay Niết-bàn là *tối thắng lạc* (Nibbanam paramam sukham).

(Thích Tâm Minh - *Trung đạo - Con đường chắc thật đưa đến Niết-bàn*)

Đức Phật đã nhìn thấy, hiểu thấu và đã chỉ cho chúng ta cách vượt qua, chiến thắng chính bản thân mình. Khi Đức Phật nói rằng mỗi người là chủ nhân của chính mình, Ngài tuyên bố một nguyên tắc căn bản là con người phải tự kiểm soát bản thân trước khi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tâm lý học hành vi hay ứng xử ghi nhận thực nghiệm tác động tích cực đối với

tổ chức xã hội khi cá nhân con người tự điều chỉnh hành vi của mình theo tinh thần hướng thượng, hướng thiện, có trách nhiệm và luôn tôn trọng chân lý của cuộc sống. Dù theo triết thuyết nào, những người hành xử trong chiều hướng ấy tự trong tâm thức chính họ đã là Phật tử theo những giá trị nhân bản đã nêu trên.

Đạo Phật dù với tư cách là một tôn giáo hay là một hệ thống tư tưởng, một lối sống sẽ giúp mở ra con đường tu tập, vượt lên chính mình của từng cá nhân. Vì sao? Vì Phật giáo là một tôn giáo hay một triết thuyết phi thời gian và thực chứng. Một tôn giáo của hòa bình vì luôn lấy Từ bi làm nền tảng, chưa bao giờ có cuộc thánh chiến nào trong lịch sử do Phật giáo gây ra.

Ngược lại, còn bị Hồi giáo tàn sát và tấn công trong nhiều thế kỷ. Nhiều người thường tự hỏi rằng tại sao Phật giáo lại được gọi là "Akàlika", nghĩa là "không thời gian" (timeless) với Chánh pháp đã hiện hữu trong nhiều thế kỷ qua. Càng thấy những thay đổi xảy ra trong Phật giáo, chúng ta càng thấy rõ Phật giáo đã luôn tự điều chỉnh đáp ứng mọi đòi hỏi của những thời đại khác nhau, với các dân tộc và mọi cá nhân với những dị biệt và tính cách riêng. Nếu Phật giáo tồn tại và được ứng dụng trong thực tiễn ngày nay, đó là vì tính phi thời gian bao gồm một hệ thống những giá trị vĩnh cửu.

F.L. Woodward, một trong những dịch giả nổi tiếng về những lời dạy của Đức Phật, đã từng nói Phật giáo là "tôn giáo tự thân vận động" (a do-it-yourself religion). Điều đó giải thích có hàng trăm ngàn hay hàng triệu người chưa bao giờ nghĩ rằng mình theo đạo Phật, hay vào một ngôi chùa Phật giáo nào, cũng như chưa bao giờ thọ giới, quy y, hay có pháp danh, hoặc chỉ tự nhủ mình theo "đạo ông bà", vô tình đã nhận biết trong tâm họ ý nghĩa của "tứ ân" theo quan điểm nhà Phật, và đã sống theo triết lý ấy.

Lối sống mà Đức Phật đã dạy rất đơn giản, đối với bất kỳ ai sống tuân thủ năm nguyên tắc đạo đức: *không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu* - những yêu cầu căn bản về giới luật nền tảng của Phật giáo - dù con đường mà Đức Phật đã mô tả không chỉ ngừng lại ở luật tắc này. Lời dạy đó được đơn giản hóa theo một cách mà ai cũng có thể hiểu được và làm được nếu cố gắng là: *bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục và thiền định*. Trong đó Phật nhấn mạnh việc rèn luyện, tu tập TÂM vì "Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác". Chúng ta luôn nhớ rằng bạo lực xuất phát từ tâm, từ ý nghiệp trước khi là thân nghiệp. Mọi bệnh thái tâm linh đều có thể kiểm soát từ tâm. Những khóa tu cho người tại gia ngăn ngừa hay những giáo lý hoặc tư tưởng nhân văn truyền bá sâu rộng trong xã hội thông qua nhóm, hội đoàn, tổ chức tôn giáo hay phi tôn giáo đều hữu ích cho việc xây dựng nền tảng văn hóa nhân chủ cho cộng đồng...

Trong bối cảnh đạo đức xã hội suy thoái - đạo đức giả ngày càng lấn át đạo đức thật - chủ nghĩa thực dụng ngày càng phổ biến trong xã hội, tính tham lam, ích kỷ, tẻ dối trá, lừa đảo, cướp giật, giết người... và một số tệ nạn khác đang tạo ra sự bất an cho nhân dân, thì "... Văn hóa là để biết sống. Sử dụng và biết sống với thiên nhiên (Địa), biết sống với người khác (Nhân), và biết sống với cái siêu việt, cái thiêng liêng ở trong chính mình (Thiên) (Nguyễn Thế Đăng - *Xã hội hài hòa*).

Tôn giáo vốn được xem là một môi trường tốt huấn tập tâm hồn con người với những bài giảng về từ bi hay bác ái. Nhưng ngay cả người vô thần thì cũng phải sống có văn hóa, nghĩa là phải theo lương tâm.

Nói theo Đức Đạt-lai Lạt-ma:

"Theo tôi, mặc dầu nhân loại có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể sống mà không có những giá trị bên trong... Đạo đức và các giá trị bên trong không có nội dung tôn giáo giống như nước, là thứ mà chúng ta cần hàng ngày để sống còn và khỏe mạnh. Đạo đức và các giá trị bên trong trong bối cảnh tôn giáo giống như trà... Nhưng dù trà được pha chế thế nào thì thành phần chính vẫn là nước. Trong khi chúng ta có thể sống mà không có trà, chúng ta không thể sống thiếu nước. Tương tự, chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi..."

(Đạt-lai Lạt-ma - *Bên ngoài tôn giáo*, bản dịch Trần Ngọc Bảo, 2015)

Phải khơi gợi lại lòng từ bi trong cuộc sống này, đánh thức từng ngày từng giờ ý thức về sống chung, sống với con người. Làm sao để mọi người luôn thấy mình có trách nhiệm với chính mình, sống chẵn chu, hòa hợp với tha nhân và môi trường, làm gương cho thế hệ trẻ và biết yêu thương. Chừng đó sẽ không còn ai nói những lời thô lậu như cô giáo nọ, hành vi dâm ô không đúng mực như cụ già kia, bọn cướp cũng không còn dặt sống nếu không tự chuyển hóa tâm hồn, quan chức cũng yêu thương dân, không "xà xẻo" đất đai, ép buộc người dân vì nghĩ rằng nếu mình không tròn chức trách "phụ mẫu chi dân" có khác gì bọn cướp (?).

Nếu không, thế hệ trẻ hôm nay sẽ mất điểm tựa khi cha anh không còn là những tấm gương về thân giáo và đến lượt họ, những người trẻ, cũng theo vết xe đổ mà thôi!

Một dân tộc với những con người kiên định trước xa hoa, cám dỗ, thì kẻ thù bên ngoài cũng khó mà xâm lược! Bài học những triều đại Lý Trần đã chứng minh chân lý ấy!

Trong mùa Phật đản, hãy chấp tay cầu nguyện "thân tâm an lạc" như cụ Tú Lãm dặn con trước lúc lâm chung trong: *"Hãy giữ lòng vui, giữ tâm hồn trong sạch và đem hết nghị lực ra làm việc"*.

(*"Nửa chừng xuân"* - Khái Hưng) ■



Hạnh Lành ngàn thu

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Từ vô lượng kiếp luân hồi
 Vô lượng cát bụi hụp trời long đong
 Đất, nước, lửa, gió xoay vòng
 Trùng, kiến, dế, cá, muỗi mòng, tép tôm
 Gà, miêu, nga, câu, thỏ, chồn
 Trâu, bò, sư tử, rắn, rồng, khi, voi
 Đại bàng, dã nhân... tích thời
 Long Quân Hồng Lạc vua tôi suối nguồn
 Âu Cơ trăm trứng Tiên vương
 Lên non, xuống biển... khói sương phong trần
 Hội tụ gốc rễ thiên chân
 Này da, này thịt... hóa thân Lạc Hồng
 Rồi thì tổ quốc non sông
 Tạm nương, tạm náu một dòng mạch thiêng
 Hồn Việt huyết thống Rồng Tiên
 Hiểu tâm tổ phụ mỗi giềng Hùng vương
 Một phương lan tỏa mười phương
 Lung linh như ý lạc thường tường vân
 Chí thành dĩ lực thiện thân
 Dân tộc - Đạo pháp nổi vắn... tư duy
 Đạo đời hòa quyền tương tri
 Thái bình thanh trị lưu ly phúc lành

Đời thiếu đạo... dễ tham sanh
 Đời thiếu đạo... dễ lợi danh khổ nàn
 Đời có đạo... bớt lắm than
 Đạo đời nương tựa hòa chan sống hiền
 Khéo soi, khéo quán... não phiền
 Khéo tu, khéo dưỡng... thoát triền lao đao
 Đạo đời... tương tác... tâm giao
 Vì người phụng sự dạt dào tha nhân
 “Thương người như thể thương thân”
 Lời ông bà dạy nổi vắn xưa nay
 Hiểu tâm hạnh Phật sâu dày
 Hiểu tâm muôn thuở Như Lai truyền thừa
 Hiểu tâm hạnh Phật thuyền đưa
 Hiểu tâm sen nở bốn mùa trần gian
 Hiểu tâm hạnh Phật hương vàng
 Tâm hiểu con Phật đạo tràng long lanh
 Hiểu tâm hạnh Phật thiên sanh
 Hiểu tâm đời đạo hạnh lành ngàn thu.

*Phương Thảo am,
 mùa Phật đản PL.2562 - Mậu Tuất 2018*

Hội Phật học Nam Việt

theo dòng lịch sử

THÍCH THIỆN NHƠN

Từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Lê Khánh Hòa khởi xướng, năm 1920 thành lập Hội Lục hòa do Hòa thượng Như Nhân - Từ Phong làm Hội trưởng, đặt văn phòng tại chùa Giác Hải - Chợ Lớn. Năm 1923, nhân lễ húy kỵ Tổ sư, tổ chức tại chùa Long Hòa, Tiểu Cần - Trà Vinh, chư sơn thiện đức đã có quyết định hoạt động cụ thể cho Hội Lục hòa Liên hiệp, bằng cách vận động chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong phạm vi cả nước Nam - Trung - Bắc. Ngày 31/8/1929 xuất bản tạp chí *Pháp Âm* do Hòa thượng Khánh Hòa làm chủ bút, tháng 12/1929 xuất bản tạp chí *Phật hóa Tân thanh niên* do Hòa thượng Thiện Chiếu làm chủ bút, năm 1930 xuất bản quyển *Phật học Tổng yếu* do Hòa thượng Thiện Chiếu làm chủ biên...

Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam tiếp tục có kết quả. Năm 1931 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được chính quyền Pháp cho phép thành lập; trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Hội trưởng; các vị Hòa thượng Như Nhân - Từ Phong, Hòa thượng Thiện Chiếu, và ông Trần Nguyên Chấn làm Phó Hội trưởng. Đến năm 1934, Hội Phật học Lương Xuyền được thành lập, trụ sở đặt tại chùa Long Phước - Lương Xuyền, do Hòa thượng Huệ Quang làm Tổng lý. Năm 1937, Hội Phật học Kiêm Tế được ra đời, trụ sở đặt tại chùa Tam Bảo - Rạch Giá, do Hòa thượng Trí Thiئن làm Chánh Tổng lý. Trong thời gian gần hơn mười năm, ba tổ chức hoạt động đều có kết quả nhất định. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học cho xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*; Hội Lương Xuyền Phật học cho xuất bản tạp chí *Duy Tâm* và thành lập Phật học đường Lương Xuyền - Trà Vinh; Hội Phật học Kiêm Tế cho xuất bản tạp chí *Tiến Hóa*. Tuy nhiên, chỉ có Hội Lương Xuyền Phật học hoạt động có cả chiều rộng lẫn chiều sâu, từ hình thức đến nội dung, thành lập được nhiều chi hội tại các tỉnh và Trường Phật học Lương Xuyền, đã đào tạo được nhiều Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam

mà đến ngày nay âm hưởng vẫn còn tồn đọng trong lòng các tổ chức Phật giáo Việt Nam.

Song từ năm 1945, do chiến tranh Việt - Pháp leo thang, nên cả ba tổ chức đều ngưng hoạt động, chờ có cơ hội thuận lợi tái hoạt động, trường hợp như Phật học đường Lương Xuyền Trà Vinh (1960 - 1964).

Để điền vào sự trống vắng này, nhất là đáp ứng yêu cầu tu học cho Tăng Ni và Phật tử, năm 1950 Hội Phật học Nam Việt ra đời, nhưng đến đầu năm 1951 mới chính thức hoạt động. Ban đầu đặt trụ sở tại chùa Khánh Hưng, Chí Hòa - Sài Gòn, do Thượng tọa Pháp Lan trụ trì. Hội trưởng đầu tiên là Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe. Các nhiệm kỳ tiếp theo do Thượng tọa Quảng Minh, cư sĩ Mai Thọ Truyền, bác sĩ Dương Đậu, bác sĩ Cao Văn Trí là Hội trưởng lãnh đạo. Chứng minh Đạo

sư của Hội gồm có quý Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Đạt Thanh, Hòa thượng Hành Trụ.

Sau một thời gian hoạt động tại chùa Khánh Hưng, trụ sở được dời về chùa Phước Hòa, Bàn Cờ, quận 3, Sài Gòn. Đến năm 1958, sau khi xây dựng chùa Xá Lợi hoàn thành, Trụ sở Hội được dời về chùa Xá Lợi cho đến ngày nay, tọa lạc tại số 89 Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, Sài Gòn, nay là TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt, Hội đã cho xuất bản tạp chí *Từ Quang*, do cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền làm chủ bút. Tạp chí *Từ Quang* xuất bản từ số 1 đến số 242 thì ngưng hoạt động từ ngày 30/4/1975. Đây là tạp chí Phật giáo



Hòa thượng THÍCH KHÁNH HÒA
1877 - 1947

có tuổi thọ lâu nhất và có số lượng xuất bản nhiều nhất so với các tạp chí Phật giáo từ năm 1930 đến năm 1975.

Ngày 06/5/1951, tại chùa Từ Đàm - Huế đã diễn ra Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam; Hội Phật học Nam Việt là một trong sáu tập đoàn Tăng-già và cư sĩ Bắc, Trung, Nam tham dự Đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, do Hòa thượng Tịnh Khiết làm Hội chủ. Hội Phật học Nam Việt tham gia Ban Trị sự Trung ương có cư sĩ Tổng Hồ Cẩm giữ chức Phó Tổng Thư ký, cư sĩ Phạm Văn Vi giữ chức vụ Ủy viên Cứu tế Xã hội, cư

sĩ Nguyễn Hữu Huỳnh, Ủy viên dự khuyết của Ban Trị sự. Văn phòng đặt tại chùa Từ Đàm - Huế.

Sang nhiệm kỳ II (1956), Đại hội tổ chức tại chùa Ấn Quang - Chợ Lớn, cư sĩ Mai Thọ Truyền được Đại hội suy cử làm Tổng Thư ký; cư sĩ Tống Hồ Cầm làm Phó Tổng Thư ký; cư sĩ Võ Đình Dần làm Ủy viên Kiểm lý ngân sách; cư sĩ Lê Văn Cầm làm Ủy viên Từ thiện; cư sĩ Cao Văn Trí làm Ủy viên Kiểm soát. Văn phòng đặt tại chùa Ấn Quang - Chợ Lớn.

Đến nhiệm kỳ III (1959), Đại hội tổ chức tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn, cư sĩ Mai Thọ Truyền được Đại hội suy cử làm Phó Hội chủ; cư sĩ Tống Hồ Cầm làm Tổng Thư ký; cư sĩ Lê Ngọc Diệp làm Phó Tổng Thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi, quận 3, Sài Gòn, chùa Ấn Quang là Trụ sở của Giáo hội Tăng-già toàn quốc, Giáo-hội Tăng già Nam Việt.

Trong phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam mùa Pháp nạn năm 1963, Hội Phật học Nam Việt đã tích cực tham gia Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, thành lập tại chùa Xá Lợi ngày 25/5/1963, do Thượng tọa Thích Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam làm Chủ tịch; cư sĩ Mai Thọ Truyền là Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt, Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam là Tổng Thư ký của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo. Chùa Xá Lợi đã được Hội Phật học Nam Việt hoan hỷ cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam đặt Văn phòng Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, là trung tâm đầu não của phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam cho đến ngày thành công.

Đặc biệt, ngày 11/6/1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã thực hiện hạnh nguyện thiêu thân, cúng dường Tam bảo, cầu nguyện Phật pháp trường tồn, nhân dân an lạc, nước nhà độc lập, thống nhất Tổ quốc, tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt, nay là đường Cách Mạng Tháng 8 - Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Nhục thân, kim quan Hòa thượng được tôn trí tại giảng đường chùa Xá Lợi trong thời gian một tuần để Tăng Ni, Phật tử khắp nơi về chiêm bái, hành lễ. Đến ngày 19/6/1963, kim quan Hòa thượng được đưa về hỏa táng tại lò thiêu An Dưỡng Địa, Phú Lâm, Gia Định. Qua độ lửa 12.000 độ C, thân xác tiêu tan, chỉ còn lại quả tim bất diệt. Giai đoạn đầu được tôn trí, bảo quản tại chùa Xá Lợi. (Sau khi thống nhất Phật giáo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất xây dựng trụ sở Việt Nam Quốc Tự, quả tim bất diệt được chuyển về tôn trí và bảo quản cẩn mật một thời gian. Sau đó, thừa lệnh Hòa thượng Thích Tịnh Khiết là Đức Tăng thống GHPGVNTN, Thượng tọa Thích Từ Nhơn - Tổng Thủ bản Ban Chỉ đạo Viện Hóa đạo GHPGVNTN, Phó Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự, Trụ trì đời thứ hai Việt Nam Quốc Tự - đã ký gửi vào Ngân hàng Thụy Sĩ - Switzerland ở Sài Gòn).

Sau ngày 01/11/1963, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm cáo chung, Phật giáo thoát cơn Pháp nạn. Đại hội

thống nhất Phật giáo Việt Nam do Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tổ chức tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, từ ngày 30, 31/12/1963 đến ngày 01/01/1964, thành lập GHPGVN Thống nhất, Đại hội suy cử hai Viện: Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo cùng các Tổng vụ. Cư sĩ Mai Thọ Truyền được Đại hội suy cử làm Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN, Hòa thượng Tâm Châu - Viện trưởng, Hòa thượng Thiện Hoa - Phó Viện trưởng, Trụ trì Việt Nam Quốc Tự, Hòa thượng Pháp Trí - Phó Viện trưởng... Trụ sở Viện Hóa đạo đặt tại Việt Nam Quốc Tự, số 16 đường Trần Quốc Toản, quận 10, Sài Gòn (nay là 242 - 244 đường 3 tháng 2, quận 10, TP.Hồ Chí Minh).

Sau ngày 30/4/1975, đất nước thống nhất, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời. Ngày 06/8/1975 Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.Hồ Chí Minh được thành lập, do Hòa thượng Minh Nguyệt làm Chủ tịch. Văn phòng ban đầu đặt tại chùa Xá Lợi, quận 3, về sau chuyển sang đặt tại chùa Vĩnh Nghiêm, quận 3, TP.Hồ Chí Minh. Hội Phật học Nam Việt tham gia Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.Hồ Chí Minh có cư sĩ Tống Hồ Cầm và cư sĩ Tăng Quang cho đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước năm 1981.

Sau thời gian vận động, ngày 23/02/1980, Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được thành lập, do Hòa thượng Thích Trí Thủ - Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN làm Trưởng ban Vận động; cư sĩ Tống Hồ Cầm - Ủy viên Kiểm soát của Hội làm thành viên của Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Được sự cho phép của Chính phủ tại Công văn số 621/HĐBT ngày 19/9/1981, Ban Vận động đã tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra từ ngày 04 - 07/11/1981 tại chùa Quán Sứ - thủ đô Hà Nội, thành lập GHPGVN. Đại hội thông qua Hiến chương, suy tôn Hội đồng Chứng minh, suy cử Hội đồng Trị sự. Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ. Hòa thượng Thích Trí Thủ được Đại hội suy cử làm Chủ tịch đầu tiên Hội đồng Trị sự GHPGVN nhiệm kỳ I (1981-1987). Hội Phật học Nam Việt tham gia Ban Thường trực HĐTS có cư sĩ Tống Hồ Cầm làm ủy viên Kiểm soát; cư sĩ Tăng Quang làm Ủy viên Tài chính. Tại Đại hội, cư sĩ Tăng Quang - Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký đại diện Đoàn đại biểu Hội Phật học Nam Việt phát biểu tham luận có đoạn: "... Chính trên những cơ sở thực thể về sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam như đã trình bày, mà Hội Phật học Nam Việt chúng tôi đã nhân danh 40 Tỉnh hội, Chi hội, nhân danh 15.446 Hội viên cư sĩ đã kế thừa truyền thống đóng góp cho công cuộc thống nhất trên 30 năm nay của Hội, đã quyết tâm hưởng ứng cuộc vận động và tự hào nhất trí tham gia Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo cả nước hôm nay, để thật sự đứng vào cộng đồng sinh hoạt về vang của Phật giáo Việt Nam chúng ta...".

Giáo hội Phật giáo Việt Nam có hai Văn phòng. Văn phòng I đặt tại Trụ sở Trung ương Giáo hội - chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội; Văn phòng II đặt tại chùa Xá Lợi, quận



Nguồn: kientrucsvietnam.vn

3, TP.Hồ Chí Minh để điều hành các công tác Phật sự từ Quảng Trị đến Cà Mau. Sau khi Giáo hội tiếp nhận cơ sở 294 đường Công Lý [Trung tâm Văn hóa Quảng Đức, thuộc Tổng vụ Thanh niên Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, do Hòa thượng Thích Thiện Minh - Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên làm Giám đốc, tọa lạc tại số 294 đường Công Lý, nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa] thì ngày 23/9/1993 Giáo hội dời Văn phòng II từ chùa Xá Lợi về số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Thiền viện Quảng Đức, quận 3, TP.Hồ Chí Minh cho đến nay.

Ngày 02/6/1982, Đại hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh lần thứ nhất được tổ chức tại chùa Xá Lợi, quận 3, TP.Hồ Chí Minh. Đại hội suy cử Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Trưởng ban Trị sự; Hòa thượng Thích Thiện Hào làm Phó Trưởng ban Thường trực. Hội Phật học Nam Việt tham gia Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh có cư sĩ Tổng Hồ Cẩm làm Ủy viên Hướng dẫn Nam nữ cư sĩ Phật tử trong nhiều nhiệm kỳ.

Theo truyền thống của Hội Phật học Nam Việt trước năm 1975, Ban Quản trị Phật học Nam Việt đã cung thỉnh Hòa thượng Thích Thiện Hào - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh làm Viện chủ chùa Xá Lợi; cung thỉnh Hòa thượng Thích Thiện Tu - Phó Trưởng ban Thường

trực Ban Nghi lễ Trung ương GHPGVN, Trưởng ban Nghi lễ Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh làm trụ trì để cùng Ban Quản trị quản lý điều hành sinh hoạt của Hội và chùa trong ngôi nhà chung GHPGVN, Phật giáo TP.Hồ Chí Minh. Sau khi Hòa thượng Thiện Hào viên tịch năm 1997, Hòa thượng Thích Thiện Tu được Ban Quản trị cung thỉnh làm Viện chủ và tiến hành thủ tục đề nghị Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh bổ nhiệm Thượng tọa Thích Đồng Bốn làm trụ trì; Thượng tọa Thích Phước Triều làm phó trụ trì. Trên cương vị trụ trì, Thượng tọa Đồng Bốn tiếp tục cho tái bản tạp chí *Từ Quang* dưới danh nghĩa là *Tủ sách Phật học Từ Quang*, số 01 ra ngày 15/7/2012 và tiếp tục cho đến hôm nay đã đạt được những thành quả nhất định thời hậu Từ Quang của Hội Phật học Nam Việt.

Tóm lại, Hội Phật học Nam Việt là thành viên sáng lập các tổ chức Phật giáo Việt Nam qua những thời kỳ lịch sử. Ngày nay, Hội Phật học Nam Việt - chùa Xá Lợi đã hòa mình trong ngôi nhà chung GHPGVN, Phật giáo TP.Hồ Chí Minh. Nhưng với tinh thần Hiến chương GHPGVN đã qui định, GHPGVN luôn xem chùa Xá Lợi nguyên là Trụ sở của Hội Phật học Nam Việt và Hội Phật học Nam Việt là thành viên sáng lập GHPGVN, sinh hoạt hài hòa trong lòng Giáo hội trong hơn 35 năm qua và mãi mãi về sau. ■

Matthieu Ricard

và con đường tu tập Từ bi

ANDREA MILLER
CAO HUY HÓA dịch

Matthieu Ricard - nhà khoa học, nhà sư, tác giả có sách bán chạy, nhà hoạt động nhân đạo - nhận định rằng chăm sóc người khác là câu trả lời duy nhất cho tu tập từ bi.

Trong cái lều dệt bằng lông trâu yak, một bé gái 13 tuổi đang khuấy pho-mát trong cái vạc để trên lò đất sét. Một làn khói xanh từ ngọn lửa thoát ra từ một khoảng hở trên mái. Cha cháu đã mất năm ngoái, và bây giờ mẹ cháu bị lao xương. Cháu bị đau và êo là đến nỗi đôi mắt quá to trên khuôn mặt gầy, trông có vẻ kỳ dị. Không thể chịu nổi chi phí chữa bệnh cần thiết, bà nội lớn tuổi của bé gái đang cầu khẩn trong góc.

Matthieu Ricard, một nhà sư Phật giáo người Pháp và nhà sáng lập tổ chức không vụ lợi Karuna-Shechen, chứng kiến cảnh thương tâm đó khi sư đi thăm những cộng đồng du mục ở Tây Tạng phía Đông. May mắn thay, sư và nhóm Karuna-Shechen liền giúp đỡ bé gái.

Họ hỗ trợ chi phí chữa bệnh trong một năm cho gia đình, và trong khi họ giải thích làm thế nào để thực hiện cách chữa đó, thì bé gái chăm chú nghe với nỗi hoài nghi lẫn niềm hy vọng lung linh trên đôi mắt. Khi nhóm thiện nguyện trở lại một năm sau, cô gái tươi cười. Bà mẹ đang đi nặng tự chế, nhưng bà đã bình phục, không giong xương và nằm liệt giường nữa.

Karuna-Shechen được thành lập năm 2000, đây là nơi nhận tiền bản quyền sách của nhà sư, cũng như nhận bất cứ số tiền nào mà sư kiếm được từ đóng góp tham luận tại các hội nghị hay bán ảnh nghệ thuật. Nhà sư sống vừa đủ, ngủ trong túi ngủ trong ba mươi năm và trong lều tịnh cư ở Nepal không có lò sưởi trung tâm, nhưng người ta ước tính sư đã tặng 1,5 triệu dollars cho Karuna-Shechen.

Những nhà từ thiện khác cũng đã đóng góp, và đến bây giờ tổ chức đã khởi sự và quản trị hơn 140 dự án nhân đạo tại Tây Tạng, Nepal và Ấn Độ. Những dự án này bao gồm cứu trợ khẩn cấp cho nạn nhân trận động đất vừa qua tại Nepal, dạy cho phụ nữ nông thôn thất học về kỹ thuật điện mặt trời, lắp đặt hệ thống thu nước mưa trong những vùng hay bị hạn hán, thực hiện chương trình vườn-bếp để chống nạn thiếu dinh dưỡng, và xây dựng trường học mới và cải thiện những trường đã có.

"Trong lúc này, chúng tôi đương đầu với nhiều thách thức," nhà sư viết trong cuốn sách mới, *Altruism: The Power of Compassion to Change Yourself and the World* (Lòng vị tha: Sức mạnh của Từ Bi để thay đổi bạn và thay đổi thế giới). "Một trong những vấn đề chính của chúng ta là điều hòa những đòi hỏi của nền kinh tế với mưu cầu hạnh phúc cá nhân và tôn trọng môi trường. Những đòi hỏi này tương ứng với ba mức độ thời gian: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, từ đó ba loại lợi ích được đặt ưu tiên, tùy lúc mà sắp xếp cái nào trước, cái nào sau, đó là: lợi ích của chúng ta, lợi ích của những ai gần gũi với chúng ta, và lợi ích của toàn chúng sinh".

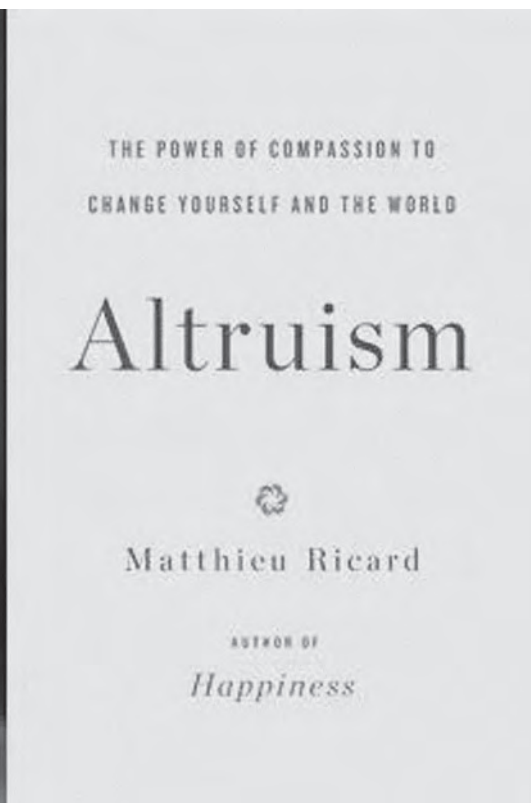
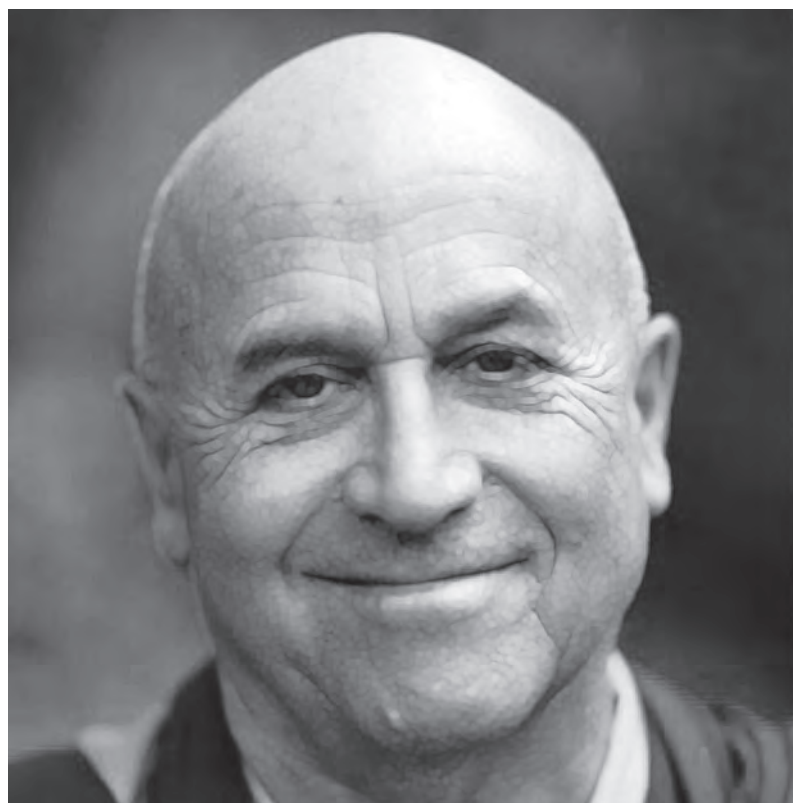
"Hãy quan tâm nhiều hơn đến người khác, là cách thức thực tế nhất để đối phó với những thách thức của thời đại chúng ta", nhà sư đã thổ lộ với tạp chí *Lion's Roar*. Thật vậy, "bằng cách gạt bỏ những nhà kinh tế, môi trường, tâm lý học, nhà hoạt động xã hội, nhà lãnh đạo và các nhà soạn thảo kế hoạch toàn cầu, tôi nghĩ rằng đó là câu trả lời thực tế duy nhất".

Từ Thomas Hobbs đến Ayn Rand, ý tưởng cho rằng con người căn bản là ích kỷ và thậm chí tàn bạo, đã ngự trị tư tưởng phương Tây qua nhiều thế kỷ. Ricard, tuy nhiên, tin rằng con người bẩm sinh là nhân từ và chúng ta có khả năng tốt nhiều hơn thế. Nhà sư cho rằng những phương pháp đã được chứng minh về lòng nhân từ tăng lên một cách có hệ thống trong chúng ta và trong xã hội.

Trong khi Ricard nhận thức đầy đủ rằng nhiều người gạt bỏ ý tưởng của ông xem như duy tâm, ông đoán chắc ông không phải là một thầy tu Phật giáo ngây ngô, xơ cứng với thực tế. Với 1.600 tham khảo khoa học trong sách *Altruism* (Lòng vị tha), Ricard có khoa học ở bên mình.

Trước khi Matthieu Ricard là một nhà sư, ông đã đậu tiến sĩ về sinh học phân tử tại Viện Pasteur Paris, và người thầy hướng dẫn chính của ông đã đoạt giải Nobel¹.

Năm 1966, Ricard được 20 tuổi, ông đã chú tâm vào Phật giáo khi xem một vài phim về những vị thầy Lạt-ma Tây Tạng đào thoát khỏi quê hương. Giữa người



cha - nhà triết học Jean-François Revel, người mẹ - họa sĩ Yahne Le Toumelin - và người cậu - nhà thám hiểm biển Jacques-Yves Le Toumelin - Ricard đã dùng rất nhiều thời gian để gặp gỡ những người tài năng, xuất chúng trong nhiều lãnh vực rộng rãi. Tuy nhiên, ông chưa chuẩn bị để gặp những vị Lạt-ma đó.

"Những nghệ sĩ lớn, nhà khoa học, nhà triết học, và tương tự như thế, được ca ngợi về những tài năng riêng biệt, như hội họa, chơi đàn piano, hay giải những phương trình toán học", ông nói. Những giảng sư Phật giáo Tây Tạng, một mặt khác, là tu luyện để thành người tốt. Theo cách nói của ông, "họ vô cùng hấp dẫn, cực kỳ ấn tượng".

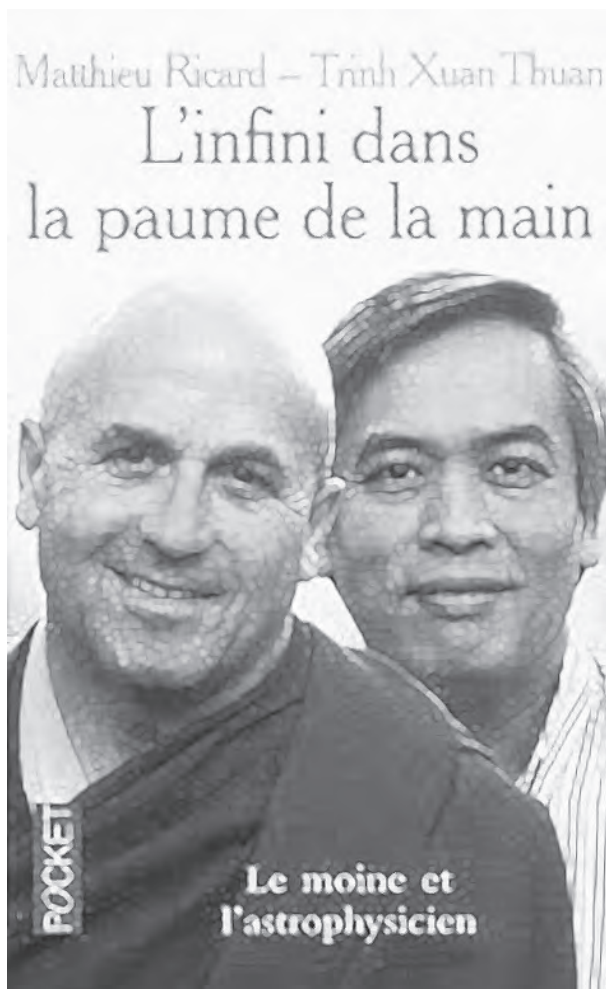
Ricard đã qua Ấn Độ bằng vé máy bay giá rẻ, ở đó ông gặp vị đại sư Phật giáo Tây Tạng Kangyur Rinpoche và sống trong ba tuần với ngài và gia đình của ngài trong một phòng đôi - một lều gỗ ở Darjeeling. Vào lúc đó, Ricard không nói được tiếng Tây Tạng và chỉ nói tiếng Anh vừa đủ, đến nỗi hầu như ông không hiểu một chữ trong lời dạy của đại sư. Tuy nhiên, ông nhận ra một điều: Kangyur Rinpoche có gì đó giống như mặt trời. "*Mặt trời cho cây lên, cho trái chín. Mặt trời đem lại ấm áp nhưng không trông chờ điều gì đáp lại*".

Trong sáu năm, Ricard phân chia thời gian giữa núi Himalaya và nước Pháp, để rồi bối rối không biết chọn ở đâu giữa hai nơi. Vì thế, năm 1972, sau khi hoàn thành luận án về di truyền học tế bào, ông để lại đằng sau sự nghiệp khoa học đầy hứa hẹn để cống hiến trọn vẹn cho nghiên cứu Phật giáo tại châu Á.

Trong cuốn sách của ông, *Happiness: A Guide to Developing Life's Most Important Skill* (Hạnh phúc: một hướng dẫn cho phát triển kỹ năng quan trọng nhất của đời sống), Ricard diễn tả đạo Phật không bao giờ kêu gọi niềm tin mù quáng. "Đó là khoa học của tâm, phong phú, thực tế, một nghệ thuật sống vị tha, một triết học đầy ý nghĩa và một thực tập tâm linh nhằm biến đổi nội tâm đích thực", ông viết. "Tôi không bao giờ nhận ra tôi có cái gì nghịch lý với tinh thần khoa học như tôi hiểu Phật giáo. Đó là một sự tìm kiếm sự thật dựa trên kinh nghiệm".

Trong hai mươi lăm năm, Ricard đã cắt đứt liên lạc với thế giới bên ngoài - không radio, không báo chí. Ông nghiên cứu chuyên sâu với Kangyur Rinpoche cho đến khi vị đại sư này mất vào năm 1975, sau đó ông nghiên cứu với đại sư Dilgo Khyentse Rinpoche, dòng Dzogchen, một trong những vị đại sư quan trọng nhất thế kỷ XX của đạo Phật Tây Tạng. Ông đã trải qua nhiều năm ẩn cư thiền định.

Đời sống tĩnh lặng, ẩn danh của Matthieu Ricard kết thúc vào năm 1997, khi một nhà xuất bản đề nghị ông và thân sinh của ông cùng tham gia vào một cuộc đối thoại mở về ý nghĩa của cuộc sống. Sau đó, nội dung đối thoại được xuất bản với cái tên *The Monk and the Philosopher* (Nhà sư và nhà triết học), cuốn sách đã thành công rất nhanh. Hơn 350.000 sách được in ở Pháp và được dịch ra 21 ngôn ngữ, Ricard lại bị ràng buộc mới mẻ vào thế giới khoa học.



Ông tham gia vào một cuộc đối thoại với nhà vật lý thiên văn Trinh Xuân Thuận, người đã cho xuất bản sách *The Quantum and the Lotus: A Journey to the Frontiers Where Science and Buddhism Meet* (Lượng tử và hoa sen: Hành trình đến biên giới gặp gỡ giữa Khoa học và đạo Phật). Ông gặp gỡ và làm việc tại Mind & Life Institute (Viện Tâm và Đời sống), một tổ chức lập ra theo gợi ý của Đức Đạt-lai Lạt-ma nhằm khuyến khích đối thoại giữa các học giả Phật giáo và nhà khoa học.

Năm 2000, sự chú tâm vào khoa học và tâm từ bi của Ricard cùng hội tụ khi ông làm việc với nhà khoa học não bộ Richard Davidson ở Center for Investigating Healthy Minds tại Madison, Wisconsin (Hoa Kỳ). Ricard, theo ông tự nhận, là “một con chuột lang thí nghiệm” cho dự án nghiên cứu tiên phong, phân tích những tác động trong ngắn hạn và dài hạn của luyện tâm thông qua thiền.

Trong những trắc nghiệm đầu tiên, ông giam mình trong những phòng điều khiển ồn ào, chật chội của máy fMRI² trong hơn ba giờ, ở đó ông thực tập nhiều cách thiền: thiền tập trung, thiền tưởng tượng, và thiền từ bi. Đối với nhiều người trong nhiều thời gian

ở trong một cái máy loại như thế, đó là một thử thách khiến dễ đi đến hoảng loạn, thế nhưng đối với Ricard, vào cuối phiên làm việc mệt nhoài, ông vẫn mỉm cười. “Đó cũng giống như một nơi ẩn dật nho nhỏ!”, ông thổ lộ như thế.

Máy quét fMRI phát hiện Ricard và nhiều thiền giả lão luyện khác - những vị đã từng thực tập thiền qua ít nhất 10.000 giờ - đã cho thấy những mức độ hoạt động lạ kỳ của vỏ não trước trán bên trái, chính là nơi liên kết với những cảm xúc tích cực. Còn hoạt động trên vỏ não bên phải, điều khiển những cảm xúc tiêu cực, thì bị loại trừ. Khi những kết quả của những thí nghiệm Madison được phổ biến cho công chúng, giới truyền thông gán cho Ricard một biệt danh đáng nhớ. Ông trở nên nổi tiếng như là “người hạnh phúc nhất thế giới.”

“Mọi người thường lẫn lộn giữa hạnh phúc và vui thích,” Ricard nói với tạp chí *Lion's Roar*. “Hạnh phúc không phải là ăn cây kem. Đó là một cách sống, và đó là cách của con người chứ không phải là sự vật. Đó là một nhóm những phẩm chất nhân tính căn bản, mà hạt nhân là tự do nội tại. Nếu bạn hạnh phúc, bạn không là nô lệ của nỗi băn khoăn lo lắng. Bạn có tự do giữa những căm thù, giữa sự thèm muốn ám ảnh, sự ghen ghét, lòng kiêu ngạo...”

“Tự do đó cho bạn bình an nội tại và như thế, cho bạn lòng tin, điều đó rất khác với tự tin yêu mình. Bởi vì bạn có nguồn tâm nội tại đối phó với những thăng trầm của cuộc sống, bạn ít bận tâm tới bản thân. Dẫu có gì xảy ra, bạn vẫn như thường. Không cảm thấy tổn thương gì, cho nên bạn không cần cố gắng quá mức bảo vệ bản thân, và tự nhiên bạn mở lòng ra với người khác”.

“Hạnh phúc ích kỷ là không tồn tại”, Ricard nói tiếp. “Khi bạn hoàn toàn tự cho mình là trung tâm - cả ngày cứ *tôi, tôi, tôi* - bạn đẩy ra xa bất cứ thứ gì có thể đe dọa cái bản ngã của bạn, đe dọa cả sự thoải mái của bạn. Những điều đó làm khổ cuộc sống. Bạn luôn luôn không an tâm, bởi vì thế giới không đơn giản là danh mục đặt hàng qua bưu điện cho mọi điều ước muốn của bạn”.

Theo Ricard, lòng vị tha không đòi hỏi chúng ta phải hy sinh hạnh phúc riêng của mình. Trên thực tế, một tấm lòng nhân từ, vốn đặt căn bản trên sự hiểu biết đúng đắn của tính liên thông, sẽ đưa đến cả hai phía đều có lợi ích. Chúng ta nảy nở niềm vui, và cùng lúc đó chúng ta cùng hòa lợi ích với tất cả xung quanh chúng ta.

Matthieu Ricard đã từng là người phiên dịch cho Đức Đạt-lai Lạt-ma từ năm 1989, và ông nhớ lại cách đây vài năm, ông chuẩn bị đi nghỉ tịnh cư tại vùng núi Nepal. Khi đó, Đức Đạt-lai Lạt-ma khuyên ông: “Thời gian đầu, hãy thiền từ bi. Thời gian giữa, thiền từ bi. Thời gian cuối, thiền từ bi”.

Thiền về vị tha và từ bi, Ricard cho ta những lời dạy

đơn giản. “Đầu tiên, hãy nghĩ về những ai gần gũi với mình, bạn làm trỗi dậy tình yêu vô điều kiện và sự tử tế dành cho họ. Rồi thì từ từ bạn trải tình yêu đó cho mọi người, và bạn tiếp tục như thế khi tâm bạn đầy yêu thương. Nếu bạn nhận ra tình thương đó giảm đi, bạn hãy làm nó sống trở lại. Nếu bạn lơ đãng, bạn hãy chú tâm trở lại để yêu thương”.

Ông tiếp tục, “Vì tâm từ bi, bạn hãy bắt đầu nghĩ về những ai gần gũi với bạn đang đau khổ, và bạn chân thành mong họ thoát khỏi niềm đau. Rồi thì bạn sẽ làm gì vì tình thương đó”.

Ricard bộc lộ với tạp chí *Lion's Roar*, “Một bác sĩ học từ sáu đến bảy năm để làm chủ về chuyên môn, cũng như thế, nếu bạn muốn giúp đỡ người khác, ý nghĩ đó chẳng giống chút nào như khi một buổi sáng thức dậy, bạn nghĩ, ‘tôi đang thay đổi thế giới’. Không đâu, bạn phải tự đào tạo cho được một số phẩm chất”. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh, chúng ta cần hiểu biết về từ bi như thế này: Nếu ta thiếu từ bi cho người nào đó, thì ta thiếu từ bi cho tất cả.

“Nếu bạn có từ bi cho mọi người, trừ một nhóm sắc tộc nào đó hay loài vật, thế thì bạn đang giết một phần của sự cộng hưởng thấu cảm với những người khác. Bạn đã đánh đoạn tính người với những người đó hay bạn đã loại bỏ con vật vì tầm nhận thức hạn chế của bạn”.

“Để thúc đẩy chiều hướng về một xã hội nhiều vị tha hơn”, Ricard viết trong *Altruism*, “điều cốt yếu là những người vị tha hợp tác cùng nhau và tạo sức mạnh. Trong thời đại của chúng ta, sự hiệp lực giữa những người cộng tác và những người vị tha không còn đòi hỏi phải được tập hợp trong cùng một vùng địa dư, vì bây giờ phương tiện giao thông thuận lợi và đặc biệt mạng xã hội cho phép nối liền hoạt động cộng tác với rất nhiều người một cách rộng rãi hầu cho phân tán về mặt địa dư”.

Trong rất nhiều tổ chức cứu trợ, mọi người thường khởi đầu với ý định tốt, muốn làm vui đi nỗi khổ, thế nhưng họ lại bị làm mỗi cho những tuế toái của con người, những xung đột bản ngã, và tham nhũng. Sự cứu trợ nhân đạo bị trật đường ray, kết cục rơi vào túi ai đó hoặc đơn giản bị mất mát do tệ quan liêu.

“Liên Hợp Quốc nhận định công việc cứu trợ là thành công nếu 50% của quỹ NGO (tổ chức phi chính phủ) đến được người cần được cứu giúp”, Ricard nói. Nhưng trong trường hợp của Karuna-Shechen, 98% của quỹ đạt đến mục tiêu, chỉ có 2% được dùng cho chi phí hoạt động. Ricard tiếp tục, “Tất cả chúng tôi ở Karuna-Shechen đều chia sẻ cùng một tầm nhìn, cùng một loại đào tạo và cùng một cống hiến”.

Karuna-Shechen hiện nay đã tổ chức ba kỳ hội thảo hướng nghiệp khác nhau cho phụ nữ ở Ấn Độ. Phụ nữ được dạy cách làm nến và nhang, cũng như được dạy cách làm nhanh hai loại bữa ăn sáng. Những người học

sáng giá nhất sẽ được đào tạo dài hơn và tổ chức giúp họ đứng vững ở trong một đơn vị sản xuất.

Hiện nay, phụ nữ làm việc trong các cơ sở sản xuất đó từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều, làm 6 ngày trong tuần và sản xuất 150 nến trong một ngày với nhiều màu sắc và hình dáng, như cây Nô-en xanh, trái tim hồng, những tượng nhỏ truyền thống của Ấn Độ. Họ hưởng lợi tức từ việc bán sản phẩm tại thị trường địa phương, thêm vào đó, họ khỏi trả công đào tạo, bữa ăn và chi phí di chuyển.

Rinku là một trong những người phụ nữ làm nến. “Học nghề thủ công mới này không chỉ giúp tôi có việc làm, mà còn bảo đảm điều kiện sống của gia đình bằng cách thêm thu nhập”, bà nói. “Tôi sẽ dùng một phần số tiền này để phụ trả chi phí cho việc học của anh chị em của tôi”.

Những người phụ nữ tự hào được chọn từ những người tham gia khóa học đầu tiên, bởi vì họ hiểu rằng chuyện làm và bán được sản phẩm chính là sự khác biệt giữa có và không có cuộc sống đàng hoàng. Cơ hội việc làm cho phụ nữ nông thôn là ít, và cái đáng giá thường là công việc nặng nhọc còng lưng, như gánh gạch hay làm nông nhiều giờ dưới cái nắng Ấn Độ khắc nghiệt.

Với nhiều sự quan tâm đến người khác, Ricard viết trong *Altruism*, “Tất cả chúng ta hành động với quan điểm là giảm nhẹ bất công, sự phân biệt và cái nghèo”. Đi xa hơn, ông thêm, “Nếu chúng ta lo lắng về số phận của những thế hệ tương lai, chúng ta sẽ không hy sinh mù quáng hạnh phúc của họ cho những lợi ích phù du của chúng ta, phó mặc hành tinh ô nhiễm, kiệt quệ cho những ai đến sau chúng ta. Trái lại, chúng ta cần xúc tiến một nền kinh tế thận trọng nhằm nâng cao lòng tin cho nhau và tôn trọng lợi ích của người khác”.

Trong khi Matthieu Ricard là người trứ danh về lòng vị tha và từ bi, ông cũng là người nói thẳng thừng. Ông muốn chúng ta tu tập lòng nhân từ. Ông còn muốn chúng ta làm hơn nữa. Ông nói: “Nếu từ bi mà không có trí tuệ thì từ bi mù, nếu từ bi mà không thực hành thì đạo đức giả”. ■

Chú thích của người dịch:

1. Giáo sư François Jacob, giải Nobel về y khoa năm 1965.

2. fMRI (Functional Magnetic resonance imaging): Chụp cộng hưởng từ chức năng. Các nhà khoa học sử dụng từ trường để quét liên tục mọi tín hiệu thần kinh trong não bộ. Tín hiệu đó được tái hiện bằng hình ảnh giúp cảm nhận được chúng một cách trực quan.

Nguyên tác: “Matthieu Ricard’s Journey to Compassion” - Andrea Miller.

Tác giả: Andrea Miller là Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo *Lion's Roar*.

Nguồn: <https://www.lionsroar.com/matthieu-ricards-journey-to-compassion/>.



Để có một mùa an cư lợi lạc

HUYỀN HẠNH

An cư mùa mưa (*Vassāvāsa*) là một tập tục sinh hoạt truyền thống của Tăng-già (*Sangha*) hay đoàn thể những người xuất gia theo đuổi con đường giác ngộ của Phật với mục đích giải thoát khổ đau của tự thân và làm lợi lạc cho cuộc đời. *Vassāvāsa* có nghĩa là sống qua mùa mưa gió, ngụ ý sự tập trung tu học của các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni tại một trú xứ trong khoảng thời gian ba tháng mùa mưa, hạn chế tối đa các sinh hoạt ở bên ngoài. Nguyên khởi, đây là một tập tục sinh hoạt mang tính thích nghi với điều kiện thời tiết trong năm ở xứ sở Ấn Độ; qua thời gian, an cư trở thành một hoạt động quan trọng và cần thiết đối với đời sống tu tập của người xuất gia. Trong khoảng thời gian này, chư Tăng Ni có lý do chính đáng để hạn chế các hoạt động ở bên ngoài, chuyên tâm vào việc học tập và hành sâu lời Phật dạy nhằm trưởng dưỡng giới đức, tâm đức và tuệ đức. Xã hội tạm vắng bóng người tu sĩ hành đạo nhưng quần chúng rất đổi hân hoan vì biết rằng chư Tăng Ni đang chuyên tâm trau dồi đạo nghiệp để ngày mai đạo hạnh càng thêm tỏa sáng. Do tính chất quan trọng đối

với nếp sống tu tập của người tu sĩ nên dù ở đâu và thời đại nào Tăng già cũng tuân thủ tập tục an cư, xem đây là khoảng thời gian thuận lợi cho sự nghiệp tu học thăng tiến đạo hạnh giải thoát của hàng xuất gia.

Trọng tâm của sinh hoạt an cư là thời biểu tu học của chư Tăng Ni tại mỗi trú xứ, được thiết lập chặt chẽ phù hợp với quá trình rèn luyện bản thân của người xuất gia theo tiêu chí Tăng thượng giới (*Adhisila*), Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), Tăng thượng trí tuệ (*Adhipannā*). Đây hẳn là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động an cư, tức là mọi sinh hoạt của các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni đều được quy định chặt chẽ, cốt yếu giúp cho các thành viên của Tăng già chuyên tâm vào nếp sống tự độ, tập trung phát triển đạo đức, tâm thức và trí tuệ cho mục tiêu giải thoát của bản thân. Nói cách khác, an cư là khoảng thời gian chư Tăng Ni tập trung nhiều vào việc học tập và thực hành pháp giải thoát của Đức Phật, học hỏi nhiều về con đường Giới-Định-Tuệ, suy tư nhiều về con đường Giới-Định-Tuệ, tinh cần nhiều về con đường Giới-Định-Tuệ, an trú nhiều về con đường Giới-Định-Tuệ, sáng tỏ nhiều về con đường

Giới-Định-Tuệ, an lạc nhiều trong nếp sống chuyên tâm hành trì Giới-Định-Tuệ.

Nhân mùa An cư của chư Tăng Ni, chúng ta đọc và suy gẫm lại một bài pháp ngắn do Đức Thế Tôn dạy cho các Tỷ-kheo, nêu rõ chân dung đích thực của người xuất gia, một người luôn luôn có những ưu tư, trăn trở và hoài bão làm thế nào để xứng đáng là người xuất gia đúng như mong mỏi của bậc Đạo sư. Bài kinh có nội dung súc tích, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ học thuộc lòng, rất tiện cho người xuất gia thường xuyên suy niệm và vận dụng vào đời sống tu học hàng ngày.

Nguyên văn lời Phật dạy:

"Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này, người xuất gia phải luôn luôn quán sát. Thế nào là mười?"

1. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta nay đi đến tình trạng là người không giai cấp".*

2. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác".*

3. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Nay cử chỉ oai nghi của ta cần phải thay đổi".*

4. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Không biết tự ngã có chỉ trích ta về giới hạnh không?".*

5. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Không biết các đồng Phạm hạnh có trí, sau khi tìm hiểu, có chỉ trích ta về giới hạnh không?".*

6. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Mọi vật khả ái, khả ý của ta bị đổi khác, bị biến hoại".*

7. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là thai tạng của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ quy hướng của nghiệp; phạm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy".*

8. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Thời gian trôi qua bên ta và nay ta đã là người như thế nào?".*

9. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta có hoan hỷ trong ngôi nhà trống hay không?".*

10. *Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta có chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không, để đến những ngày cuối cùng, các đồng Phạm hạnh có hỏi, ta sẽ không có xấu hổ?".*

Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, người xuất gia phải luôn luôn quán sát".

Mười pháp trên là các đề tài mà Đức Phật khuyên người xuất gia cần phải luôn luôn quán sát để tự nhắc nhở và sách tấn mình trên bước đường tu học đạo giải thoát, để luôn luôn có ý thức rõ về lý tưởng của người xuất gia, phong thái của người xuất gia, giới hạnh của người xuất gia, tâm thức của người xuất gia, kiến thức của người xuất gia, ý chí của người xuất gia và mục đích của người xuất gia.

Pháp thứ nhất nói đến lý tưởng "không giai cấp" của người xuất gia. "Không giai cấp" là chủ trương độc đáo

của Đức Phật xuất phát từ sự chứng ngộ thực tại vô ngã của Ngài và vì vậy nó trở thành lý tưởng thực nghiệm đối với mọi thành viên của Tăng-già. Người xuất gia đã "cát ái tử thân", xa lìa tộc tánh thế gian cũng như mọi tổ chức đẳng phái xã hội, đã trở thành người xuất thế; do đó, không còn đứng trong hàng ngũ những người thế tục, không thuộc giai cấp hay đẳng phái nào trong xã hội. Giai cấp không gì khác là ý tưởng về bản ngã được mở rộng, một thực thể thế tục do con người dựng lên nhằm duy trì và củng cố trật tự xã hội, không thích hợp và không nên áp ủ bởi những người theo đuổi đạo lý vô ngã giải thoát. Người xuất gia phải thấy rõ bản chất giới hạn và trói buộc của mọi thực thể hữu vi để tránh cho tâm thức khỏi rơi vào thích thú nương tựa và vướng lụy; phải nuôi dưỡng chí xuất trần, không ham muốn thế gian, sẵn sàng rời bỏ mọi ý niệm nương náu trần thế; giống như con ngỗng trời dễ dàng bay vút lên tầng trời cao, bỏ lại sau lưng chốn ao hồ tù đọng².

Đây hẳn là lý tưởng nhấn mạnh về tâm giải thoát không chấp thủ, cốt yếu nhắc nhở người xuất gia thực tập hạnh buông xả, không vướng mắc vào pháp thế gian, vì tâm lý thích thú bám chấp vào bất kỳ pháp hữu vi nào cũng không tránh khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não³.

Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo thực tập tâm vô ngã, không dính mắc, bình đẳng, không thiên vị⁴; tuyên bố đạo của Ngài siêu việt giai cấp hay giới tính: "Ví như, này Pàhàrada, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pàhàrada, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử"⁵.

Như vậy, pháp thứ nhất là một tâm niệm cao quý mà người xuất gia cần phải nuôi dưỡng để hạn chế các vướng lụy trần thế, loại bỏ cảm thức ngã mạn, thực hiện tâm giải thoát, bình đẳng, vô ngã, không phân biệt mình và người khác.

Pháp thứ hai nói về việc sinh sống hàng ngày của người xuất gia. Để có được thuận duyên trong đời sống tu học, Đức Phật khuyên dạy người xuất gia thực thi chánh mạng, tránh mưu sinh bằng các nghề nghiệp không thích đáng, tự đặt mình trong mối tương quan với người khác bằng cách chấp nhận nếp sống tri túc khắc thực, nuôi sống thân mạng nhờ vào niềm tin và hảo tâm của mọi người. Đây là tâm niệm lớn mà Đức Phật khuyên người xuất gia cần vận dụng để xác định mục tiêu tu học của mình, thực tập hạnh kham nhẫn, đức cam khó, đồng thời nuôi dưỡng lòng biết ơn và thái độ trách nhiệm đối với cuộc đời.

Pháp thứ ba đề cập về cử chỉ oai nghi hay cách thái của người xuất gia. Người xuất gia cần phải thực tập và thể hiện một phong thái nhã nhặn, từ tốn và đứng đắn



Nguồn: phatgiaqueson.org

trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, tránh các biểu hiện thô tháo và hành tướng không đúng đắn. Đây là tâm niệm giúp cho người xuất gia tập uốn nắn và hoàn thiện tư cách giác ngộ của mình.

Pháp thứ tư nhấn mạnh đến giới hạnh hay hạnh kiểm đạo đức của người xuất gia. Để giúp cho hàng xuất gia hoàn thiện phẩm cách đạo đức, ngoài những lời dạy căn bản nhấn mạnh về giới hạnh, Đức Phật còn tuyên thuyết các học giới (*sikkhàpadà*) mà người xuất gia cần phải tuân thủ. Người xuất gia sống và hành xử theo giáo pháp và giới luật của Phật, do đó cần phải thường xuyên dò xét nếp sống của mình, xem có phù hợp với giáo pháp và quy định của giới luật hay không để tự kiểm thảo và nỗ lực điều chỉnh. Tâm niệm này có khả năng giúp cho người xuất gia tăng trưởng giới đức, phát huy tâm lý tự thẹn với mình (tàm) trong trường hợp lỡ vi phạm lỗi lầm hay nuôi dưỡng cảm thức tự xấu hổ đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác nhằm hoàn thiện nếp sống đạo đức.

Pháp thứ năm cũng nhấn mạnh về giới hạnh của người xuất gia. Ngoài việc tự xem xét về hạnh kiểm của bản thân để kịp thời chỉnh sửa, người xuất gia cần nuôi dưỡng tâm lý e ngại các bạn đồng tu sẽ phiền lòng quở trách mình về giới hạnh. Đây là tâm niệm giúp cho người xuất gia phát huy tâm lý thẹn với người (quý) hay cảm giác lo lắng người khác sẽ phiền lòng quở trách mình về các hành vi sai trái xấu ác nhằm ngăn tránh mọi lỗi lầm trong đời sống tu học, khiến cho đạo đức đi đến tăng trưởng.

Pháp thứ sáu lưu nhắc người xuất gia về quy luật vô thường. Vô thường luôn luôn là bài học lớn cho người xuất gia trong lộ trình nỗ lực đi đến giác ngộ. Người xuất gia cần phải thường xuyên chiêm nghiệm và nhận

rõ sự thật vô thường của bản thân và sự đổ vỡ biến hoại của mọi thứ mình yêu thích để khắc phục tâm lý luyến ái và tinh tấn tu học. Đây là tâm niệm giúp cho người xuất gia phát triển năng lực tinh cần tỉnh giác và buông bỏ tâm ái dục.

Pháp thứ bảy nhấn mạnh nghiệp hay hành vi có chủ ý là yếu tố quyết định vận mệnh khổ đau hay hạnh phúc của chúng sinh. Người xuất gia cần phải hiểu rõ giáo lý nói về nghiệp (*kamma*) hay ý chí (*cetanà*) để định hướng cho sự nghiệp tu học của mình. Đức Phật nói đến ba loại nghiệp gồm thiện, ác, vừa thiện vừa ác và các kết quả tương ứng để giúp cho mọi người định hướng cuộc sống hiền thiện của mình theo luật nhân quả, đồng thời nói đến loại nghiệp thứ tư có khả năng giúp cho con người thoát khỏi nhân quả khổ đau, tức là ý chí (*cetanà*) hay sự quyết tâm vượt qua hay đoạn tận toàn bộ các nghiệp thiện, ác, vừa thiện vừa ác nằm trong vòng nhân quả luân hồi⁶. Đây là tâm niệm giúp cho người xuất gia định hướng nếp sống đạo đức hiền thiện của chính mình, mặt khác thể hiện ý chí và trách nhiệm đối với mục tiêu giải thoát của tự thân.

Pháp thứ tám gợi nhắc người xuất gia về sự tinh cần tỉnh tấn trong đời sống tu học. Người xuất gia cần nhận rõ mỗi thời khắc trôi qua trong cuộc đời của mình để nỗ lực tinh tấn tu tập nhằm đạt cho được mục tiêu tiến bộ lợi lạc trên bước đường thực hành đạo lý giải thoát. Tâm niệm này có khả năng giúp cho người xuất gia phát huy năng lực tinh cần tỉnh tấn để từng bước hoàn thành mục tiêu tu học của mình hoặc nói theo lời Phật là “*hăng hái tinh cần tu tập để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ, chứng đạt những gì chưa chứng đạt*”.

Pháp thứ chín lưu ý người xuất gia về trọng tâm của sự

nghiệp tu tập đạo lý giải thoát. Người xuất gia cần phải nhận rõ mục tiêu sự tu học của mình là để đoạn trừ mọi kiết sử (*samyojanà*) và lậu hoặc (*àsava*), thực nghiệm tâm giải thoát (*cetovimutti*), tuệ giải thoát (*paññāvimutti*). Muốn thực hiện mục tiêu như vậy thì phải thực hành Thiền định và phát triển trí tuệ. Vì chỉ có Thiền định và trí tuệ mới có khả năng giúp cho người xuất gia đạt được mục tiêu giải thoát giác ngộ. Do vậy tâm niệm thứ chín này lưu nhắc người xuất gia cần phải chuyên tâm tu tập Thiền định và tìm thấy hân hoan trong nếp sống hành Thiền. “Ngôi nhà trống” (*sunṇagāra*) trong văn cảnh bài kinh ngụ ý sự chuyên tâm tu Thiền hay hành Thiền, chú tâm vào nội lạc (*ajjhātasukha*)⁸ nhằm thực chứng Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), Tăng thượng trí tuệ (*Adhipañña*) đưa đến sự đoạn trừ các lậu hoặc. Trong các bản kinh Pāli, Đức Phật thường khuyên nhắc: “*Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là ngôi nhà trống. Hãy tu Thiền, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau*”. Đây là lời khuyên quan trọng của Đức Phật giúp cho người xuất gia chú tâm vào mục tiêu giải thoát, dành mọi ưu tiên cho việc thực nghiệm tâm giải thoát, tuệ giải thoát thông qua pháp môn hành Thiền.

Pháp thứ mười nói đến kết quả của việc tu Thiền hay mục đích tu học của người xuất gia. Nhờ chuyên tâm hành sâu Thiền định mà người xuất gia chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thành tựu mục tiêu của sự tu tập đạo giải thoát. Thuật ngữ “*các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh*” (*uttarim manussadhammā alamariyānadassana*) được nêu trong bài kinh chỉ cho tâm thức thoát khỏi các trói buộc của dục giới, đạt đến tầng thượng và giải thoát, tức sự thực nghiệm hay chứng đắc các tâm Thiền sắc giới, vô sắc giới, Diệt thọ tưởng định, hướng đến đoạn trừ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đắc quả giải thoát⁹ hay sự chứng đắc sơ Thiền, nhị Thiền, tam Thiền, tứ Thiền, thành tựu túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh, đắc quả A-la-hán, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi¹⁰. Đây là tâm niệm giúp cho người xuất gia nhận rõ trách nhiệm giải thoát đối với tự thân, quyết tâm đạt cho được Chánh trí ngay trong hiện tại (*ditṭhadhamme anna*), hoàn thành mục tiêu tu học của mình ngay trong đời này.

Như vậy, người xuất gia mà ngày đêm chuyên tâm suy tư quán sát về mười đề tài do Đức Phật gợi ý, lấy đó làm tâm niệm nhắc nhở và sách tấn mình tu tập, thì chắc chắn đạt được sự tiến bộ đáng kể trong đời sống thực hành đạo giải thoát. Các bản kinh Pāli Nikāya thường nói đến việc các Tỷ-kheo quyết định chọn một đề tài nào đó trong giáo pháp của Phật làm đề mục Thiền quán rồi đi sâu vào rừng chuyên tâm phát triển tâm thức dựa trên đề mục ấy và nhờ vậy mong chóng đắc quả giải thoát¹¹. Cụ thể là trường hợp Tỷ-kheo Punna nhận đề tài Thiền quán về sáu nội ngoại xứ từ Thế Tôn rồi đi đến xứ Sunaparanta, chuyên cần phát triển tâm giải thoát dựa trên đề tài ấy và chứng được tam

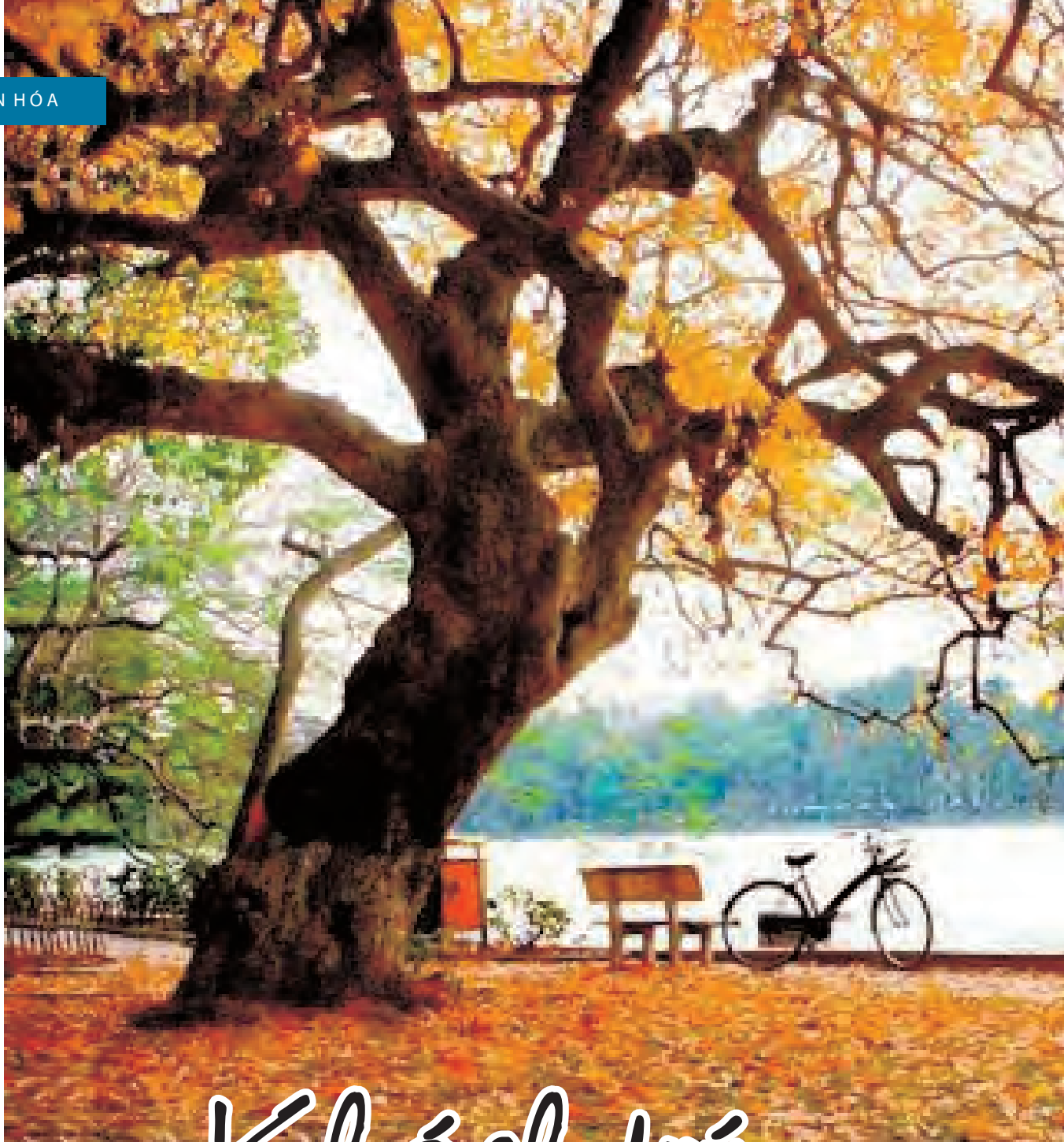
minh (*tevijja*) sau ba tháng an cư mùa mưa¹². Hay trường hợp nhóm 500 Tỷ-kheo trẻ thiếu chánh niệm bị Thế Tôn khiển trách đuổi đi, khéo hiểu ra thâm ý của bậc Đạo sư: “*Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!*”, đã dùng suy tư ấy làm động lực tinh cần, chuyên tâm hành sâu pháp giải thoát của Thế Tôn. Kết quả là sau ba tháng an cư mùa mưa ở bên bờ sông Vaggamudā, tất cả chúng Tỷ-kheo gồm năm trăm vị đều đắc tam minh, chói sáng cả một vùng trời¹³.

Nhìn chung, An cư mùa mưa (*Vassāvāsa*) là dịp thuận lợi để cho hàng xuất gia chuyên tâm về đời sống tự độ, chuyên tâm thực tập tâm giải thoát, tuệ giải thoát, phát huy năng lực giác ngộ nhờ có thời gian tập trung đi sâu vào con đường Giới-Định-Tuệ của Phật. Người xuất gia mà khéo vận dụng khoảng thời gian này để học tập và hành sâu lời Phật dạy thì đạo hạnh sẽ tỏa sáng, giới đức, tâm đức, tuệ đức sẽ đi đến tầng thượng nâng cao hình ảnh giải thoát của bậc Thích tử giữa cuộc đời. Hẳn nhiên, đây cũng là một dịp thuận lợi cho hàng cư sĩ tại gia thể hiện tín tâm của mình đối với Tam bảo bằng cách phát tâm hộ trì cho chư Tăng Ni thực hành pháp sự An cư, thân cận học tập và theo gương sáng của hàng xuất gia cả về pháp học lẫn pháp hành. Tài liệu kinh *Trường bộ* thuật sự kiện vị cư sĩ bộ trưởng Mahā-Govinda đã tu tập các tâm thái từ, bi, hỷ, xả trong thời gian ba tháng an cư mùa mưa và đến lúc mãn hạn, ông đã tự thân gặp gỡ đàm đạo với Phạm thiên Sanamkumāra, người đã giảng giải cho ông về con đường dẫn đến Phạm thiên giới¹⁴.

Một sinh hoạt mang lại lợi ích lớn cho tứ chúng đệ tử Phật như vậy nên An cư luôn luôn là một mùa tu học lợi lạc được hân hoan chờ đợi bởi muôn người con Phật trên thế gian. ■

Chú thích:

1. Kinh Các pháp, *Tăng chi bộ*.
2. Kinh Pháp cú, kệ số 91.
3. Kinh Đại không, *Trung bộ*.
4. Tiểu kinh Ái tận, *Trung bộ*.
5. Kinh A-tu-la Pāhāraḍa, *Tăng chi bộ*.
6. Kinh Cầu hành giả, *Trung bộ*.
7. Kinh Các sợ hãi về tương lai, *Tăng chi bộ*.
8. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*.
9. Tiểu kinh Rừng sừng bò, *Trung bộ*.
10. Kinh Bhaddāli, *Trung bộ*.
11. Kinh Tỷ-kheo, Kinh Chấp trước, Kinh Suy tưởng, Kinh Migajāla, Kinh Khúc gỗ, Kinh Bahiya, *Tương ưng bộ*; Kinh Con của Mālunkyaṇputta, Kinh Thân giáo sư, Kinh Pháp lược thuyết, *Tăng chi bộ*.
12. Kinh Giáo giới Phú-lâu-na, *Trung bộ*.
13. Kinh Phật tự thuyết, (III) (Ud. 24), *Tiểu bộ*.
14. Kinh Mahā-Govinda, *Trường bộ*.



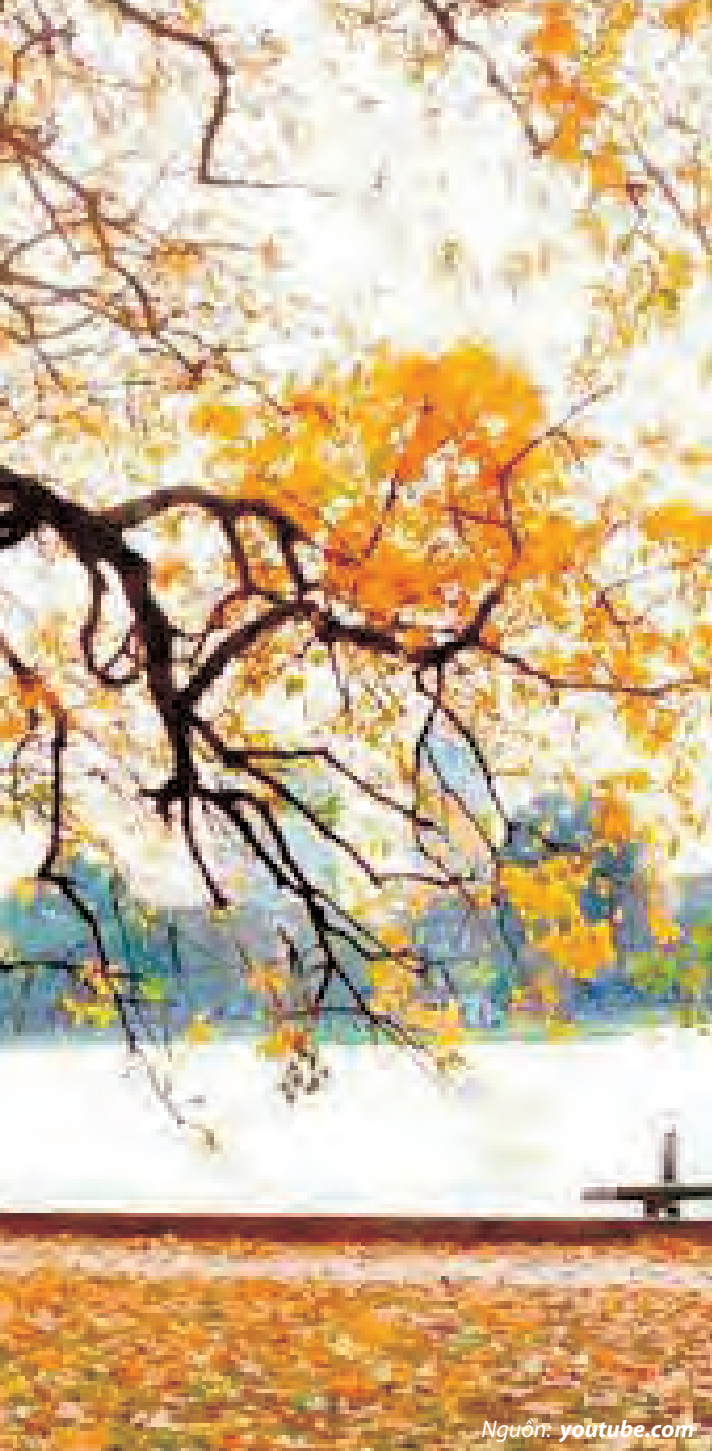
Khách trú

Và những bản tình ca về đất

LÊ HẢI ĐĂNG

Xét đến cùng, tất cả chúng ta đều mang thân phận khách trú sống nhờ trên cõi tạm này, nhưng giới hạn trong những trải nghiệm mà ký ức lưu giữ thì thuộc khách lại nằm ở những thay đổi tạo nên bởi sự xê dịch về không gian lũy tiến theo chiều dài năm tháng.

“Khách trú” vốn là một từ vay mượn bắt đầu dĩ nhiên chỉ những thân phận đã đi qua chóng vánh hay dài lâu ở chốn tha phương không thuộc quê cha, đất tổ. Nhìn một cách siêu việt, vượt lên trên cõi tạm, chúng ta đều là khách trú, ở tạm trong những ngày tại thế, còn nhìn vào sự hữu hạn thường biến, có sự khác biệt



Nguồn: youtube.com

giữa vùng đất gửi lại tuổi thơ và miền biên viễn đi qua trên cuộc hành trình dài suốt một kiếp người. Thật kỳ lạ khi tuổi thơ sớm chấm dứt và tan biến vào ký ức êm đềm lại gần bó thường xuyên, khắc sâu trong tâm trí mỗi người. Ký ức về vùng đất tuổi thơ dường như bắt tử trong tàng thức chúng ta.

Song, những tác phẩm viết về vùng miền đa số tập trung vào phần tử khách trú, như Hoàng Vân có *"Quảng Bình quê ta ơi"*, *"Tình ca người thợ mỏ"*, *"Tình ca Vũng Tàu"*; Minh Kỳ có *"Đà Lạt hoàng hôn"*, *"Thương về miền đất lạnh"*; Lê Đình với *"Hà Tiên"*, Y Vân với *"Sài Gòn"* và *"Hà Tây quê lụa"* của Nhật Lai, *"Chiều trên bến cảng"* của Nguyễn Đức Toàn, *"Huế thương"* của An Thuyên, *"Sa Pa thành phố trong sương"* của Cát Vần, *"Thành phố*

hoa phượng đỏ" của Lương Vinh, *"Tình ca Tây Bắc"* của Bùi Đức Hạnh, *"Nhớ về Hà Nội"* của Hoàng Hiệp, *"Nắng ấm quê hương"* của Vinh An, *"Ơi M'drak"* của Nguyễn Cường, *"Dáng đứng Bến Tre"*, *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của Nguyễn Văn Tý, *"Tha La xóm đạo"* của Dzũng Chinh phỏng thơ Vũ Anh Khanh, *"Nhớ mùa thu Hà Nội"* của Trịnh Công Sơn, *"Thành phố buồn"* của Lam Phương, *"Nha Trang mùa thu lại về"* của Văn Ký...

1. Tâm thái Chủ - Khách trong bản thể khách trú

Thân phận lữ khách phổ biến trong thi ca, âm nhạc, đặc biệt là trào lưu nghệ thuật lãng mạn. Người lữ khách ấy lắm khi đơn giản thể hiện tính thuần khiết của cảm thức quạnh quẽ, lẻ loi, cô độc, "đi bên cạnh cuộc đời", chứ chưa hẳn đã tách rời, xa cách, tạm trú bên lề cuộc sống, hiểu là kiếp sống ngoại lai. Vùng đất khách tạo cho chính chủ nhân thường trú tâm thái khách trọ.

Xuất phát bởi lý do đó mà phần lớn những người mang thân phận thuộc khách đem đến cho vùng đất mới cái nhìn khác lạ, nhờ biến chuyển về mặt không gian, văn hóa. Sự khác biệt hay tính "Khách trú" này không nằm trọn vẹn trong các sáng tác mà gom lại thành những sản phẩm viết về vùng miền. Những tác phẩm này dù ít dù nhiều đã làm nên tính hỗn dung trong văn hóa mà rất nhiều nhạc sĩ có dính líu, đáng kể có nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, một ông hoàng trong hàng thuộc khách đã lưu lại dấu ấn trên nhiều vùng đất đi qua, từ *"Người đi xây hồ Kẻ Gỗ"*, *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* viết về miền Trung đến *"Tắm áo mẹ vá năm xưa"* viết về Hà Bắc, dạt vào phương Nam có *"Dáng đứng Bến Tre"*; nhạc sĩ Hoàng Vân có *"Quảng Bình quê ta ơi"*, *"Tôi là người thợ lò"*, *"Tình ca người thợ mỏ"*, *"Tình ca Vũng Tàu"*, còn Minh Kỳ có hai ca khúc viết về Đà Lạt: *"Thương về miền đất lạnh"*, *"Đà Lạt hoàng hôn"* (cùng Dạ Cầm) bên cạnh ca khúc viết về quê hương xứ sở *"Mưa trên phố Huế"*...

Trong nhiều sáng tác viết về vùng miền, mặc dù giới hạn trong phạm vi khách trú hiện lên sự khác biệt giữa thân chủ và thuộc khách qua góc nhìn hay cách xoay chuyển tâm thái. Tác phẩm âm nhạc không phản ánh tồn tại một cách phái sinh mà ẩn khuất đằng sau cái nhìn chủ quan của người sáng tạo. Nói cách khác, thế giới quan, nhân sinh quan là những lăng kính cho tác phẩm phản chiếu, đi qua. Nó làm nền cho một thực tại thuộc lĩnh vực tư tưởng, quan điểm về âm thanh và nghệ thuật chứ không dịch chuyển nội dung thực tế vào tác phẩm. Vì thế, cùng mang thân phận khách trú, mỗi bản thể ở từng tác phẩm rất khác nhau.

Nếu so sánh: *"Nhớ về Hà Nội"* của Hoàng Hiệp; *"Em còn nhớ hay em đã quên"* của Trịnh Công Sơn; *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của Nguyễn Văn Tý; *"Quảng Bình quê ta ơi"* của Hoàng Vân; *"Thành phố hoa phượng đỏ"* của Lương Vinh; *"Huế tình yêu của tôi"* của

Trương Tuyết Mai, *"Bình Trị Thiên khói lửa"* của Nguyễn Văn Thương; *"Nha Trang mùa thu lại về"* của Văn Ký... với *"Tha La xóm đạo"* của Dzũng Chính; *"Đà Lạt hoàng hôn"*, *"Thương về miền đất lạnh"* của Minh Kỳ; *"Hà Tiên"* của Lê Đình; *"Ai lên xứ hoa đào"* của Hoàng Nguyên; *"Nhớ mùa thu Hà Nội"* của Trịnh Công Sơn... có sự khác biệt rõ rệt giữa tâm thái của chủ thể thẩm mỹ.

Nói cách khác, tâm thái chủ và khách nằm ngay trong bản thể khách trú. Sự khác biệt ấy thể hiện qua cái nhìn lướt qua sự kiện hay dồn ứ, đọng lại nơi ký ức. Tâm thái thuộc khách không tham dự vào miền đất đã đi qua và gửi lại nơi ấy tâm trạng của một người đứng bên ngoài. Còn tâm thái "chủ" được thuộc khách lưu dấu bằng ký ức thông qua các sự kiện. Gắn ghép với tư duy quan sát, ta thấy sự khác biệt ấy ẩn sau cái nhìn quán chiếu "không tham dự" và "tham dự" bởi tâm thái chủ - khách bên trong từng chủ thể. Thuộc khách mang tâm thái chủ đồng hành, tham gia vào tiến trình lịch sử vùng đất, "hội nhập" với những biến cố làm nên tính chất bên trong thực tại. Họ vươn tới sự thấu hiểu, đồng cảm qua từng sự kiện cũng như huyền thoại.

"Nhớ về Hà Nội" của nhạc sĩ Hoàng Hiệp mang dư âm của tiếng lòng người con xa xứ đọng lại nơi miền ký ức về một quê hương (thứ hai). Nó hoàn toàn xóa đi ranh giới chủ - khách xét về cảm quan. Hoàng Hiệp coi *"Hà Nội"* như chính quê hương mình, nên đã viết *"Hà Nội của ta, thủ đô yêu dấu"*... Trong cấu trúc tác phẩm, ông đặt "hiện tại" và "quá khứ" vào hai điệu tính trưởng thứ cùng tên để phân chia thời gian. Điều đó chứng tỏ tác giả đã không hề hững hờ trước những biến thiên của vùng đất ấy như người lữ hành đi qua, ghé tạm trên cuộc hành trình. Tâm thái chủ thể hiện ở hầu hết những tác phẩm đã liệt kê theo về đối xứng, điển hình có: *"Quảng Bình quê ta ơi"* của Hoàng Vân, *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của Nguyễn Văn Tý, *"Em còn nhớ hay em đã quên"* của Trịnh Công Sơn...

Còn như *"Ai lên xứ hoa đào"*, *"Đà Lạt hoàng hôn"*, *"Tha La xóm đạo"*... chủ thể đặt mình vào tâm thái thuộc khách lãng du qua miền đất mới. Nó thể hiện bản thể "không tham dự" vào góc nhìn phản chiếu từ bên ngoài. Biện pháp so sánh, đặt lệch góc nhìn qua từng sáng tác chỉ ra sự khác biệt về tâm thái, cũng như địa bàn cư trú trong tâm hồn chủ thể thẩm mỹ.

2. Địa danh - Căn cước văn hóa vùng miền

Trong rất nhiều tác phẩm viết về vùng miền, địa danh nổi lên như một hằng số bất biến. Tên các con đường, dòng sông, khe suối... thường chất chứa, đọng đầy tác phẩm. Địa danh trở thành căn cước văn hóa xác định bản thể từng vùng đất. So với sáng tác về quê hương xứ sở chung chung, địa danh thường bị giấu tên và phơi bày qua hình ảnh ẩn dụ, như ba tác phẩm lấy tên *"Làng tôi"* của Văn Cao, Hồ Bắc và Chung

Quần đều không tiết lộ bất cứ chi tiết nào về địa danh. Chúng ta thật khó xác định nơi ấy thuộc về miền đất nào? Địa danh hoàn toàn biến mất trong cái tôi xác lập chủ thể sở hữu đối với một vùng đất. Trong khi địa danh lại là bến đỗ, căn cứ cho khách trú neo đậu, ghé vào để xác định căn cước văn hóa cho một vùng miền. Đối với họ, khi nhắc đến một vùng đất nào đó là nói đến địa danh. Địa danh như tấm thẻ xác định bản thể vùng miền.

Ở *"Thành phố hoa phượng đỏ"*, hàng loạt tên phố, tên sông, cây cầu, bến nước... được nhạc sĩ Lương Vinh đưa vào tác phẩm, với: *"Bến Bính, Xi Măng, Cầu Rào, Cầu Đất, Lạc Viên"*; ca khúc *"Hà Tiên"* của nhạc sĩ Lê Đình thì huy động hàng loạt địa danh nên thơ của vùng đất này: như: *"Bến Tô Châu, làng Mạc Cửu, Voi Phục, Thạch Động..."* hay như *"Tình ca Vũng Tàu"* của Hoàng Vân có *"Bến Đá, Núi Lớn, Núi Nhỏ, Bãi Trước, Bãi Sau"*; *"Hà Tây quê lụa"* của Nhật Lai có: *"Ba Vì, Khu Cháy, Sông Tích, Sông Đà, Đan Phượng, Suối Hai, Cầu Giẽ"*, còn *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý gắn kết *"đường Đồng Lộc, đường Khe Giao... đường Hồng Lam, Đèo Ngang, Linh Cảm"* với *"Cùng bao nhiêu con đường ra mặt trận"* để nối dài từ con đường cụ thể đến trừu tượng nhằm vươn tới ý nghĩa phi thực tại, đồng thời cho thấy dấu vết của khuynh hướng lãng mạn vẫn còn sót lại trong một tác giả từng tham gia "liên minh" các nhạc sĩ thời Tân nhạc. Giữ kỷ lục về biện pháp liệt kê địa danh trong ca khúc phải nhắc tới: *"Bình Trị Thiên khói lửa"* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, có: *"Sông Hương, Thiên Mụ, Đập Đá, Văn Xá, Truôi Nong, Đông Hà, Ngõ Xá, Bích La, Thủy Ba, Triệu Phong, Đèo Ngang, Ba Rền, sông Ranh, Lũy Thầy, Hải Lăng, Chí Lăng, Trung Năm, Cự Năm, Cầu Nhi, Ba Lòng, Khe Xanh"*... với mật độ dày đặc địa danh.

3. Xu hướng đối lưu trong cách thức thể hiện

Câu thành ngữ: *"Đi đến đâu hát điệu nơi ấy"* từng được chuyển dịch sang nhiều ngữ cảnh khác nhau, song có lẽ phù hợp hơn cả với tính chất đặc thù của tác phẩm âm nhạc viết về vùng miền. Thiên nhiên sớm gây ảnh hưởng lên cảm quan con người qua những sáng tác gắn kết tâm cảnh với ngoại cảnh. Chẳng phải ngẫu nhiên mà văn hóa mỗi vùng đất đã tạo nên nét khác biệt từ yếu tố thiên nhiên - Địa văn hóa - từ đó hình thành một thiên nhiên thứ hai là không gian văn hóa.

Bên cạnh phương pháp tư duy "Địa văn hóa" bằng cách gọi tên "địa danh" qua ca từ, còn có cách thức triển khai chất liệu âm nhạc địa phương hay nói cách khác là sử dụng "phương ngữ" để tạo không gian văn hóa cho âm nhạc trú ngụ. Trên hai phương diện tiếng nói (lời ca) và tiếng nhạc (ngôn ngữ tình cảm), tác phẩm viết về vùng miền cố gắng khai thác triệt để yếu tố nội

sinh, như *"Dáng đứng Bến Tre"* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã sử dụng chất liệu dân ca địa phương ngay từ câu mở đầu với tính chất "Hát nói" theo phương ngữ Nam Bộ. Nhìn vào hóa biểu, ta dễ dàng xác định giọng điệu của *"Dáng đứng Bến Tre"* (giọng Trường!), nhưng cần chú ý cách tiến hành giai điệu, xử lý dấu giọng và sự dịch chuyển các bậc âm, rõ ràng toát lên âm hưởng hơi Oán - một đặc sản vùng văn hóa phương Nam.

Còn với *"Quảng Bình quê ta ơi"* của nhạc sĩ Hoàng Vân, xuyên suốt tác phẩm là hơi Bắc kết hợp với làn điệu Sa mạc, "lớp" Hồ khoan Xướng: "Quảng Bình" - Xô: "Khoan khoan hò khoan" điểm xuyết, đan cài cho thêm phần "đậm đà bản sắc". Thực tế, nếu tham chiếu dân ca Quảng Bình, việc sử dụng chất liệu âm nhạc ở tác phẩm này đã vượt khỏi khuôn khổ nhỏ hẹp của một địa phương. Ta thấy ở *"Quảng Bình quê ta ơi"* có sự cộng tồn nhiều chất liệu âm nhạc, có âm hưởng của Chèo, hát Trống quân, ngâm Sa mạc... và sự lồng ghép, kết hợp các yếu tố một cách tài tình qua sáng tạo của tác giả. Xét về phương diện lời ca, dấu giọng trong ngôn ngữ, "người trai Hà Nội" là nhạc sĩ Hoàng Vân không hề sử dụng "phương ngữ" như thường thấy ở những ca khúc viết về khúc ruột miền Trung, như: *"Huế - tình yêu của tôi"* của Trương Tuyết Mai, *"Huế thương"* của An Thuyên, *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của Nguyễn Văn Tý, *"Sợi nhớ sợi thương"* của Phan Huỳnh Điểu, phổ thơ Thúy Bắc... mà bảo lưu "ngôn ngữ chuẩn mực" nhằm vươn tới không gian văn hóa rộng lớn. Điều đó khiến cho ca khúc *"Quảng Bình quê ta ơi"* có khả năng vượt khỏi địa giới chật hẹp của một địa phương vươn tới những cảm nhận đa chiều, gần gũi với người bên trong và thân quen với người bên ngoài.

Bên cạnh xu hướng hội nhập vùng văn hóa địa phương còn có sự giao thoa giữa các vùng miền trong phạm vi ca khúc, như ở *"Tiếng chày trên sóc Bom Bo"*, nhạc sĩ Xuân Hồng đã đem làn điệu Lý bình vôi - Dân ca Nam Bộ lên vùng đồng bào Stiêng để thổi vào không khí những đêm Giã gạo bằng tiếng "Lồ ô" cùng ánh lửa bập bùng... Điều này ngoài giá trị tương tác hai chiều thông qua việc sử dụng chất liệu âm nhạc, còn cho thấy cách thức hóa giải tình trạng không tương thích, khác biệt giữa cơ tầng văn hóa sở tại (của người Stiêng - chủ thể văn hóa vùng đất Bom Bo, Phước Long) và người Kinh. Nhạc sĩ Xuân Hồng mặc dù đưa chất liệu dân ca Nam Bộ vào *"Tiếng chày trên sóc Bom Bo"*, nhưng lại giấu đằng sau hàng loạt tập tục văn hóa của cộng đồng địa phương.

Đi theo chiều hướng này, hàng loạt ca khúc nổi tiếng viết về Đà Lạt đều bắt nguồn từ đồng bằng được đưa lên vùng cao, như: *"Thành phố buồn"* của Lam Phương; *"Đà Lạt hoàng hôn"*, *"Thương về miền đất lạnh"* của Minh Kỳ; *"Hoài thu"* của Văn Trĩ; *"Tình yêu như bóng mây"* của Song Ngọc; *"Mimosa từ đâu em tới"*

của Trần Kiết Tường... Các ca khúc trên chẳng hề có mối liên hệ trực tiếp với âm nhạc người K'ho, cụ thể là người Lạt, chủ thể văn hóa lâu đời của vùng đất Lâm Viên. Xét ở khía cạnh văn hóa, mỗi vùng đất lại tiếp tục biến thiên, định dạng bởi xu hướng hỗn dung văn hóa nhờ quá trình tiếp nhận nhân tố mới. Từ đó khiến cho ranh giới giữa khách và chủ không nằm ở tầng biểu ý mà dịch chuyển sâu vào bên trong tâm thái mỗi chủ thể sáng tạo.

4. Thấp thoáng hình bóng con người

Một vùng đất sở dĩ đi vào cõi bất tử trong tâm hồn mỗi người có khi đơn giản chỉ vì nơi ấy có một người. Thể tài ca khúc viết về vùng miền có thể xếp vào phạm trù tình yêu quê hương đất nước, song vượt lên trên không gian hữu hạn và thời gian vô hạn là chốn hạnh ngộ của con người, như: *"Những con người làm nên Đồng Khởi"* ở *"Dáng đứng Bến Tre"*; *"Ai đi xa mô đó biết có nhớ đường về"* ở *"Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh"* của Nguyễn Văn Tý; *"Bước chân em chưa mòn lối"* ở *"Nhớ về Hà Nội"*; *"Em ra đi nơi này vẫn thế"* trong *"Em còn nhớ hay em đã quên"*, *"Ai lên xứ hoa đào"* của Hoàng Nguyên... Những con người ấy cho dù có là "ẩn số" chưa thể giải mã thì dựa trên mức độ phổ quát đã trở thành "hằng số" thông qua nhiều tác phẩm. "Hằng số" ấy đóng vai trò tác nhân dẫn đến cuộc "hành hương" về miền đất tha phương.

Thân phận khách trú vốn bị ám ảnh bởi nỗi cô đơn thường trực. Tâm hồn khách trú cần đến bến bờ yêu thương để neo đậu, như thông điệp *"Nhớ tới một người để nhớ mọi người"* mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn gửi vào tác phẩm *"Nhớ mùa thu Hà Nội"*. Hình bóng con người luôn thấp thoáng, ẩn hiện, văng lai trong tác phẩm có khả năng tạo đường liên kết thông qua sự kiện. Con người mặc dù đã nối dài khoảng cách tâm lý qua không gian vật lý, nhưng nỗi cô đơn vẫn ngự trị dai dẳng suốt trường cảm xúc vô tận để tràn vào nội giới gây nên những rung động thẩm mỹ. Bản chất phi thực tại, mơ hồ của những thân phận mang dấu ấn khách trú đã đẩy đến bến bờ hiện thực tính chất hư ảo đủ cho xúc cảm nhóm lên, trực diện tỏa bóng xuống tác phẩm làm nên cảm nhận về đường biên rõ rệt giữa thân phận chủ và khách. Những đứa con tinh thần mang bản thể "Khách trú" tiếp tục tạo nên nét riêng, ẩn chứa lời tri ân thiết tha đến miền đất đã đi qua. Khi sự xê dịch ngày càng diễn ra thường xuyên, ranh giới giữa các vùng miền càng trở nên nhạt nhòa thì những giá trị khác biệt có xu hướng phai nhạt, nhòa đi trước sự cảm nhận.

Đó là lý do tại sao địa phương ca ngày càng lợt ra nằm ngoài mối quan tâm, ưu tư của người sáng tác mà thuở nào nhờ vào âm nhạc, sự tinh tại của một vùng đất có khả năng dịch chuyển, bay tới những phương trời xa xôi. ■

Nhân vật trẻ em trong truyện thiếu nhi trước năm 1975 của Nguyễn Thái Hải

ĐINH THỊ TUYẾT - NGUYỄN HÙNG VĨ

Nguyễn Thái Hải là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi. Ngay từ trước năm 1975, tại vùng đô thị Sài Gòn, ông đã có những sáng tác đầu tiên cho các em. Ở các tác phẩm đó, nhà văn tập trung miêu tả cuộc sống, số phận của trẻ em - nhất là những trẻ em nghèo có hoàn cảnh bất hạnh, đáng thương do chiến tranh, do sự ứng xử của người lớn đưa lại. Dù vậy, các nhân vật thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải luôn có tinh thần lạc quan và ý chí vươn lên mạnh mẽ. Hình tượng nhân vật trẻ em của Nguyễn Thái Hải đem lại cho người đọc những cảm xúc yêu thương, thêm yêu mến tinh thần nhân văn của một ngòi bút vì trẻ em. Bởi lẽ đó, những đóng góp của ông dành cho văn học thiếu nhi là không thể phủ nhận, rất cần được nghiên cứu một cách công phu và hệ thống. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập tới những trang viết về thế giới nhân vật trẻ em trong truyện thiếu nhi giai đoạn trước năm 1975 của Nguyễn Thái Hải, thuộc khu vực văn học đô thị miền Nam, thông qua nhân vật trẻ em bất hạnh và những thông điệp đằng sau nó.

1. Nhân vật trẻ em bất hạnh

Trong cảm quan sáng tác của Nguyễn Thái Hải, trẻ em là lớp người cần được yêu thương, chăm sóc ở mọi nơi, mọi lúc. Nhưng cuộc sống vốn phức tạp, bằng cách này hay cách khác luôn tác động đến các em, gây nên không ít tổn thương, tạo nên những vết sẹo tâm hồn rất đáng tiếc.

Viết truyện *Hoa tím gửi* (1970, Nxb Tuổi Hoa), Nguyễn Thái Hải đề cập tới số phận đáng thương của cô bé Dung Chi trong mối quan hệ với bóng ma chiến tranh đầy

thảm khốc. Chiến tranh cướp đi của em những người yêu thương nhất: *"Ba má con mất vì bị đạn lạc trong lúc hai bên đánh nhau (...) những hình ảnh ghê rợn, những tiếng đạn vào in tai, tiếng kêu thất thanh của má em, cái xác nằm úp sấp của ba em"*.

Em trở thành cô bé mồ côi khi đang độ tuổi chồi non nhú cành, buộc phải vào sống trong cô nhi viện. Ở đó, em gặp khá nhiều bạn cùng cảnh ngộ - một thông tin đầy hàm ý về số phận tuổi thơ trong thời buổi bom gầm, đạn xé. Em lớn lên trong vòng tay yêu thương của Sư cô nhưng em vẫn khao khát về một tổ ấm gia đình có cha mẹ, có anh chị... Em được đáp ứng phần nào nguyện vọng ấy khi có một gia đình nhận em về nuôi dưỡng. Tuy nhiên, cô con gái út Thu Mai của gia đình ấy thường hay hiềm khích khiến cho em không thể có được những tháng ngày thật sự tươi đẹp. Nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, em đều nhẫn nhục, cam chịu, mỗi yêu thương của mọi người trong gia đình dần xa nhạt với em. Nỗi ám ảnh về tình thương mỗi lúc một lớn, một sâu sắc trong em, khiến nhiều lần em phải tự hỏi: *"Có phải suốt đời, chỉ có một thứ em phải đi tìm, là tình thương?"*.

Dung Chi quyết định đi tìm tình thương, nhưng càng tìm em chỉ nhận được mỗi một tình thương hại. Với em, tình thương gia đình giờ đây khác nào một giấc mơ còn hiện tại là thân phận mồ côi, là danh phận con nuôi sớm nắng chiều mưa.

Khi miêu tả đời sống trẻ em, Nguyễn Thái Hải còn nhìn ra một khía cạnh đáng thương khác của lứa tuổi. Đó là sự thiếu vắng tình thương dù mẹ cha vẫn hiện diện trong cuộc sống hàng ngày của chúng. Thể hiện rõ điều này là nhân vật Thuý Đoan trong truyện dài *Ngoài cửa sổ*, xuất bản năm 1971. Đó là một cô bé mười hai tuổi có cuộc sống gia đình tương đối khá giả, nhưng em thiếu sự quan tâm, chăm sóc của ba mẹ. Khi miêu tả cuộc sống gia đình Thuý Đoan, nhà văn Nguyễn Thái Hải cũng đồng thời miêu tả cuộc sống của một gia đình khác, gia đình chị Hiền nghèo mà vui. Ở đây, việc miêu tả hai cảnh sống đối lập như vậy là một dụng ý của nhà văn, vừa khắc hoạ sâu sắc nội tâm của nhân vật Thuý Đoan, vừa cho thấy vật chất không phải là cái quyết định hạnh phúc của mỗi người, nhất là trẻ em. Cũng giống như Dung Chi, Thuý Đoan luôn khao khát được yêu thương, thêm sự ngọt ngào ân cần của mẹ, em luôn mong giữa ba mẹ và em sẽ xích lại gần nhau



hơn nữa. Sâu thẳm trong nội tâm Thúy Đoan là tấm lòng vị tha, hồn nhiên, trong sáng. Sự cô đơn, trống trải trong lòng Thúy Đoan là nguyên cớ để em bộc lộ cảm xúc, tình cảm, thể hiện nhu cầu được yêu thương. Chính điều này đã giúp mẹ em hiểu ra những nhu cầu chính đáng của con mình, và đi đến quyết định từ bỏ công việc, dành nhiều thời gian hơn cho em.

Đoan bỏ qua mọi sự ngăn cấm của mẹ để làm bạn với chị Hiền. Em không quan tâm tới sự giàu nghèo, sang hèn, em tìm chị Hiền cốt để tâm sự, tìm niềm an ủi, tìm tình thương. Sự xuất hiện của chị Hiền quả đã giúp em xua đi chút gì tê nhạt, nhảm chán, đơn điệu vốn vẫn diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, giúp em tin rằng có một ô cửa mở ra cho em thế giới tình thương đích thực. Niềm hy vọng về tình yêu thương gia đình với Thúy Đoan là cả một khao khát to lớn, cháy bỏng. Vậy nên, nỗi khổ của Đoan không phải là nỗi khổ miếng cơm manh áo, không phải nỗi khổ đi tìm một gia đình có cha mẹ như Dung Chi mà là nỗi buồn, cô đơn, trống vắng ngay chính trong gia đình mình. Ở đây, về nghệ thuật, Nguyễn Thái Hải đã sử dụng hình thức độc thoại nội tâm, tạo cho lời văn như là sự hiển hiện, trôi chảy miên man của suy nghĩ, tâm tư của nhân vật, khiến cho người đọc có được cảm nhận sâu sắc hơn về em.

Như vậy, qua các nhân vật như Dung Chi và Thúy Đoan, Nguyễn Thái Hải đã thể hiện một cái nhìn đầy cảm thông với những đứa trẻ kém may mắn. Ông nói lên những đòi hỏi rất chính đáng của các em, đồng thời nhắc nhở đến các bậc phụ huynh rằng hãy dành nhiều thời gian hơn để hiểu, để quan tâm và chia sẻ với con cái mình.

Hầu hết các nhân vật trẻ em trong truyện của Nguyễn Thái Hải đều mang vẻ đẹp của lòng nhân ái. Khi làm bạn với nhau, chúng không quan tâm đến hoàn cảnh gia đình, quan trọng là biết cùng nhau vui chơi, học tập một cách hồn nhiên, vô tư. Vành Khuyên và Hạnh Trang trong *Tiếng hát Vành Khuyên* (1972, Nxb Tuổi Hoa) là một đôi bạn như vậy. Chúng chơi với nhau, giận rồi lại thương, chưa lúc nào hơn thua chuyện gia cảnh. So với Vành Khuyên, Hạnh Trang nghèo hơn, phải sống trong một căn nhà vách ván, mái lá, nằm sâu trong con hẻm. Khi đi dự tiệc, Hạnh Trang vẫn mặc đồng phục đến trường, giản dị và lạc lõng giữa mọi người. Ba Hạnh Trang làm nghề bốc vác, mẹ đi bán hàng rong. Hoàn cảnh gia đình của em khác xa so với các bạn nên em không tránh khỏi mặc cảm, tự ti về hoàn cảnh của bản thân. Cái nghèo thường mang đến mặc cảm, sợ cô đơn, sợ làm mất lòng người khác, Hạnh Trang cũng vậy, em thường hay “mặc cảm nhà mình nghèo, lúc nào cũng sợ cái nghèo sẽ làm mất đi tình bạn với bạn bè xung quanh”³. Những trần trở, lo lắng ấy đã được nhà văn khắc họa tinh tế, khiến cho hình tượng nhân vật thật sự sống động trong mắt người đọc.

Sự khác biệt về gia cảnh đã ít nhiều ảnh hưởng đến tính cách của đôi bạn nhỏ, nhưng không vì thế mà tình bạn của các em mất đi vẻ đẹp vốn có của tuổi học trò. Hạnh Trang sớm trưởng thành trong suy nghĩ. Em kiên trì, nhẫn nại,

chịu đựng sự giận dỗi của Vành Khuyên, chờ khi có cơ hội mới giải thích và chủ động làm lành. Vành Khuyên mặc dù không phải là cô bé ích kỷ, nhưng xưa nay được ấp ủ trong vòng tay mẹ cha, được cưng chiều cho nên Vành Khuyên luôn muốn được phần hơn. Ở trường, em luôn đứng nhất trong mọi hoạt động nhiều năm liền, được bạn bè tôn lên vị trí độc nhất nên em khó chấp nhận việc ai vượt qua mình kể cả việc người bạn thân học giỏi hơn và hát hay hơn mình. Điều này rất dễ hiểu với tâm lý của Vành Khuyên, bởi trẻ em có tính hiếu thắng, các em luôn muốn mình là người đứng đầu. Nhưng sau khi biết được gia cảnh, biết được ý nguyện của mẹ Hạnh Trang, Vành Khuyên đã nhường để Hạnh Trang đạt chiếc cúp *Tiếng hát Vành Khuyên*, và đó là món quà tình bạn, món quà xin lỗi ý nghĩa nhất mà Vành Khuyên dành cho Hạnh Trang. Như vậy, chính vì hoàn cảnh nghèo khó của Hạnh Trang mà lại kéo tình bạn trở lại, đôi bạn lại càng quý nhau hơn, gắn bó hơn.

Có thể nói, chỗ độc đáo của truyện dài thiếu nhi Nguyễn Thái Hải là những trang viết về cuộc sống nghèo khổ của trẻ em. Chúng tôi muốn nói tới truyện *Xóm nhỏ* (1972, Nxb Tuổi Hoa) với hình ảnh về những gia đình trong cái xóm nghèo nàn, thiếu thốn mọi tiện nghi, qua tường thuật của người kể chuyện ở ngôi thứ nhất. Theo truyện, gia đình nhân vật “tôi” cũng sống trong xóm nhỏ đó. Vì việc làm ăn của bố sa sút nên gia đình “tôi” phải bán ngôi nhà cũ để đến ở “căn nhà ba thước rưỡi bề ngang, sáu thước hơn bề dài, nằm trong một xóm nhỏ khoảng năm nóc nhà. Chừng đó gia đình, chừng đó căn nhà lúp xúp, nghèo nàn, chen lẫn nhau trong một khoảng đất biệt lập”⁴. Cả xóm chung nhau một cái giếng; các con hẻm trong xóm chỉ nghĩ đến không thôi ai cũng “lắc đầu, le lưỡi”. Ở xóm chỉ lèo tèo vài nhà cầu điện nhờ là có chút ánh sáng, còn lại nhà nào cũng đèn dầu vàng vọt, tối mù. Tuy cả xóm đều là dân lao động nghèo nhưng tình làng nghĩa xóm lại rất mặn nồng, mọi người đoàn kết, giúp đỡ và yêu thương nhau. Đặc biệt, sự góp sức của những đứa trẻ đã làm cho cuộc sống của xóm nghèo sôi động hẳn lên, mọi sự mệt nhọc, vất vả được vơi đi, được thay thế bằng niềm vui sống.

Cái Trâm, cái Loan và “tôi” phụ bố tối tối đẩy gánh hàng phở đi khắp các hẻm trong xóm rồi sang cả xóm bên, những lúc không vướng bận việc học, các em phụ mẹ trông coi sạp báo, mỗi thành viên trong gia đình ai cũng có phần trong việc gây quỹ cho cả gia đình. Vì cái nghèo mà tuổi thơ của các em lê la hết con đường này sang ngõ hẻm khác để phụ giúp mẹ cha, các em lao động một phần vì tình thương, lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, một phần vì thời thế thời phải thế. Khi cái nghèo, cái đói tìm đến trước ngõ thì buộc các em phải làm những công việc của người lớn, chỉ có như vậy mới mong được ăn no, mặc đủ. Trẻ em tuy tham gia vào công việc của người lớn nhưng thực hiện theo phương châm *tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình*. Phải tham gia vào hoạt động *tăng gia sản xuất*, ban đầu, các em có chút xấu hổ, thẹn thẹn mỗi khi có người gọi con ông bán phở, con bà bán

báo. Không ít lần, các em mong muốn gia đình chuyển đến một nơi khác văn minh hơn, rộng rãi và thoáng sạch hơn. Nhưng ở lâu với cái xóm nghèo ấy lại thành ra gần bó và yêu thương, lại thấy thân thuộc và yêu hơn những công việc hằng ngày mình làm. Với tâm lý của các em luôn muốn khẳng định mình đã lớn nên các em vẫn nghĩ rằng mình có thể trở thành người lớn khi làm công việc của người lớn. Với suy nghĩ đó, dần dà lao động không còn là sự xấu hổ, là sự bắt buộc mà trở thành thói quen, niềm vui “... *tôi theo bố đi bán phở. Không còn một chút mặc cảm trong tôi. Tôi vui vẻ và hãnh diện khi bung phở vào nhà khách. Dĩ nhiên, càng bán phở lâu, tôi càng sợ mùi phở, nhưng tôi yêu cái tên quen thuộc của tôi mà người trong xóm đã gọi ‘thằng con ông bán phở. Vàng. Tôi yêu những tiếng thương mến đó. Như yêu căn nhà chật hẹp của gia đình tôi. Như yêu những con ngõ rác rưởi, ổ gà, nhô ra, thụt vào. Như yêu những chiều mưa ngập lụt*”⁵.

2. Thông điệp nhân văn trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải

Nhà nghiên cứu văn học Phong Lê đã nhận định: “*Nhà văn viết cho thiếu nhi ngoài tư cách vô cùng quan trọng là một nhà văn - người nghệ sĩ, còn cần phải thêm nhiều thiên chức khác nhau như thiên chức của nhà tâm lý, nhà sư phạm*”⁶.

Thái Hải là một cây bút như vậy khi ông đã viết cho thiếu nhi với tất cả tấm lòng yêu thương và tâm huyết. Trong truyện thiếu nhi của ông, người đọc thấy thấp thoáng hình ảnh của một nhà tâm lý học, một nhà sư phạm và người bạn của trẻ thơ.

Tác phẩm *Ngoài cửa sổ* (Nxb Tuổi Hoa, 1971) không nằm ngoài nội dung đó. Trong tác phẩm, tác giả thuật lại hành động đòi sách của Thúy Đoan khi biết chị em con Essen được cuốn *Chú gấu trắng*. Hành động đó của Đoan hết sức trẻ con nhưng cũng rất đáng yêu, cuốn sách là món quà em được ba mua tặng trong một chuyến đi nước ngoài, Đoan rất thích và quý nó. Nhưng không vì hành động đó mà làm xấu đi tấm lòng của Đoan. Khi sách được trả lại, Đoan biết chị em con Essen cũng tiếc cuốn sách đó nên Đoan đã nhờ dì Bảy tặng lại cho chúng. Đây là hành động bộc phát, thơ ngây, chân thành và rất trẻ con nhưng cũng rất đáng quý của Đoan. Hành động cho sách là một nghĩa cử đẹp, cần được khen ngợi và cần được nhân lên ở xã hội này. Chi tiết này là một thông điệp ý nghĩa mà Nguyễn Thái Hải muốn gửi đến các độc giả trẻ của mình.

Nguyễn Thái Hải có sự đồng cảm sâu sắc, thấu hiểu những suy nghĩ của các em. Cô bé Hoàng Bảo Hương trong tác phẩm *Chiếc lá thuộc bài* (1971, Nxb Tuổi Hoa), là một em bé ngoan nhưng lại học kém, ba mẹ em rất buồn lòng vì điều đó. Những chuyến đi làm ăn xa của ba khiến em cảm thấy ba không quan tâm mình và chính điều đó cũng một phần ảnh hưởng đến kết quả học tập của em. Nhà văn đã tinh tế nhận ra những tâm tư, suy nghĩ non nớt của trẻ em về tình cảm gia đình. Ba mẹ có

vai trò quan trọng trong việc khích lệ tinh thần vươn lên của các em. Khi ba Hương quan tâm hơn đến việc học tập của em, động viên và giúp em tự tin hơn ở bản thân mình thì kết quả học tập của Hương đã có những tiến bộ đáng khen, liên tiếp nhiều năm liền em đoạt giải thưởng học sinh xuất sắc nhất trường. Tuy nhiên, khi em có kết quả cao nhất trong học tập mà công lao lớn nhất là của ba em thì ba em lại qua đời. Câu chuyện kết thúc buồn và để lại nhiều nhậm ngùi trong lòng người đọc. Thông qua câu chuyện của cô bé Bảo Hương, Nguyễn Thái Hải đã khích lệ các bạn nhỏ hãy tin vào bản thân mình, phát huy những gì mình có và việc học tập tốt cũng là cách để các em thể hiện tình yêu thương và lòng biết ơn đến mẹ cha. Đồng thời, tác giả cũng để lại những nhắn nhủ với phụ huynh, sự quan tâm của cha mẹ là niềm động viên lớn nhất đối với các con và sự quan tâm xuất phát từ những điều nhỏ nhất như: quan tâm đến cảm xúc của con, trò chuyện chia sẻ để con cái mở lòng hơn với cha mẹ hoặc cùng con thực hiện những sở thích... đó là những điều con trẻ cần ở cha mẹ.

Các trẻ em nghèo trong truyện của Nguyễn Thái Hải tuy có cuộc sống vất vả, khó khăn, phải xoay xở chật vật với miếng cơm manh áo nhưng ở các em luôn hiện hữu tinh thần lạc quan và niềm tin về tương lai phía trước. Khi khó khăn, con người dễ chùn bước, nhất là với trẻ em, bởi đặc điểm tâm lý trẻ em hiếu thắng, *cả thèm chóng chán*. Song, nhân vật của thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải không phải là những đứa trẻ dễ bỏ cuộc, Hương trong *Chiếc lá thuộc bài* cố gắng từng ngày để có kết quả học tập tốt nhất; Hòa, Lộc trong *Mùa sương mù* cùng nhau bước qua những ngày khó khăn, cơ cực với tinh thần lạc quan và tin tưởng về một bầu trời không còn mù sương; Hạnh Trang trong *Tiếng hát Vành Khuyên* nỗ lực hết mình cho những mục tiêu đặt ra, nhân vật “tôi” trong *Xóm nhỏ* không còn than vãn, bi quan mà vui vẻ đón nhận những gì mình có, cố gắng để cải thiện cuộc sống tốt hơn, luôn lạc quan. Nhân vật thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải là những đứa trẻ kiên trì và chịu thương chịu khó, các em lấy khó khăn biến thành động lực và sức mạnh vươn lên, niềm tin tưởng về tương lai tốt đẹp luôn sáng lên trong tâm hồn các em.

Mỗi câu chuyện của Nguyễn Thái Hải đều mang đến cho người đọc những bài học thiết thực và bổ ích. Bao lớp thiếu nhi say mê tìm đọc truyện của Nguyễn Thái Hải bởi đọc truyện của ông, người đọc không cảm thấy đó là những giáo điều sáo rỗng mà truyện của ông nhẹ nhàng như những tâm sự, như tác giả đang chia sẻ câu chuyện của mình với mọi người. Đó là một thành công được tạo nên không chỉ bởi tài năng.

3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật truyện thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải

Trong văn học, viết về cái nghèo không còn là điều mới mẻ. Trước Nguyễn Thái Hải, đã có rất nhiều nhà văn khai thác cái nghèo theo nhiều khía cạnh khác nhau: nghèo



đến kiệt quệ phải bán con, bán chó như chị Dậu trong *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố); nghèo đến nỗi không có cái ăn, rồi chết tức tưởi như bà cụ trong *Một bữa no* (Nam Cao); hay cái nghèo ám ảnh phố huyện nghèo của chị em Liên và những đứa trẻ trong *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)... Song, cách khai thác motif cái nghèo của Nguyễn Thái Hải có nét riêng. Nếu như Ngô Tất Tố, Nam Cao miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, tường tận mọi góc ngách của cái nghèo thì Nguyễn Thái Hải chỉ điểm xuyết vài nét đơn giản nhưng vẫn khái quát được hoàn cảnh cơ cực mà nhân vật đang sống. Nhờ vậy, tác phẩm của Nguyễn Thái Hải trở nên phù hợp hơn với tâm lý bạn đọc nhỏ tuổi. Nguyễn Thái Hải hiểu được tâm lý trẻ em nên ông chủ động không đi sâu miêu tả những chi tiết có quá nhiều chất gây đau tâm hồn, tạo cho các em cảm giác vui vẻ khi đọc tác phẩm và xây dựng cho các em niềm tin trong tâm hồn.

Phong cách ngôi bút Nguyễn Thái Hải kể là câu chuyện về muôn mặt của trẻ em: chuyện học tập, chuyện bạn bè, chuyện gia đình... các nhân vật chính là những cô bé, cậu bé học trò hay cô chiêu cậu ấm nhưng tất cả các nhân vật đều giàu tình cảm và có nội tâm sâu sắc. Nguyễn Thái Hải không cường điệu hóa nhân vật, không đẩy nhân vật lên đến mức điển hình. Vì vậy, các nhân vật của ông gần gũi, đậm chất hiện thực, độc giả cảm thấy đã nhìn thấy đâu đó trong cuộc sống thường ngày.

Đọc Nguyễn Thái Hải, chúng ta không ít lần bắt gặp những suy tư, trăn trở, hay cách nói kiểu người lớn của các em khi bày tỏ thái độ trước hiện thực cuộc sống. Giọng điệu trong truyện Nguyễn Thái Hải không quá ủy mị, không quá đau thương, không bay bổng du dương mà giàu tình cảm tha thiết với cuộc sống, ánh lên nhiều hy vọng tươi sáng.

Viết về trẻ em nghèo, Nguyễn Thái Hải chú trọng khám phá vẻ đẹp tâm hồn của các em. Với những trẻ em thuộc tầng lớp thượng lưu, ngôi bút của Nguyễn Thái Hải tỏ ra mềm mại hơn. Ông chú ý miêu tả chúng với những đặc điểm của con nhà giàu nhưng có vẻ đẹp rất riêng của tấm lòng con trẻ thơ ngây, các em không kiêu cách, đài các. Trong tâm hồn các em luôn bùng lên sáng ánh của lương thiện, của tình thương con người, kể cả với những người nghèo đói, cơ hàn nhất. Bản chất tốt đẹp và sự hướng thiện của trẻ em trong sáng tác của Nguyễn Thái Hải là bài học sâu sắc cho người lớn. Như Thạch Lam đã nói "*Một*

chút âu yếm, một chút tình thương cũng đủ nâng đỡ, an ủi những người khốn cùng ấy".

Phải chăng với nhóm nhân vật này, Nguyễn Thái Hải muốn khẳng định đạo lý *Ám áp thì thương kẻ lạnh lùng* và *Thương người như thể thương thân* của dân tộc Việt Nam. Khao khát về một cuộc sống công bằng, mọi trẻ em đều được sống chung một bầu không khí ấm no, hạnh phúc và sống đúng nghĩa là trẻ thơ.

Nhân vật trẻ em của Nguyễn Thái Hải chứa đựng thông điệp về sự chia sẻ, đùm bọc, yêu thương trẻ em, hữu ích với nhiều người. Các nhân vật của Nguyễn Thái Hải vì bị cuộc đời xô đẩy, vì quá nhiều lo toan cho mưu sinh mà sớm trưởng thành trong suy nghĩ. Đầu đó trong một vài hình ảnh người đọc cảm thấy nhân vật trẻ em nhòe lẫn trong hình ảnh của người lớn, trẻ em thiếu cái hồn nhiên, hiếu động mà tâm hồn chứa đựng nhiều từng trải, suy tư. Khi viết về hiện tượng này, Nguyễn Thái Hải muốn nói rằng đó là nỗi bất hạnh của trẻ em vì không được sống trọn tuổi thơ hồn nhiên vốn có của mình. Nguyễn Thái Hải đã hòa những nỗi bất hạnh ấy vào trang viết, thể hiện cái nhìn chiều sâu của mình về đời sống tinh thần của các em, gọi nỗi niềm thương cảm và nỗi xót xa với người đọc. Qua những số phận nhỏ bé đáng thương này, nhà văn thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc của ông dành cho trẻ em. ■

Chú thích: 1&2. Nguyễn Thái Hải (1970), *Hoa tâm gửi*, Nxb Tuổi Hoa, tr.4&19. **3.** Nguyễn Thái Hải (1972), *Tiếng hát Vành Khuyên*, Nxb Tuổi Hoa, tr.12. **4&5.** Nguyễn Thái Hải (1972), *Xóm nhỏ*, Nxb Tuổi Hoa, tr.5&61. **6.** Trần Viết Nhi (2011), Nguyễn Ngọc Thuần, nhà văn thân quý của trẻ em, <http://vanhoahoc.vn>, truy cập ngày 11/10/2011. **7.** Thạch Lam (1988), *Tuyển tập Thạch Lam*, Nxb Văn Học.

Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2016), *Nhân vật trẻ em trong văn xuôi thiếu nhi Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. **[2].** Trần Viết Nhi (2011), "*Nguyễn Ngọc Thuần, nhà văn thân quý của trẻ em*", <http://vanhoahoc.vn>. **[3].** Phạm My Ny (2016), "*Dòng chảy văn học thiếu nhi ở Đồng Nai*", <http://laodongdongnai.vn/>, truy cập ngày 27/05/2016. **[4].** Văn Thanh (2003), *Văn học thiếu nhi Việt Nam (Nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận - tư liệu)*, tập 1, Nxb Kim Đồng. **[5].** Trần Hoàng Vy (2014), "*Nguyễn Thái Hải - Khôi Vũ cây viết có duyên với truyện thiếu nhi*", <http://vanhocquenhaviet.vn/>, truy cập ngày 31/07/2014.

Vài mẫu truyện về Đại sư Hoàng Bá Hy Vận

TRẦN TUẤN MÃN dịch

Sư hành cước ở núi Thiên Thai, một hôm gặp một ông Tăng, nói cười cùng Sư như đã quen biết từ lâu. Sư ngó kỹ lại thấy ánh mắt như bắn vào người ta, bèn cùng đi. Đến chỗ bến sông nước lớn, Sư chống gậy đứng lại. Ông Tăng kéo Sư cùng qua, Sư nói: “Ông cứ qua đi”.

Ông Tăng vén áo bước lên sóng như trên đất bằng, quay lại nhìn Sư mà nói: “Qua đây! Qua đây!”.

Sư quát rằng: “Nếu sớm biết ngữ này, ta đã cho một gậy què giò”.

Ông Tăng khen: “Quả thực là pháp khí Đại thừa! Ta đây không bì kịp”.

Nói xong ông ta biến mất.



Một hôm, ngài Bách Trượng hỏi Sư: “Đi đâu về đó?”.

Sư đáp: “Hái nấm dưới núi Đại Hùng”.

Bách Trượng nói: “Thấy cọp chẳng?”.

Sư nhại tiếng hổ gầm. Bách Trượng giơ búa làm bộ chém. Sư tát Bách Trượng một tát. Bách Trượng cười hăng hắc mà về.

Bách Trượng thẳng đường nói: “Dưới núi Đại Hùng có một con cọp, các ông phải coi chừng! Hôm nay chính ta bị một vết cắn!”.

Sư làm Thủ toà ở pháp hội ngài Nam Tuyền. Một hôm Sư ôm bát đến chỗ của Nam Tuyền mà ngồi. Nam Tuyền vào thấy thế nói với Sư: “Thủ toà hành đạo được bao lâu?”.

Sư đáp: “Từ trước thời Phật Uy Âm”.

Nam Tuyền nói: “Cũng là con cháu của Lão tăng”.

Sư bèn dời chỗ, xuống ngồi ở hàng thứ hai.

Khi Sư từ già, Nam Tuyền tiễn Sư ra cửa, nhắc áo tơ của Sư lên mà nói: “Trường lão thân hình to lớn, áo tơ này nhỏ quá nhỉ?”.

Sư nói: “Tuy thế đại thiên thế giới cũng ở trong này”.

Nam Tuyền nói: “Đi đời Vương lão sư rồi”.

Sư mang áo tơ mà đi.

Sư lễ Phật tại điện Diêm Quan. Bấy giờ vua Đường Tuyền Tông đang làm Sa-di, hỏi Sư: “Không chấp trước cầu Phật, không chấp trước cầu Pháp, không chấp trước cầu Tăng, Trường lão lễ bái làm chi?”.

Sư đáp: “Không chấp trước cầu Phật, không chấp trước cầu Pháp, không chấp trước cầu Tăng, thường lễ bái sự việc như vậy”.

Sa-di nói: “Thế thì lễ bái làm chi?”.

Sư tát Sa-di. Sa-di nói: “Thô lỗ quá”.

Sư nói: “Nơi đây là đâu mà nói thô với tể?”.

Vừa nói, Sư vừa tát.

Đến khi Sa-di lên ngôi, tức là vua Đường Tuyền Tông, phong sư là Thô Hạnh Sa-môn. Tướng quốc Bùi Hưu tâu rằng: “Ba cái tát năm xưa giúp Bệ hạ dứt đoạn tam tể, vậy xin cải thành Đoạn Tể”.

Do đấy, Sư được sắc phong là Đoạn Tể Thiên sư.

Có sáu người vừa mới đến tham. Năm người làm lễ bái, còn người kia thì đưa toạ cụ lên, vung thành một vòng tròn. Sư nói: “Ta nghe nói có một con chó săn dữ lắm”.

Ông Tăng nói: “Tìm theo tiếng linh dương mà đến đây đấy!”

Sư nói: “Linh dương không có tiếng, làm sao tìm?”

“Tìm theo dấu vết mà đến”.

“Linh dương không dấu vết, làm sao tìm?”

“Tìm theo tầm dạng mà đến”.

“Linh dương không tầm dạng, làm sao tìm?”

“Thế thì đó là một con linh dương chết”.

Sư bèn bỏ đi nghỉ.

Hôm sau Sư thẳng đường, bảo: “Ông Tăng tìm linh dương hôm qua đâu, hãy ra đây!”

Ông Tăng bước ra. Sư nói: “Công án ngày hôm qua chưa xong thì Lão tăng đã đi nghỉ, ông làm sao?”

Ông Tăng không biết đáp sao. Sư nói: “Trường đâu là người khá, té ra chỉ là con một sách”.

Sư bèn đánh đuổi ra.

Sư dạy chúng: “Các người toàn là đồ bả hèm cả, hành cước như vậy, nơi đâu mà có ngày nay? Có biết rằng cả nước Đại Đường này không có Thiền sư chẳng”.

Có ông Tăng bước ra hỏi: “Thế các nơi mở pháp hội dạy chúng đồ thì sao?”

Sư nói: “Ta không nói là không có Thiền mà chỉ nói là không có thầy Thiền”.

Bà mẹ già nua nghèo nản của Sư nghe Sư trụ núi Hoàng Bá, bèn đến tìm gặp Sư. Sư không ngó tới. Bà mẹ đến bến đò Đại Nghĩa, vì đói lạnh, sẩy chân mà chết.

Sau được sinh vào cõi trời, bà báo mộng cùng Sư: “Nếu bấy giờ ta lấy của người một hột gạo thì bị đọa địa ngục rồi chứ đâu có ngày nay!”

Nói xong bèn lạy tạ mà đi.

Một hôm Sư giơ nắm tay lên mà nói: “Các lão Hoà thượng trong thiên hạ đều ở trong này cả. Nếu ta phóng ra một tia Đạo thì cũng cho các ông mặc sức thoả thuê ngang dọc. Nếu các ông không để sẩy ý nghĩa này thì chẳng cần phải một nắm”.

Hỏi: “Không cần phải một nắm thì sao?”

Sư đáp: “Cùng khắp”.

Tướng quốc Bùi Hưu nâng một tượng Phật quỳ trước Sư mà nói: “Xin Sư đặt tên cho”.

Sư gọi: “Bùi Hưu”.

Bùi Hưu nói: “Dạ”.

Sư nói: “Ta đã đặt tên cho ông rồi đó!”

Thiên Khoảnh Nam đến tham Sư. Sư nói: “Khi chưa hiện ảnh tượng của tam giới thì sao?”

Nam nói: “Nay há có chẳng?”

“Có hay không hãy để đó đã, nay thì sao?”



“Chẳng phải xưa nay”.

Sư nói: “Pháp nhãn của ta ở bên thân ông”.

... Sau đó, Sư nói với chúng: Ta tạm vì nhân tình mà nói thế, chứ ông ấy chưa thể hội được đâu! Phải biết rằng học chữ nghĩa lời lẽ chứa đầy một bụng, cứ tới đâu là bảo rằng ta đây ngộ Thiền đắc Pháp, há có thể thay chuyện sống chết được sao?. Coi thường kẻ trường thượng thì nhập địa ngục như tên bắn đấy!

Tán

Thô Hạnh Sa-môn

Thiệt là quá ngán.

Tát Đại Đường thiên tử, mặt tựa máu hồng,

Đánh Lâm Tế tiểu nhị, gây như mưa loạn.

Chân núi Đại Hùng bỗng nhiên hổ hiện, chưa đủ vuốt nanh,

Bến đò Đại Nghĩa sẩy chết mẹ hiền, chẳng phân ân oán.

Trước Phật Uy Âm dày công hành hóa, giật tranh toạ vị, đất phẳng lộn nhào,

Nghe ngài Bách Trượng ba buổi ù tai, kinh hoảng lười lè, rể thân bật tặn.

Linh dương tuyệt tăm mất vết, chó săn mới biết khó tìm, Mênh mông sóng nước tuôn tràn, Hồ tăng giờ trò gạt lặn.

Bảo Thiên Khoảnh Nam pháp nhãn bên thân, vừa xảo ý chia đồ gian,

Giúp Bùi Tướng quốc đặt tên cổ Phật, đã hoài công làm đục vẩn

Lũ ăn bả hèm, có biết rằng nước Đại Đường không có Thiền sư chẳng? Coi chừng, vô lễ với Lão tăng thì nhập địa ngục như tên bắn. ■

(Trích Ngũ gia Chánh tông tán của Hoà thượng Hy Tảo đời Tống)

Lời giới thiệu sách của Hoà thượng Thích Trung Hậu

Tôn giả Rahula

CAO HUY THUẬN

Đây là tập sách thứ 12 của Hòa thượng Thích Trung Hậu sưu khảo về các Đại đệ tử của Đức Phật. Tập sách này dành cho Tôn giả Rahula, con của Thái tử Siddhartha.

Mỗi Đại đệ tử của Đức Phật đều có một lịch sử xuất gia lý thú. Nhưng không có Đại đệ tử nào mà sự xuất gia làm rung động tưởng tượng của ta như trường hợp Rahula. Chỉ bằng tưởng tượng thôi ta mới vẽ ra được trong đầu cảnh Đức Phật trở về thăm hoàng cung sau khi đã chứng ngộ. Cũng chỉ bằng tưởng tượng thôi ta mới hình dung được cảnh tượng phi thường của một đứa bé xuất gia dưới chân cha, bây giờ là Phật, trước cửa hoàng cung, trước mắt của mẹ. Tiểu thuyết, dù viết hay đến đâu đi nữa, cũng chỉ gọi lên tưởng tượng thôi, biết gì về lòng Phật mà tả? Biết

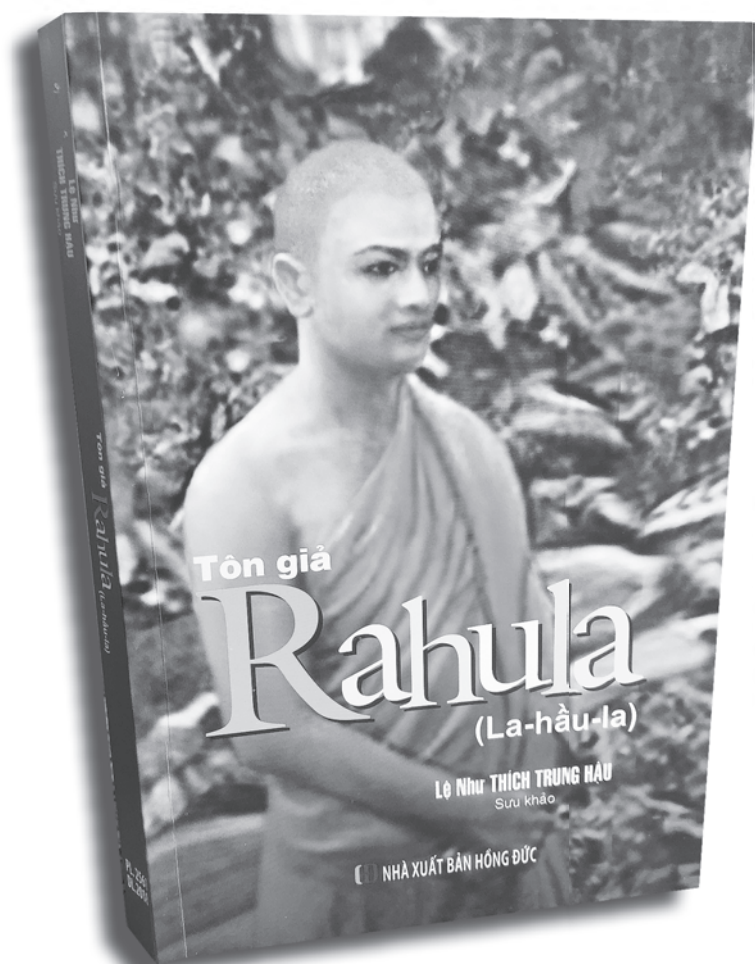
gì về lòng Phật khi nhìn đứa con thơ nằm ngủ cạnh mẹ trong đêm từ giả hoàng cung? Lòng Phật là lòng Phật, đâu phải là tình cảm thường tình như lòng chúng ta? Và biết gì về lòng Phật khi, từ hoàng cung, thấy đứa con bảy tuổi đi theo sau lưng? Ngón ngữ dừng lại để tưởng tượng bay lên.

Trong tưởng tượng, và qua các chuyện tiền thân, ta chắc chắn Đức Phật đã thấy tiền thân của Rahula và cả tương lai của đứa bé. Đi theo sau lưng Đức Phật là những bước chân đầu tiên của đứa bé trên đường xuất gia, Rahula không biết nhưng Phật biết. Qua bao nhiêu chuyện mà ta đọc được trong kinh, Phật đã thấy trước tương lai của bao nhiêu người, kể cả một cô thợ dệt, sẽ thành A-la-hán sau khi chỉ nghe một câu nói của Phật. Làm sao Phật không thấy được tương lai A-la-hán nơi bước chân của Rahula? Qua đoạn kinh đơn giản, cô đọng sau đây, hãy tưởng tượng cái thăm thẳm sâu kín trong lòng Phật:

"Sau đó, Đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Khi ấy, Rahula đã theo sát phía sau của Đức Thế Tôn nói rằng: 'Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế'. Khi ấy, Đức Thế Tôn đã bảo đại đức Sariputta rằng: 'Này Sariputta, như thế thì người hãy cho Rahula xuất gia'."

Sự việc như thế nào, kinh nói thế ấy và để cho ta tưởng tượng. Phật chỉ nói với Xá-lợi-phất một câu. Và Rahula xuất gia. Chưa bao giờ ai thấy Phật làm một hành động phi thường như thế. Ta tha hồ tưởng tượng một quang cảnh lạ thường. Một đứa bé đến gặp cha lần đầu và bỗng thấy mình... bị cạo đầu! Một vương tử bỗng thấy mình... bị mặc áo Sa-môn! Rồi ra đi là đi phút, xa mẹ chưa từ biệt. Làm sao đứa bé ấy không vùng vẫy, phản kháng, không chạy ù về với mẹ? Cái gì làm Phật chỉ cần nói một lời là hiện tại của Rahula không còn là hiện tại tầm thường của một đứa bé? Cái gì nơi Rahula nhận lãnh tương lai như một A-la-hán đang thành? Chúng ta, người thường, không thể hiểu hết lòng thương bao la của Phật. Giữa một kiếp phù sinh mà đáng lẽ Rahula phải sống, dù là vương tử, và cái thanh tịnh an lạc của một Bạc Không Trở Lại đời này nữa mà Đức Phật thấy trước nơi Rahula, Phật đâu có cần phải suy nghĩ lựa chọn, chỉ một lời *"Này Xá-lợi-phất, cho Rahula xuất gia"*.

Kinh chỉ mượn hai chữ thôi, hai chữ bao hàm tất cả ý nghĩa, để ta hiểu và tưởng tượng. Hai chữ ấy là *"thừa"*



kể". Kinh đã mượn miệng của vị công nương mẹ của Rahula - mà ta vốn kính yêu gọi là công chúa Da-du-đà-la từ thuở mới đến chùa - để nói lên hai chữ ấy:

"Khi ấy, vị công nương mẹ của Rahula đã nói với Rahula rằng: "Này Rahula, người kia chính là cha của con. Hãy đi và cầu xin phần thừa kế".

Với thương xót thường tình của lòng người, ta có thể tưởng tượng nỗi lòng vừa mừng vừa đau của công nương khi thấy lại hình bóng của Thái tử Siddhartha ngày trước. Nhưng với hiểu biết của một Phật tử thương và hiểu kinh, ta có thể tưởng tượng hai con người đã hiện ra trong lòng công nương qua hai chữ "thừa kế": một con người thường tình vẫn còn nuôi hình ảnh cũ, và một con người thức tỉnh, chợt hiểu Đức Phật là Đức Phật. Không ai ngờ ngẩn đến nỗi bảo con chạy đến xin "thừa kế" nơi một người cha đã từ bỏ ngôi vua. "Thừa kế" nơi một vị Sa-môn chỉ là y và bát. Ta có thể tưởng tượng kinh đã mượn miệng của công nương Da-du-đà-la để chỉ ra đặc tính có một không hai nơi Rahula: đứa bé bảy tuổi ấy vừa là con của Thái tử vừa là con của Phật. Rahula "thừa kế" cả hai.

Tiểu thuyết, dù viết hay đến mấy, cũng không đi vào được nỗi lòng hai nửa của công nương. Cho nên kinh không nói một lời. Dành cho ta tưởng tượng và yêu kính. Mà ta có tưởng tượng sai đâu! Chính công nương cũng sẽ nhận được phần "thừa kế": công chúa Da-du-đà-la kính yêu của chúng ta ngày xưa cũng sẽ xuất gia và chứng thành thánh quả. Chỉ có một người thường thôi như chúng ta để kinh cũng biết đau xót: người ấy là vua Tịnh Phạn. Kinh kể lời của vua:

"Bạch Ngài, khi Đức Thế Tôn đã xuất gia, đau khổ đã khởi lên ở Trẫm không phải là ít, nhưng là sự đau khổ vô cùng mãnh liệt trong việc Rahula. Bạch Ngài, lòng thương yêu đối với người con trai cắt vào da; sau khi cắt vào da, nó cắt vào lớp da trong, nó cắt vào thịt; sau khi cắt vào thịt, nó cắt vào gân; sau khi cắt vào gân, nó cắt vào xương; sau khi cắt vào xương, nó đạt đến tủy xương rồi trú ở đó. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia".

Đau mà nói đến thể tướng đã tận cùng. Nhưng nếu ta để tưởng tượng bay lên thêm nữa, thì không gì tương phản hơn giữa cái đau ấy và câu nói đầu tiên, theo kinh kể, của Rahula khi đi đến Đức Phật: "Này vị Sa-môn, bóng che của Ngài thật an lạc". Ai nói? Đứa bé bảy tuổi hay vị A-la-hán tương lai?

Tất cả tướng tượng mà ta vừa nói trên đây như là cách hiểu phi ngôn ngữ cần thiết lại càng cần thiết hơn để ta hiểu câu nói của Đức Phật về sự "may mắn" có một không hai của Rahula:

"Các vị đắc A-la-hán, không ai bằng Rahula. Các hữu lậu dứt hết cũng là Tỷ-kheo Rahula. Luận về người trì cấm giới cũng là Tỷ-kheo Rahula. Vì sao vậy? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh Giác đời quá khứ cũng có Tỷ-kheo Rahula

này. Ta muốn nói là con Phật cũng là Tỷ-kheo Rahula, thân chính từ Phật sanh, là bậc thượng của Pháp".

Phật không bắt, không buộc, không ép, không áp đặt một đứa bé đi tu. Phật đã thấy trước Rahula là như thế. Cho nên Phật chỉ nói một câu với ngài Xá-lợi-phất: "cho Rahula xuất gia". Đừng ai đem chút nước biển trong vỏ con hến để đo cái mệnh mông của đại dương. Trong lòng của ta có Phật nhưng đừng đem lòng của ta để đo lòng Phật. Đừng đem con sầu đo đi đo thiên lý. Đừng tưởng Phật đứng trước đau xót của người thân.

Tôi chỉ có bấy nhiêu cảm tưởng để góp vào quyển sách của Hòa thượng Thích Trung Hậu. Ngoài ra, tất cả những bài kinh trong tập sách đều triển khai những giáo lý căn bản mà ta đã biết: nghiệp, vô ngã, vô thường, tứ niệm xứ, niệm hơi thở... Tôi chỉ xin ghi thêm ở đây một nhận xét về một chi tiết khi đọc kinh, rất nhỏ nhưng rất có ý nghĩa. Hôm ấy, kinh kể:

"Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Savatthi để khát thực. Tôn giả Rahula vào buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi đưa mắt ngó xung quanh, bảo Tôn giả Rahula..."

Đức Phật dạy gì lúc đó? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều vô ngã. Đi sau lưng Đức Phật, đừng thấy tướng mạo tuyệt mỹ của Phật mà loé lên ý nghĩ rằng ta đây cũng được thừa kế tướng mạo phi thường ấy. Sắc, thọ, tưởng... bài học vỡ lòng của tất cả chúng ta, ta học cả ngàn lần, ngàn lần, ngàn lần. Học rồi, gấp kinh lại, gấp sách lại, họa may chỉ có chữ vô trong đầu. Rahula vừa nghe xong, tức khắc làm gì?

"Rồi Tôn giả Rahula tự nghĩ: 'Ai có thể hôm nay được Thế Tôn trực tiếp giảng dạy với bài giáo giới, còn có thể đi vào làng để khát thực?' Rồi Tôn giả từ chỗ ấy đi trở lui về, ngồi xuống một gốc cây kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt..."

Không ăn, học là hành ngay. Học một chữ hành một chữ. Lấy trí để hiểu, lấy định để chứng. Rahula chỉ hơn chúng ta chút xíu ấy thôi, nhưng cái mi-li-mét ấy dài hơn ngàn kiếp.

Cho nên, hãy thấm lời Đức Phật: "Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rahula". Đó chỉ mới là một nửa. Nửa kia là thể này, kinh ghi lại lời của Rahula:

"Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp, một mình con ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, con sẽ tư duy..."

Phát triển trí tuệ, phát triển thiện quán, cả hai năng lực đưa Rahula đến thánh quả A-la-hán. Chưa kể từ giới, sống không buông lung.

Học một chữ hành một chữ. Bài học chút xíu ấy, xin lĩnh hội từ Bậc Con Phật. Và xin đóng góp chút phần vào công đức của Hòa thượng tác giả.

Paris, Xuân Mậu Tuất, Phật lịch 2561 (DL.2018)■



Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!

HẢI TRÌNH

Phút chia tay hay giờ tiễn biệt vốn là nguồn cảm hứng xưa nay cho các văn nhân, thi sĩ. Một nhà thơ lãng mạn người Pháp đã viết một câu thơ bất hủ:

"Partir c'est mourir un peu".

(Đi là chết trong lòng một ít).

Thật thà, chất phác đến như Quốc văn Giáo khoa thư mà cũng phải thảng thốt kêu lên: "Ôi cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!".

Ấy thế mà đã có một người "Một già gia đình một dũng dũng" (Tống biệt hành - Thâm Tâm).

Thế nhưng chỉ có Xuân Tâm mới là người đã chuyển hóa nỗi buồn chia tay thành niềm vui trong sáng, lạc quan đến kỳ lạ. Đây là một hiện tượng hiếm thấy trong văn học cận đại.

Nghỉ hè, bài thơ xuất hiện năm 1941 trích trong *Lời tim non*, tập thơ đầu tay của tác giả. Đây là thời kỳ văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng phong trào **Thơ mới** do Tự Lực văn đoàn phát động, một thời đại được coi là "Thi ca suốt mướt".

Tuổi học trò thường trải qua hai thời điểm nhạy cảm. Đó là thời điểm:

"Hàng năm, cứ vào cuối thu. Lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc..."

(Buổi học đầu tiên - Thanh Tịnh)

Và thứ hai là giờ phút bịn rịn chia tay trong buổi họp mặt cuối năm. Có một thời, tuổi áo trắng chúng tôi ai mà không thuộc dăm ba câu trong bài "Nỗi buồn hoa phượng" của tác giả Thanh Sơn: Mỗi năm đến hè lòng

man mác buồn... Bởi một lẽ thật đơn giản; nội dung ca từ biểu cảm tâm lý ủy mị của lứa tuổi học trò. Trước giờ chia tay, thói thường thì *"Dừng dằng kẻ ở người đi"* hoặc bi lụy hơn nữa là *"Đứng trước cảnh kẻ ở, người đi đổ ai mà khô bụi ngùi tắc dạ"*.

Nhưng với Xuân Tâm là một ngoại lệ. Phút giây già từ bè bạn, cậu học trò xứ Quảng đã không mấy may bịn rịn, mà thay vào đó là một niềm vui háo hức đến nỗi ông đã phải reo lên mới vừa lòng hả dạ: *"Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết"*.

Lạ lùng hơn nữa là vui đến nỗi người còn tham lam muốn mang cả tâm tình đó theo gói hành trang trở lại quê nhà, nhưng ngặt nỗi: *"Rương chật rồi khó nhốt cả niềm vui"*. Vốn ít có ai như nhà thơ tuổi "Tim Non" nầy cả. Điều đáng nói ở đây là Xuân Tâm thuộc thể hệ "học trò trong Quảng", một thể hệ đã một thời đa đoan với nàng thơ xứ Huế. Thời kì của những tà áo tím mộng mơ đã níu chân bao nhiêu chàng trai xứ Quảng đa tình.

Cái hệ lụy "nỗi tình" ấy còn dai dẳng đến gần bốn mươi năm sau, khi nhà thơ Thu Bồn để lại bài thơ bất hủ *Tạm biệt Huế*, với hai câu thật nao lòng:

*Tạm biệt Huế với em là vĩnh biệt
Hải Vân ơi xin người đừng tắt ngọn sao khuê.*

Nhưng với Xuân Tâm thì *"... sách bài là giấy cũ"* thì nhân đã dành hết tâm tư cho chuyến đi về sáng:

*Chờ đêm nay, sáng sớm bước lên tàu
Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.*

Vậy thì điều gì là tác nhân chuyển hóa tâm lí cậu học trò trong giờ phút nhạy cảm nầy? Theo thiên ý của chúng tôi thì do hai tác nhân chính:

Một là

Tình cảm gia đình: Ước mơ đoàn tụ sau những ngày xa cách nhớ thương. Nhớ mái nhà xưa, nhớ thầy mẹ, em thơ và biết đâu còn nhớ đến đôi mắt dịu hiền ngây thơ của cô hàng xóm. Tất cả như đang mong đợi chàng về để bù đắp cho những ngày đợi tháng mong. Những dự cảm đó đã khiến chàng trai trẻ dễ dàng quên đi bạn bè, sách vở và cả mái trường thân yêu. Tất cả chỉ là tạm biệt, rồi lại tạo phùng:

"Nhớ làm chi. Thấy mẹ đợi em trông".

Hai là

Cảnh phồn hoa đô hội không còn đủ sức níu kéo kẻ tha hương. Chàng thư sinh bắt đầu cảm thấy lạc lõng giữa chốn thị thành xa lạ, tứ cố vô thân. Cuộc sống xô bồ, thiếu vắng tình làng nghĩa xóm. Nghỉ hè, dịp để tìm lại những thú vui miền thôn dã đã một thời xa vắng. Được dịp trở lại quê nhà, vui như chim trở lại chốn rừng xưa, như đàn cá lui về sông vịnh:

*Đàn chim non ríu rít rủ nhau về
Chín mươi ngày nhẩy nhót ở miền quê.*



Con đường làng ngày xưa, cậu bé Xuân Tâm đã từng chân sáo tung tăng cùng bè bạn đuổi hoa bắt bướm, giờ đây *"... huyết phượng nở thành bông"*.

Màu đỏ chói chang đã trở thành màu hoan lạc tô thắm cả khung trời xanh thẳm hạ. Tất cả những cảnh tượng êm đềm của đồng quê, ước mơ đoàn tụ đã thôi thúc chàng thư sinh xem nhẹ nỗi buồn phút chia tay mà thay bằng một lời reo hớn hơ: *Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!*

Chàng trai trẻ tha hương lòng đầy nhiệt huyết. Ôm ấp hoài bão tương lai bằng con đường học vấn, niềm tin tuyệt đối của bản thân và gia đình đã gởi gắm nơi chàng; nên giờ phút chia tay chàng đã đồng dục:

*Tay bắt tay, hồn không chút bụi ngùi
Các bạn ơi, trời mai đây ánh sáng.*

Đã bao nhiêu thế hệ học trò trước năm 1975, ai mà không thuộc lòng bài *Nghĩ hè* của Xuân Tâm như một bài thơ kinh điển. Tuy chưa phải là tuyệt tác, nhưng nó "thật". Bài thơ hợp với tâm trạng lứa tuổi học trò. Nhất là với đám học trò xa quê. Ý thơ trong sáng, lời thơ không khuôn sáo, mà chân tình mộc mạc lời quê.

Đã hơn sáu mươi năm trôi dẫu bể, từ thuở còn là một cậu bé trường làng; đầu trần chân đất. Giờ đây đã đến tuổi gần đất xa trời, nhưng mỗi lần nhắc đến bài thơ *Nghĩ hè*, lòng tôi như trẻ lại, tôi tìm lại cảm giác lâng lâng như năm xưa đứng xớ rớ bên thầy, để trả bài *Học thuộc lòng* mà đến nay tôi vẫn còn tự hào là chưa hề quên một câu, một chữ. ■

Đức Ngọc hoàng Thượng đế

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

LTS: Chúng tôi xin giới thiệu bài viết công phu sau đây của tác giả Nguyễn Đức Quỳnh. Dù nội dung có thể không phù hợp với giáo lý của Đức Phật, nhưng những tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng thờ Mẫu cũng phản ánh phần nào màu sắc, tư tưởng văn hoá của khá đông người Việt.

Từ thuở hồng hoang đến ngày nay, người Cha luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với cuộc sống của con người. Chính người đã sinh thành, nuôi dưỡng, chắt chiu cuộc sống, chịu đựng gian khó để các con có cuộc sống hạnh phúc, đầy đủ, vẹn tròn nhất. Mang đầy đủ những đức tính cao quý và hoàn thiện nhất của những người cha, là đức Ngọc hoàng Thượng đế, là người đứng đầu Thiên đình, có quyền năng tối cao và là đáng sáng tạo ra vũ trụ vạn vật.

Truyền thuyết kể rằng ở nước Quang Đại Nghiêm Diệu Lạc xa xưa, đức vua của đất nước này không có người nối dõi. Một đêm, Hoàng hậu nằm mơ thấy Thái Thượng Lão Quân (là ngài Đạo Đức Thiên Tôn) đến trao cho một đứa trẻ. Sau đó Hoàng hậu mang thai và sinh ra một Vương tử chính là Ngọc hoàng Thượng đế sau này. Vương tử trưởng thành, kế vị cha lên ngôi vua, ngài đã đem tấm lòng nhân từ mà cai trị đất nước. Chứng kiến nỗi khổ của nhân gian, Vương tử bỏ ngôi vua lên núi tu đạo. Trải qua 3,200 kiếp tu hành, ngài đã đạt được kim thân gọi là Thanh Tịnh Giác Vương Như Lai. Sau đó, ngài lại tiếp tục trải qua hàng triệu kiếp tu mới trở thành Ngọc Hoàng Đại Đế Đại Thiên Tôn.

Qua nghiên cứu thì thấy, theo quan niệm của tín ngưỡng dân gian và thờ Mẫu Việt Nam thì đức Ngọc hoàng Thượng đế là vị vua có quyền năng tuyệt đối ở khắp ba cõi Thiên, Địa, Nhân và được đặt dưới quyền năng tối thượng của Bà Mẹ khởi nguyên ra vũ trụ là đức Phật Mẫu Hoàng Thiên. Ngài đứng đầu Thiên đình cai quản các tầng trời, mặt đất, miền rừng, biển cả, âm phủ và lục giới gồm: Nhân, Thần, Tiên, Yêu, Ma, Quỷ. Dưới quyền của ngài là các Phật, Thánh, Tiên, Thần. Ngài có pháp thuật thần thông quảng đại, quyết định mọi sự thịnh, suy, xấu, tốt của vũ trụ, vạn vật; là người xét phong hoặc thưởng, phạt các vị Phật, Thánh, Tiên, Thần cũng như toàn bộ chúng sinh ba cõi. Ngài bổ nhiệm và phân chia pháp lực cho các vị Thần, Thánh, Tiên cai quản các nơi với các chức vị, phẩm hàm khác nhau. Bên cạnh đức Ngọc hoàng có Nam Tào, Bắc Đẩu; Nam Tào ghi sổ sinh, Bắc Đẩu ghi sổ tử. Văn Xương Đế Quân cai quản sự học hành. Quan

Thánh Đế Quân Thần Tài Võ quản lý về tài chính. Thần Nông Tiên Đế quản lý về nông nghiệp. Thiên Y cai quản về y thuật. Đông Nhạc cai quản các địa phương. Long Vương cai quản Tứ Hải sông ngòi, Thanh Long, không khí, mưa, gió, sấm chớp, nước... Đứng sau hộ mệnh đức Ngọc hoàng có: Hoàng Thiên Hậu Thổ, Tử Vi Đại Đế Ngọc Bệ Hạ, Cầu Trần Đại Đế Ngọc Bệ Hạ, Trường Sinh Đại Đế, Tam Thanh Lão Tổ. Thái Thượng Lão Quân giúp Đức Ngọc hoàng Thượng đế chỉ đạo, điều hành công việc của Thiên đình và phân công nhiệm vụ cho các chúng tiên lo việc tam giới. Ngọc hoàng và phu nhân sống ở điện Linh Tiêu, nơi có nhiều Tiên, Thánh phục vụ và được các thiên tướng, thiên binh canh gác cẩn mật. Dù đức Ngọc hoàng Thượng đế có quyền uy to lớn, thường phạt nghiêm minh, nhưng cũng là người luôn từ bi, thương yêu, ban phúc, giảm tội cho lục giới; tình yêu của ngài dành cho muôn loài trong đó có loài người vô lượng, vô biên. Dưới nhân gian, đức Ngọc hoàng Thượng đế được gọi với nhiều danh từ tôn kính khác nhau: đức Chúa Trời (Công giáo và đạo Tin lành), đấng Tạo Hóa, đấng Thái Cực Thánh Hoàng (Cao Đài giáo), Thiên Chúa (Do Thái giáo, Cơ-đốc giáo), đức Allah (Đạo Hồi), Brahma (Ấn Độ giáo), Vua cha Ngọc hoàng (Tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam)... còn nhân dân ta gọi ngài nôm na là Ông Trời.

Nguồn gốc của vũ trụ là Thái cực, Thái cực vừa là nguồn gốc, vừa là điều kiện sinh thành của mọi sự vật, đức nguyên của trời là khí, đức nguyên của đất là hình. Thái cực là khối chân linh của Thượng đế được gọi là Đại Linh quang. Sự khởi đầu của vũ trụ chính là sự phân chia Thái cực thành tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Ngọc hoàng Thượng đế phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi (Âm quang và Dương quang), rồi biến Lưỡng Nghi thành Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hoá vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới, tạo thành vạn vật. Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên chủ phần Thái Cực Âm tính đã phối hợp Lưỡng nghi để tạo ra các tầng Trời, tinh cầu, địa cầu... và chủ trì đầu thai luân hồi, nghiệp quả và chủ quản nhân số của ba cõi. Phật Mẫu Hoàng Thiên sinh ra vạn linh rồi cho đầu kiếp xuống các địa cầu tạo thành vạn vật chúng sinh, trực tiếp quản lý, điều hành

72 cung Tiên Thượng Thiên và các cõi Tiên. Trong đó, Càn khôn Thế giới gồm 36 tầng Trời, 3.000 thế giới, 72 Địa cầu, tứ đại Bộ Châu. Trong mỗi tầng Trời có một vị Đại La Thiên Đế cai quản. Ngọc hoàng khai Bát Quái tạo thành Càn khôn Thế giới nên gọi là Pháp, Pháp sinh ra càn khôn vạn vật trong đó có người, nên gọi là Tăng. Ngài chủ cả Pháp và Tăng lập thành các tôn giáo.

Thiên đình là triều đình trên bầu trời, là cơ quan quyền lực tối cao của vũ trụ với hàng trăm ngàn tỷ vũ trụ con, có tổ chức giống như triều đình phong kiến ở Việt Nam ngày xưa, nhưng chặt chẽ, khoa học, quy củ hơn. Đứng đầu Thiên đình là đức Ngọc hoàng Thượng đế, dưới là các ban văn, võ do các Thần, Thánh, Tiên đảm nhiệm. Thiên đình có 325 cung Trời chính là các tầng trời hay tầng cảnh giới, còn gọi là Thiên đường, trong đó có một cung chính là Ngọc Hư Cung và Điện Linh Tiêu cùng 72 cung Tiên thuộc tầng trời Tối Đại Thượng Thiên; sau đó là 36 cung Nguyên Thủy thuộc tầng trời Đại Thượng Thiên (Thượng Đại Niết-bàn) của các vị Tam Thanh, 144 cung thuộc tầng trời Trung Thượng Thiên (Đại Niết-bàn). Các cung thuộc tầng trời Tiểu Thượng Thiên thuộc khu vực Bạch Ngọc Kinh là nơi hội họp của đức Ngọc Hoàng với quần thần (Trung Đại Niết-bàn). Về góc độ vật lý, số lượng cung Trời ứng với 325 loại hạt hạ nguyên tử nguyên thủy; đó chính là nguyên lý để các nhà khoa học tìm ra bản nguyên của vũ trụ và cội nguồn sinh ra thế giới.

Dưới và trong các cung Trời do các vị Thượng đế Thiên Tôn chủ trì gồm các vũ trụ thành viên, rồi đến các cõi thuộc Trung giới, các Đại thiên hà, các thiên hà tự trị, các Thiên Vương Tinh quân, các Sao và các Thần Tinh. Dưới các Thần Tinh là các cung của Phật, Thần, Thánh. Linh hồn đầu thai học hỏi, tu tập đắc đạo được trở về là Phật, Thánh, mới được dạy rồi bổ nhiệm thành lập vũ trụ, mới trở thành Thiên Vương Tinh quân hoặc là Thượng đế mới. Riêng các Tiên và cõi Tiên thuộc tầng Nguyên thủy tối cao, là cõi thanh cao nhất; các vị Tiên nguyên thủy sinh ra sẽ được đầu thai về các thế giới và làm người để học hỏi, rèn luyện trở thành các Phật, Thần, Thánh, Tiên. Mỗi tầng Trời có 30 ngàn dặm là khu vực ngoài trời gọi là "Vô Cực"; còn trong khu vực trời gọi là "Thái Cực". Thái Cực được phân ra năm Thiên là: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung ương. Trong đó, Trung ương (Trung Thiên) là nơi cư ngụ của Ngọc hoàng điều khiển 36 thiên, 3.000 thế giới, các bộ Thần, Tiên và dưới là 72 Địa sát, tứ đại Bộ Châu có sinh linh sinh sống. Đông Thiên do Tứ Quan Đại Đế (Thiên Quan đại đế, Địa Quan đại đế, Nhạc Quan đại đế, Thủy Quan đại đế) cai quản chủ về ban phúc, tăng tuổi thọ, giải tai, xá tội, trừ nạn cho sinh linh. Nam Thiên do Văn Xương Đế Quân, Văn Hành Thánh Đế cai quản, chủ về việc theo dõi ghi chép công, tội, bổ nhiệm các Thiên Tử ở nhân gian, thăng, giáng cấp các vị chư thần. Tây Thiên do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trước đây và nay là Đức Phật Di-lặc đứng đầu, chủ về giáo dục tâm linh, dạy con người



Nguồn: daomautuphu.com

làm điều thiện và quy y Phật để tu đạo giải thoát. Bắc Thiên do Tử Vi Đại Đế đứng đầu, là vua cha của Cửu Trùng Thiên Thánh Mẫu, cai quản tất cả bầu trời, tinh tượng, Tiên, Thánh, Thần linh trên Thiên phủ, chủ về việc ban tiền, bạc, tài sản và họa, phúc cho con người.

Theo tín ngưỡng Thờ Mẫu Việt Nam thì Tứ phủ Công đồng gồm Thiên phủ, Địa phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ. Trong đó, Thiên phủ gồm ba cõi: Vô sắc giới, Sắc giới, Dục giới. Mỗi một cõi đều có một vị vua cai quản, cai quản ba cõi là Đức Ngọc hoàng Thượng đế. Địa phủ (âm phủ) gồm mười điện cai quản âm phủ và 18 tầng địa ngục, mỗi điện có một vị Diêm Vương cai quản, các điện đều có các quỷ thần phục dịch. Thoải phủ gồm chín sông bốn biển, có tám vị cai quản gọi là Bát Hải Long Vương. Nhạc phủ (mặt đất, phương vị, trên núi) gồm năm phương, tám hướng, có năm vị Nhạc phủ cai quản.

Theo sách *Bách Việt tộc phả* và đối chiếu với lịch sử dân tộc thì thấy rõ, Ngài Đế Minh, tức Nguyễn Minh Khiết (Thái Khương Công) trong truyền thuyết Hồng Bàng, lấy bà Đỗ Quý Thị (Hương Vân Cái Bồ-tát) sinh ra người con trai trưởng đặt tên là Lộc Tục. Nhìn tướng mạo Lộc Tục sáng sủa, thông minh, phúc hậu, Đế Minh phong Lộc Tục làm vua phương Nam; Lộc Tục lên ngôi, xưng là Kinh Dương vương, lập nước lấy quốc hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương vương, húy là Nguyễn Lộc Tục tự Phúc Lộc, tức là ông nội Hùng vương thứ nhất, lấy con gái vua Hổ Động Đình tên là Động Đình Tiên nữ Đăng Ngạn, sinh con trai đặt tên là Sùng Lãm, còn được gọi là Lạc Long Quân, sau nối ngôi vua cha, dựng nước đặt tên là Văn Lang. Như vậy, căn cứ vào các sự kiện lịch sử đã được sử sách chứng minh thì Kinh Dương vương chính là thủy tổ của người Việt Nam ngày nay, được nhân dân



Nguồn: daomauvietnam.net.vn

gọi là cụ Tổ Nam Phương Nguyễn tộc. Là Hoàn linh Chân nguyên Đại kiếp đầu tiên của Ngọc hoàng Thượng đế giáng linh cõi thế, nên sau khi mất, nhân dân đã suy tôn ngài là Ngọc Hoàng giáng sinh. Nơi thờ ngài được nhân dân gọi là Thiên đình, tượng thờ Kinh Dương vương gọi là Ngọc hoàng Thượng đế nay còn ở nhiều ngôi chùa, miếu cổ⁽¹⁾. Theo tài liệu lưu tại đền Đậu An (An Viên, Tiên Lữ, Hưng Yên), là đền thờ Ngọc Hoàng đầu tiên và sớm nhất ở Việt Nam, được dựng từ năm 226 trước Tây lịch thì vào thời bấy giờ, tục thờ Ngọc hoàng đã trở thành tín ngưỡng bản địa của người Việt, lúc đó nước ta chưa chịu ảnh hưởng của phương Bắc, bởi đến năm 218 trước TL nhà Tần mới đánh chiếm nước Bách Việt ta. Trước đó, Văn Lang, Âu Lạc là những quốc gia độc lập, đó cũng là thời kỳ đầu tiên có quốc gia riêng của người Bách Việt.

Như tình yêu của người Cha trên thế gian với những người con của mình, vì thương chúng sinh dưới trần khổ đau, đức Ngọc Hoàng đã đầu kiếp xuống trần gian để cứu rỗi nhân loại, chỉ dạy chúng sinh luôn đặt chữ “tu hành” hàng đầu, làm điều thiện, tích đức, góp phần xây dựng xã hội phát triển, phồn vinh, nỗ lực tu tập đặc đạo để được dự Hội Long Hoa, đưa ba cõi trở về thời kỳ Thượng nguyên (ngươn Thượng Đức). Bước vào Thiên niên kỷ mới, tâm linh Phật Thánh giao ban, Phật Mẫu Hoàng Thiên mở trường, khai Hội Long Hoa để thi tuyển người hiền, chuyển luân đạo pháp để nước Nam ta được tiếp quản đường đạo mới ra đời, là đường Đạo Thiện sáng ngời, để năm châu, bốn biển phải quy phục. Đó cũng là thời kỳ Đức Phật Di Lạc tiếp quản, gánh vác nhiệm vụ độ hóa chúng sinh mà Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chưa hoàn thành, đưa chúng sinh trở về thời kỳ Chính Pháp, hay còn gọi là thời kỳ ngươn Tạo Hóa hoặc ngươn Thượng Đức, mở ra thời kỳ mới tươi đẹp, huy hoàng nhất của nhân gian, nhân loại được sống trong hòa bình, hạnh phúc, cùng nhau hưởng đời an lạc.

Là đấng tối cao của vũ trụ vạn vật và với quyền uy to lớn của ngài, đức Ngọc hoàng Thượng đế luôn được

nhân gian tôn thờ nghiêm cẩn. Ở Việt Nam, do ảnh hưởng của tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, nên trong chùa thờ cả Phật, Mẫu, Ngọc hoàng Thượng đế, Tiên, Thần và cả những người có công với đất nước, với dân tộc, tạo nên một thế giới tâm linh chung, không tách biệt, trong đó Phật là trung tâm và ở ngôi cao nhất. Hiện nay, đức Ngọc hoàng Thượng đế được thờ riêng tại đền Kính Thiên Tràng An (Ninh Bình) cùng ngài Nam Tào, Bắc Đẩu; tại chùa Ngọc Hoàng (Q.1, TP.HCM) và đền Đậu An (Hưng Yên). Riêng tại đền Đậu An, nơi đức Ngọc hoàng được thờ cùng với các Tiên, Thần nằm trên mảnh đất hình đầu rồng, có hồ nước trong xanh bao bọc. Đối với người Việt Nam,

chính ngài đã khai sinh ra thủy tổ người Việt nên đức Ngọc hoàng Thượng đế được tôn thờ như là Quốc tổ của dân tộc Việt Nam cho đến mãi mãi về sau này. Đó cũng là mạch quốc thống, là niềm tự hào truyền đời cho các thế hệ người Việt Nam mãi về sau:

*Đất Rồng Tiên Tổ dựng xây
Nam Phương Quốc đạo đủ đầy phúc vinh
Ngàn năm tạo hóa công trình
Càn khôn biến đổi, tâm linh dẫn đường.*

Với mỗi người Việt Nam, đức Ngọc hoàng Thượng đế luôn được thờ phụng, cúng tế hết sức chu đáo và trọng thể. Cha ông ta đã lấy ngày 9 tháng Giêng (âm lịch) hàng năm là ngày “Đản sinh” của Ngài. Vào ngày này, nhân dân chuẩn bị chu đáo các đồ lễ và tổ chức những nghi thức trang trọng, huyền bí; nhiều nơi còn tổ chức múa mâm vàng, ca hát chúc tụng, “phát lộc”; có nơi người dân còn có tục cúng gà trống. Ngày 25/12 (âm lịch) hàng năm, đức Ngọc hoàng đi tuần tra, quan sát hạ giới, xem xét thưởng, phạt phân minh. Do vậy, đêm 24/12 âm lịch, nhân dân ở nhiều nơi tổ chức nghi lễ cúng ngài trang nghiêm, xin Ngọc hoàng ban phúc sang năm mới được nhận điều lành, phúc, thọ, tiền, tài đến.

Qua bài viết, tác giả muốn bày tỏ lòng thành kính, tri ân sâu sắc công lao và quyền năng tuyệt đối của đức Ngọc hoàng Thượng đế đối với vạn vật, đồng thời muốn khái quát cho nhân gian có sự nhìn nhận đầy đủ, toàn diện về nguồn gốc sinh thành, vị trí, vai trò của Ngọc hoàng trong lịch sử cũng như trong kỷ nguyên mới, về những đường hướng mà Ngài chỉ dạy đối với nhân loại để mọi người đi đúng con đường tu hành “Thuận Thiên”: “Âm dương đồng nhất lý” trong thời đại mới. ■

Chú thích:

1. Mai Thực, *Đạo của Tổ Tiên Việt* (Chương trình nghiên cứu tìm hiểu văn hóa cội nguồn dân tộc, Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội).

Những đêm trăng mùa hạ

TRẦN NGUYỄN HẠNH

Những đêm mùa hạ lao xao gió, tôi thường về quê, ngồi trước cửa sổ, chăm chăm đọc vài trang sách và ngước nhìn ánh trăng tròn vành vạnh trên đỉnh đầu trong âm điệu du dương của một bài hát được cài sẵn cho lặp đi lặp lại. Như những ngày ấu thơ, những buổi tối mùa hạ có trăng bao giờ cũng gợi lên trong tôi cảm giác yên bình khó tả.

Tôi thích màu vàng dịu dịu của ánh trăng khi nó soi chiếu trên từng ngọn cây, xuyên qua kẽ lá rơi xuống đường làng. Tôi thích nhìn con đường trải dài hun hút trong màu vàng mê đắm của ánh trăng. Tôi thích nhìn dòng sông lấp lánh trong những đêm trăng mùa hạ, khi một vài cơn gió dịu nhẹ từ đầu thổi tới khuấy động mặt sông. Như một sự mê hoặc, ánh trăng mùa hạ chẳng biết từ bao giờ đã cuốn hút tôi vào thế giới mê đắm ấy, để rồi một ngày bỗng trở thành hình ảnh quen thuộc trong nỗi nhớ của tôi.

Tuổi thơ tôi gắn liền với ánh trăng mùa hạ, với một miền thôn quê yên bình, dân dã. Nơi đó, mỗi tối mùa hạ, văng vẳng trong tiếng ếch nhái ngoài đồng xa, trong tiếng dế mèn gọi nhau í ới, tôi cùng mấy đứa trẻ trong xóm rủ nhau ra dưới trăng chơi năm mười, bịt mắt bắt dê, rồng rắn lên mây, nu na nu nống... Không biết có bao nhiêu trò chơi tuổi thơ được diễn ra dưới đêm trăng mùa hạ. Chỉ nhớ mỗi khi tìm về kí ức ấy, trong tâm trí tôi bao giờ cũng nhung nhớ những ánh mắt trẻ thơ hồn nhiên bừng sáng dưới màu vàng mê đắm của trăng.

Tuổi thơ ngày ấy còn được lưu dấu trong khúc hát đồng dao được chúng tôi ngêu ngao hát trong mỗi đêm trăng. Những khúc hát rộn ràng ấy làm nên kí ức tuổi thơ trong veo tiếng cười.

Nào là: *"Dung dăng dung dẻ. Dắt trẻ đi chơi. Đến ngõ nhà Trời. Lạy Cậu lạy Mợ. Cho chó về quê. Cho dê đi học. Cho cóc ở nhà. Cho gà bới bếp"* hay *"Một đoàn tàu. Nhỏ tí xíu. Bước mau mau. Người đi đầu là chú lái tàu."*

Liệu có tuổi thơ của đứa trẻ thôn quê nào thiếu đi những khúc đồng dao như thế? Tôi nhớ da diết những đêm trăng, lũ con gái ngồi ngắm chị Hằng, thằng Cuội rồi ngêu ngao: *"Thằng Cuội ngồi gốc cây đa. Thả trâu ăn lúa... gọi cha ời ời. Cha còn cắt cỏ trên đồi. Mẹ thì cưỡi ngựa đi mời quan viên."*

Đám con trai thấy vậy cũng xúm lại chạy ra hát *"Ông trăng, ông trăng. Xuống chơi ông chánh. Ông chánh cho mỗ. xuống chơi nổi chồ. Nổi chồ cho vung..."*

Bao nhiêu đêm trăng đã qua, chúng tôi lớn lên với những bài đồng dao hát mà trăng không bao giờ tàn.

Chẳng biết bây giờ trong đám bạn cũ ngày xưa, có đứa nào từng nhớ về những tháng ngày tuổi thơ đầy thân thuộc?

Trong kí ức tuổi thơ tôi, trăng còn là một miền cổ tích. Ngày nhỏ, tôi và em thường ngồi trên chiếc chõng tre trước hiên nhà vừa ngắm trăng, vừa nghe bà kể chuyện. Những câu chuyện cổ tích với ông bụt bà tiên, với phép thuật biến hóa khiến chúng tôi nuôi ước mơ về một thế giới diệu kì. Trên cao, ánh trăng vàng huyền bí soi chiếu hai khuôn mặt bé thơ đang mỉm cười, đôi mắt đắm chiêu ánh lên sự hồn nhiên trong trẻo và bao mơ ước về tương lai. Dưới ánh trăng vàng, những câu chuyện bà kể càng khiến chúng tôi thêm yêu cuộc sống này.

Trăng cũng làm tôi nhớ đến không khí gia đình ấm áp khi mỗi tối cả nhà quây quần bên hiên. Trên chiếc chõng tre, bố ngồi nhấp chén trà, mẹ khâu tấm áo, còn chúng tôi ngồi nghe bà kể chuyện, có khi chạy nhảy nô đùa dưới ánh trăng, để thứ ánh sáng diệu kì ấy phản chiếu trên mái tóc dài đen mượt. Tôi nhớ những lúc em trai chạy đến kéo áo mẹ hồn nhiên hỏi: *"Mẹ ơi đầu là chú Cuội, đầu là chị Hằng hở mẹ?"* Tôi vẫn còn nhớ ngày đó em chỉ mới đứng dưới vai tôi. Vậy mà bây giờ đã trở thành một cậu trai khôi ngô tuấn tú. Kí ức về những đêm trăng sáng bên gia đình, giờ cũng chỉ còn lại với hoài niệm băng khuâng.

Tôi giờ đã sống ở thành phố, những mùa trăng tôi ngắm cũng thưa dần. Nhưng trong kí ức tôi, ánh trăng vàng của một thời ấu thơ trong trẻo vẫn sáng tròn vành vạnh. Như một khúc hát thời thơ ấu, những mùa trăng đã qua luôn lưu dấu trong tôi những kỉ niệm êm đềm, để mỗi khi đối mặt trước bao khó khăn, bao bon chen tất bật của phố thị tôi lại lang thang tìm về nhưng nhớ, hoài thương một ánh trăng quê.

Ánh trăng mùa hạ, theo một cách nào đó vẫn luôn đẹp, vẫn luôn làm con tim bao đứa con xa quê luôn khắc khoải thương nhớ - dù ngoài kia, nơi phố thị ồn ào có biết bao ánh sáng lung linh hơn thế. ■





Sự tử tế

XANH NGUYỄN

Tôi dừng xe, mắt chăm chú nhìn về phía cậu học trò nhỏ thó nhưng vô cùng lanh lợi. Em đang dựng chiếc xe đạp và đỡ bà cụ bán hàng rong đứng dậy giữa đường, dìu bà vào sát lề đường sau khi bà bị ngã do đường mưa trơn trượt.

Bà cụ có vẻ rất đau, nhưng ánh mắt bà lại ánh lên nụ cười thân thiện nhìn cậu bé đã giúp mình bằng sự trân trọng, biết ơn. Em mỉm cười đáp lại. Đợi bà lên xe nặng nề đạp từng vòng xe đi tiếp rồi em cũng lên xe đạp và

khuất dần ở cuối ngã tư, lòng tôi bỗng thấy nhẹ tênh.

Tôi lại nhớ tới lời dặn dò của một thầy giáo đã quá cố: “*Các em có thể trở thành người nghiên cứu thành công, doanh nhân tầm cỡ, lãnh đạo xuất sắc, chính khách uyên bác, nhưng trước hết phải là người tử tế*” và nghĩ thấy thật chí lý.

Tử tế là món quà diệu kì mà con người dành tặng cho nhau. Đó là chuẩn mực đạo đức, là phép tắc cần thiết trong cách đối nhân xử thế. Ai đó đã nói rằng tử tế với cuộc sống giống như sương mai đối với cánh



Nguồn: baogiaothong.vn

đồng cỏ, trong lành, tinh khiết; như hoa thơm, hoa đẹp dâng hiến cho con người, bình yên, thanh thản. Thật vậy, sự tử tế khiến cho cuộc đời thêm đẹp, con người thêm nhân văn hơn.

Có câu *"Tử tế là ngôn ngữ mà người mù có thể thấy và người điếc có thể nghe"*. Bạn chỉ cần nói lời cảm ơn, xin lỗi, trao nụ cười với những người bạn gặp; bạn chỉ cần dọn dẹp bàn ăn một cách gọn gàng, khen một ai đó thực lòng,... tôi tin bạn sẽ cảm thấy và nhận được niềm hạnh phúc. Bởi những việc làm tử tế, dù nhỏ đến cỡ nào cũng không bao giờ là lãng phí.

Nếu sự tử tế là sự quan tâm tới nhau, là tình yêu thương và sự bình yên trong chính ngôi nhà của mình thì tôi có thể tự hào rằng mình đang làm tốt điều đó. Tôi có cô con gái năm nay lên bảy tuổi. Hạnh phúc giản dị với tôi mỗi ngày chỉ là đặt một nụ hôn lên trán con mỗi sáng đưa bé đến trường, mỗi chiều đón bé về nhà và trước giờ cháu lên giường ngủ mỗi tối. Đó còn là sự gương mẫu, sự tôn trọng cùng những lời nói nhẹ

nhàng với con mỗi ngày. Trước khi dạy con trở thành người tử tế, tôi đã tâm niệm, trước hết mình hãy là một tấm gương tử tế để con soi vào.

Tôi đã lập một bảng những việc làm tử tế gắn trên tường nhà một cách trịnh trọng. Mỗi ngày trôi qua, từng thành viên trong gia đình sau khi làm được một việc tử tế sẽ ghi vào bảng đó. Đôi khi, tôi còn liệt kê những việc tử tế cần làm và yêu cầu mọi người làm theo.

Cứ thế, chiều nào đi làm về, con gái cũng tí toét chạy đến bên, sà vào lòng tôi vui sướng khoe. Khi thì *"con cho bạn mượn cuốn truyện Tấm Cám con thích nhất"*. Khi thì *"con đã mỉm cười với bác bảo vệ trường"*. Rồi *"con đã ủng hộ hai ngàn đồng mua tăm tre giúp các bạn khuyết tật"*, *"con đã chia cho bạn nửa cái bánh mì của con"*...

Ngắm nhìn và xoa đầu con, tôi cảm thấy lòng ngập tràn niềm vui. Thiết nghĩ, đôi khi một nụ cười, một cái gật đầu, một lời nói hay lời thăm hỏi chân thành với người khác... cũng là sự tử tế đáng trọng. Cuộc sống đẹp hơn từ những điều bình thường như thế.

Trong nhịp chảy xô bồ của xã hội, con người dần chỉ biết thu vén mình trong thế giới riêng. Và đôi khi, những việc tử tế bản thân làm cho người khác, nói ra lại khiến mọi người lắc đầu, xem đó là chuyện bao đồng, chuyện đại.

Nhưng nếu người tốt cứ mãi im lặng thì xã hội này sẽ ra sao?

Đúng như Napoleon từng nói: *"Thế giới đã phải chịu tổn thất rất lớn. Không phải vì sự tàn ác của những người xấu, mà là vì sự im lặng của những người tốt"*.

Xã hội đang xoay vần với muôn nỗi thực trạng đáng lo ngại: từ thực phẩm bẩn, trái cây ngâm hóa chất đến xăng giả, báo lá cải đăng những tin giật gân... và nhiều chuyện kinh thiên động địa khác. Nhiều người thiếu tử tế vẫn đang ngang nhiên sống, ngang nhiên làm những điều có lợi cho chính họ mà bất chấp tình người, bất chấp luật pháp.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện tại cũng vẫn còn nhiều người tử tế. Đó là cậu bé nhện ăn sáng để ủng hộ đồng bào bị bão lụt, dù số tiền chỉ là ít ỏi. Là cô bé chỉ mới bảy tuổi, khi biết mình sẽ qua đời đã hiến giác mạc để nhường lại ánh sáng cho người khác. Là câu chuyện của đôi vợ chồng già, vợ mù lòa, chồng bệnh tật được những người hàng xóm tốt bụng giúp đỡ vượt qua khó khăn hoạn nạn. Là anh tài xế taxi chở người bị tai nạn đến bệnh viện cấp cứu mặc cho máu bê bết đầy ghế xe. Là câu chuyện về một cảnh sát giao thông vẫn miệt mài thực hiện nhiệm vụ trong ca trực cuối cùng trước khi nghỉ hưu với cây gậy chỉ đường trong dòng người vội vã ngược xuôi...

Có thể nói, tử tế chính là điểm xuất phát của những hành động yêu thương và sẽ thăng hoa thành lẽ sống. Xã hội sẽ trở nên tốt đẹp nếu mỗi người tự biết nuôi dưỡng tâm hồn mình những giá trị sống tốt đẹp.

Đó là sự tử tế. ■



THANH BA

Nghỉ hè, vợ chồng tôi dẫn hai con về thăm quê. Tôi ngạc nhiên khi thấy bên bờ ao nhà vẫn là hình ảnh giàn mướp xanh mướt thuở nào.

Mẹ tôi cười bảo: “Mướp quê mà nấu canh với cua đồng thì vẫn không gì ngon bằng phải không con!”.

Khỏe mắt tôi cay xè nhớ về một thời xa lắc, bên mâm cơm gia đình là nồi canh mướp ngọt lành tình quê.

Mẹ tôi vẫn thường nói mướp là loại cây ưa nước, ưa ẩm; nếu được trồng ở bờ ao thì mướp cho nhiều quả nhất. Từ khi tôi còn bé xíu, hè nào mẹ cũng trồng mấy bụi mướp hương trên bờ ao rồi lấy tre gác làm giàn dưới ao. Ngay từ khi mẹ mới tra hạt mướp xuống, mỗi sáng tôi đều thức dậy thật sớm rồi lon ton chạy ra bờ ao ngó nghiêng xem bụi mướp đã nảy mầm chưa.

Ngày tôi nhận ra sự hiện diện của những cây mướp nhỏ xíu, hấp háy những cặp mắt xanh non biếc rờn, tôi đã nhảy cẫng lên, ríu rít đem khoe với mẹ. Và rồi như có thêm động lực, ngày ngày, tôi chăm chỉ tưới nước, bắt sâu, quan tâm đến giàn mướp chẳng khác nào như quan tâm đến một người bạn thân thiết.

Chẳng bao lâu, từ những bông hoa mướp ướp màu nắng hè đã bắt đầu nhú ra những quả mướp non mẫm mím. Cứ thế mỗi ngày, tôi lại tròn xoe đôi mắt ngạc

niên trước giàn mướp dưới ao lúc liu những quả là quả. Nhìn giàn mướp, ba kể ra rất nhiều món ngon: nào canh mướp nấu mồng tơi, rau đay; nấu với lạc, với tôm; hay mướp non xào lòng gà,... nhưng ngon nhất vẫn là canh mướp nấu với cua đồng. Mới chỉ nghe thôi, tôi đã thèm thuồng. Mắt tôi sáng rực khi tưởng tượng ra nồi canh mướp cua đồng mẹ nấu hãy còn nghi ngút khói.

Những cơn mưa mùa hè càng tiếp sức cho những quả mướp hương rủ nhau lớn nhanh như thổi. Sáng, mẹ dậy khi trời còn sớm bùng. Tôi cũng theo mẹ trở dậy. Những quả mướp hương dài ngang cánh tay người lớn, được mẹ nhẹ nhàng dùng dao cau cắt cuống và để nằm gọn trong rổ. Cứ thế, gần hai chục quả mướp lứa đầu mùa đã bắt đầu theo mẹ ra chợ. Mẹ dự định bán được rổ mướp sẽ mua đồng cá, đồng thịt, cải thiện bữa ăn cho anh em tôi.

Có những ngày ba đi làm đồng, tôi năn nỉ đi theo. Vì trong lòng tôi đang háo hức được bắt cua đồng về cho mẹ nấu canh. Món canh mướp cua đồng ngày hè đưa cơm không kém món cá khô ngày đông tôi đã từng được ăn. Cũng vì điều ấy, tôi đã chuẩn bị cái giỏ, cột dây chuối ngang bụng. Rồi trong dáng vẻ nhỏ thó, chân đất, đầu trần, độc mỗi cái quần đùi lò xo,... tôi theo ba ra đồng như một nông dân thực thụ.

Đồng làng ngày ấy của nhiều vô kể. Sau mùa gặt, mưa xuống, thêm nắng nóng, của sinh sôi nảy nở



Nguồn: baobaclicu.vn

nhieu. Cua nằm gọn trong hang chờ tay người đến bắt. Cua ngoi lên bờ tránh nắng dưới đám cỏ, rơm rạ.

Nhìn ba tí mẩn thu phục từng chú cua đồng càng to, đen bóng, béo ngậy bỏ vào trong giỏ, tôi vô cùng khâm phục. Có những hang, cua nằm bên trong và đóng kín cửa bằng lớp bùn non, ba bảo tôi cho tay vào bắt. Cảm giác sờ sờ ban đầu dần hết, thay vào đó là sự thích thú, hân diện khi một chú cua nữa đã nằm gọn trong tay mình.

Tôi xách giỏ cua đầy ứ, lòng hân hoan một niềm vui khó tả. Mẹ rửa sạch cua, gỡ gạch, bỏ vào cái chén. Ba phụ mẹ lấy cối đá nhỏ, đổ cua vào giã nhuyễn. Trước khi giã, ba cho thêm chút muối, vì như thế khi nấu, gạch và thịt cua sẽ nổi lên nhiều hơn. Muốn canh ngon thì nước lọc cua cũng phải ngon. Ngon nhất vẫn là nước mưa đầu mùa. Thế là tôi lon ton ra bể lấy vào ca nước mưa trong vắt, mát lịm cho ba lọc cua. Mẹ gọt mướp sắc sẵn. Mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng.

Mẹ bắc nồi nước cua lên bếp, để lửa củi cháy liu liu. Nước từ từ sôi lên. Màu vàng đậm của thịt và gạch cua nổi lên hấp dẫn. Mẹ cho mướp vào, tiếp tục nấu sôi cho đến khi mướp vừa chín. Thêm vài cọng rau thơm lấy từ ngoài vườn cắt nhỏ, bỏ vào nồi và nêm thêm cả ít bột ngọt rồi bắc xuống. Mùi mướp hương thơm nức thoảng bay khắp từ trái bếp lên nhà khiến tôi thèm được ăn cơm liền. Nghe lời mẹ dọn cơm, tôi còn chuẩn bị sẵn chén cà muối trường để ăn với canh cua nấu mướp.

Món canh cua nấu mướp ấy là món quà kỉ niệm mà tôi nhớ mãi. Bởi đó là tình yêu của mẹ, của ba; là không khí gia đình ấm áp, vui vầy. Hương vị đậm đà, ngọt mát của món canh khiến tôi lần nào cũng ăn một chặp hết mấy chén cơm liền. Vị thơm của mướp hòa lẫn với thịt cua béo ngậy đã trở thành hương vị khó quên suốt tuổi thơ tôi.

Giờ ở thành phố, muốn ăn mướp nấu canh cua thì phải ra chợ mua. Việc giã cua ngày xưa cũng được thay bằng chiếc máy xay tiện lợi. Và chén canh mình tự nấu, dầu ngon đấy nhưng vẫn không có được cái hương vị ngọt lành như bát canh mẹ nấu. Bởi món canh ấy còn chứa chan cả tình mẹ, tình quê.

Tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh mẹ tôi bung từ dưới bếp lên nồi canh cua thơm phức và cười: *"Mướp lấy từ vườn nhà. Cua mẹ bắt ngoài đồng. Cà trường mẹ muối sẵn. Gạo đồng làng mình,... Đều là hương vị đồng quê cả đấy con q!"*.

Nhìn giọt mồ hôi lăn dài trên trán với nhiều nếp nhăn thời gian, ngắm nhìn nụ cười hiền hậu và giọng nói dịu hiền của mẹ, nhất là thưởng thức món canh cua nấu mướp nguyên vẹn một thời ấu thơ, lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc rưng rưng khó tả! ■





MAI HOÀNG

Nguồn: cayphuong.com

Sáng sớm tạt vào trường cũ tìm hiểu khóa học ngắn hạn cho đứa bạn. Đập vào mắt tôi là cây phượng ngay lối cổng ra vào; từng vòm lá xanh xôn xao vẫy gọi cùng chùm hoa rực cháy đỏ nhói trời. Bỗng nghe trong lòng bâng khuâng da diết. Nhanh thật! Đã là tháng Năm rồi đấy...

Cũng đã từ rất lâu, từ khi rời khỏi ghế nhà trường, những tháng Năm trôi qua tôi chẳng mấy bận lòng. Cuộc sống thị thành, cơm áo gạo tiền cuốn lấy, mệt mỏi tôi chẳng có thời gian nghĩ nhiều về quá khứ, hiện tại, tương lai. Ngày qua ngày, tôi chẳng khác một chú rô-bốt được lập trình sẵn là bao nhiêu. Ngày đi làm, tối mệt mỗi ngủ vùi trong căn gác trọ chật hẹp, cũng chẳng buồn đọc sách báo. Chỉ cách đây có ít năm thôi mà tôi khác quá, quên luôn cả những tháng Năm của ngày xưa êm đềm, dấu yêu bao kỷ niệm, quên cả những chùm phượng gọi hè thuở còn ngồi trên ghế nhà trường. Phút giây ngắn ngủi, nỗi nhớ bỗng ủa về...

Sân trường tháng Năm lung linh nắng dát vàng, giục chùm phượng vĩ đơm hoa đỏ rực. Dãy nhà cấp bốn, nơi chúng tôi theo học, nép mình sau tàng phượng xanh rì, như điểm tô thêm bức tranh mùa hè thêm sống động. Giờ ra chơi, lũ học trò reo vui bên gốc phượng, vờ níu những nhành phượng xuống sát miệng cười duyên, rồi vô tư nhặt những cánh hoa ép vào trang lưu bút bạn bè. Những cánh bướm phượng rập rờn trong trang giấy thơm mùi mực, thơm tình bạn ngọt ngào. Nhiều bài thơ vụng dại cũng được "xuất khẩu" ra ngay dưới gốc phượng. Lá thư tình học trò ngây ngô đến đáng thương bị lũ bạn khời ra, trêu chọc, từ tay đứa này sang đứa khác rôm rả cả một khoảng trời mùa hạ trong xanh...

Tôi nhớ những mùa phượng đầu hè, những năm còn thơ dại, len lén đợi bác bảo vệ khuất bóng rồi trèo

lên cây hái bông phượng để ăn. Cái vị giòn ngọt của nhụy hoa sao mà ngon đến thế không biết, nó là "thức quà" khó cưỡng đến nỗi không biết bao nhiêu lần tôi bị bảo vệ bắt gặp, phải viết bản kiểm điểm, ấy mà vẫn không chừa. Ngày ấy thiếu thốn, đầu như học trò bây giờ, tiền được bố mẹ đặt sẵn trong cặp, ưng gì mua nấy. Còn học trò chúng tôi, ăn quà cũng phải chờ có dịp, tự khám phá, vin vào cây trái quanh mình làm quà bỏ miệng. Dưới vòm lá xôn xao, nắng trải vàng như rót mật tôi mơ màng tượng lại hình ảnh mình ngày xưa một mình chui vào trong góc tường với bọc áo đầy hoa phượng, miệng cười không ngớt... Ôi cái thuở ngây thơ, dại khờ!

Mùa phượng gắn với mùa ve, mùa chia tay học trò. Mùa hè năm cuối cấp, nhìn thấy phượng nở lại xao xuyến. Mỗi một ngày tới trường, những "đốm phượng" lại lan khắp, ngược mắt nhìn lên bầu trời đỏ rực mới hay rằng đời học trò sắp sửa vụt trôi. Chúng tôi tiếc nuối không giữ trọn được những ký ức học trò tươi đẹp, vẫn còn đó những giận hờn, những ích kỷ vụn vặt để rồi phút cuối dần vật bản thân mình, rồi lại giá như... Phút cuối chúng tôi bên nhau, tình thương như gắn chặt, giọt nước mắt rơi xuống, hẹn ngày gặp lại...

Cứ thế, những mùa phượng trôi qua, chỉ còn ký ức ở lại với mùa phượng đông đầy nỗi nhớ. Tôi muốn được lang thang trên sân trường, nhặt từng cánh phượng, làm bướm ướp tặng bạn bè, muốn được cùng bạn bè vui đùa, tiếng cười vang lên không còn giận hờn, trách cứ, muốn được trở về tuổi học trò ngây thơ, trong sáng... Mùa phượng trôi qua nhắc nhở tôi rằng đừng vì quá mưu sinh mà quên đi những yêu thương thường nhật, hãy để ký ức ru những bình yên, thấp lên hành trang tươi mới... ■



Album gia đình tôi

NGUYỄN THANH VŨ

Quyển album hình ấy có từ thời ông nội tôi. Nó là chứng nhân lịch sử, là kỷ niệm của gia đình qua từng năm tháng. Thời ông nội đi bộ đội, dù khi đó việc chụp ảnh là khó khăn và đắt tiền, nhưng vào những dịp lễ Tết là cả nhà nhín nhút chút tiền chụp ảnh để lưu lại những khoảnh khắc của gia đình. Những bức ảnh thời đó chỉ là trắng đen, nhưng được các bác thợ chụp có tay nghề, lại là máy ảnh của Nhật nên hình rất đẹp, tự nhiên, ấn tượng. Nhiều tấm ảnh được ba và ông nội mang về từ chiến khu, góp nhặt lại làm nên quyển album phong phú.

Tôi yêu thích những bức ảnh của ba và ông nội ở chiến khu. Chân dung ấy thật hiên ngang, dũng cảm nhưng không kém phần lãng mạn. Dù cầm súng, đội mũ tai bèo nhưng vẫn bắt gặp vài cánh hoa rừng vắt lên bá súng, lên ba-lô con cóc của ông và ba rất chi là yêu đời. Những tấm ảnh được chụp trong thời khói lửa mới cho tôi hiểu hết tâm hồn người lính là như thế nào. Dù máy bay của địch quần thảo trên bầu trời, dù đạn bom ẩn sâu trong lòng đất, nhưng người chiến sĩ vẫn vui tươi với đồng đội, tự tin chiến thắng để giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà.

Nhiều bức ảnh mẹ tôi, cô tôi chụp thời còn con gái trông rất đáng yêu. Lúc ấy phụ nữ hay vấn tóc kiểu "phùng ổ gà be bờ đám mạ" khi lên hình. Dù mẹ và cô đều là những người phụ nữ suốt ngày quần quật với ruộng đồng, nhưng khi đứng trước ống kính thì như một diễn viên thực thụ. Thời đó chẳng có phần mềm chỉnh sửa ảnh photoshop nên hình chụp đẹp một cách tự nhiên, vẻ đẹp thuần khiết, phúc hậu của người phụ nữ Việt Nam. Trong bộ áo dài, áo bà ba kiểu cổ điển, nét đẹp ấy càng đáng tự hào làm sao.

Có những tấm ảnh hài hước thời ba vá miếng dừa của anh em tôi mà bây giờ ông bà cho xem tôi vẫn còn thấy "xấu hổ". Khi ấy tôi chừng năm tuổi, còn em trai thì lên ba. Vì muốn lưu lại khoảnh khắc đáng nhớ nên ba đã mời bác thợ ảnh về chụp vài tấm. Chỉ vài tấm

ảnh thôi cũng đã ngót nghét nửa giá lúa. Nhưng ba tôi không tiếc. Ba kể lại: "Điều vui nhất của ba là được nhìn thấy các con lớn khôn qua từng giai đoạn". Vì thế mà ba muốn lưu lại những khoảnh khắc ấy để khi nhớ về cái thuở nghèo khó, thuở tay bế tay bồng thì mang quyển album hình ra xem. Bức ảnh tôi và thằng em chụp thuở bé không một mảnh vải, hai thằng đều nhăn hai hàm răng sún mà cười toe toét. Lúc nhỏ tôi cũng chẳng quan tâm đến những bức ảnh đó. Nhưng khi trưởng thành thì lại thấy mắc cỡ, xấu hổ.

Tôi nhớ tôi bị bạn bè trêu chọc vì có lần chúng đến chơi, được ông tôi mang quyển album đó ra cho tụi nó xem. Thế là tôi nghĩ cách để mang tấm ảnh đó tiêu hủy. Khổ nỗi, quyển album được ông nội cất kỹ như là vật gia bảo nên rất khó lấy ra xem. Chỉ trừ những lúc đám tiệc, ông mới mang ra cho mọi người chiêm ngưỡng. Thừa cơ hội ấy, tôi đã lấy tấm ảnh "không manh giáp" của mình mang đi đốt bỏ. Vài ngày sau ông nội phát hiện và buộc tôi phải thú thật. Ông rơm rớm nước mắt, giận cả tuần không dùng cơm chung với gia đình. Tôi thì bị ba đánh đến năm roi tre đau điếng. Nhưng cũng còn may. Tấm ảnh hài hước ấy vẫn còn được lưu giữ ở nhà bác thợ chụp ảnh. Bác bảo hồi đó thấy hai đứa chụp đẹp quá, tự nhiên quá nên treo ở góc tiệm để làm mẫu quảng cáo. Và đến giờ nó vẫn còn được lưu giữ. Cũng nhờ cái lần nông nổi ấy mà tôi nhận ra những kỷ vật của gia đình thật đẹp, thật thiêng liêng, quý hơn cả bạc vàng.

Giờ thì công nghệ đã phát triển nên chuyện chụp ảnh rất đa dạng có cả màu, chỉnh sửa và không cần rửa bằng phim. Tỉ mỉ bỏ ra hàng giờ ngồi lần từng trang hình, ông tôi chọn những tấm tâm đắc nhất mang đi scan lại và in ra khổ lớn để treo trên tường nhà. Ông vẫn còn thói quen mỗi buổi sáng uống trà và xem album hình. Hình nào ông cũng ngắm nghía rất kỹ, lâu và đưa tay vuốt nhẹ nhàng. Đoạn, ông tùm tùm cười một mình, đưa mắt nhìn băng quơ ra hàng tre trước ngõ. Những lúc ấy, tôi hiểu ông đang tìm lại khoảnh khắc hào hùng của thời xa xưa. ■

Đất phương Nam ngày cũ

Sầu riêng chín rưng

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Đêm dài và sâu.
Hai chị em Tư Mận và Năm Bưởi bơi thuyền theo dòng nước loang loáng ánh trăng. Bỗng có tiếng hò vang lên:

*Sông dài nước chảy lững lờ
Hỏi ai chèo đò có chờ ai không...*

*"Hò đi chị Tư! Người ta vừa hò rồi đó!"
Năm lần bảy lượt Năm Bưởi nhắc chị Tư Mận.
"Thì cậu hò thay giúp chị đi!"
"Mèng đéc! Người ta cười chết, chị hò đáp đi!"*

Tư Mận giật mình, chiếc xuồng chòng chành chao ánh trăng đêm "sầy giường chiếu".

*Nước sông lững đững, lờ đờ
Hỏi chi cắc có rờng chờ đợi ai...*

Chàng trai chẳng khác con nhện giăng tơ nhử bắt mồi.

*Sông sâu cá lội ngủ ngờ
Hỏi ai tình nghĩa có chờ tui không...*

Tư Mận lúng túng, tiến thoái lưỡng nan. Năm Bưởi nháy mắt nhắc nhở:

*Sông dài cá lội biệt tăm
Thấy anh người nghĩa, mấy năm (em) cũng chờ...*

Hò theo lời cậu em nhắc xong, Tư Mận bỗng nóng ran người và run khan. Tư Mận tức mình: *"Người ta lạ hoặc lạ hươ, sao mình cả gan dám hò 'mấy năm em cũng chờ, có khác gì một lời hứa!'".* Dân Ngũ Hiệp coi trọng lời hứa chắc như đinh đóng cột, và lời hứa chẳng khác lời thề. Tư Mận tâm tư trĩu nặng!

Chỉ một tháng sau, con nước son¹ đổ về cù lao mang theo lớp son đặc quánh, từng lớn phù sa óng ánh màu mỡ gà bằm chùn cẩu bến nước, đóng váng thân cây hàng hàng lớp lớp mọc theo triền sông ngăn sóng giữ đất. Người trai hò đối đáp trong đêm trăng hôm đó đã qua cồn Long Đức tìm Tư Mận. Cuộc hội ngộ quá bất ngờ, Tư Mận mắc cỡ nên vô buống lánh mặt.

"Trường ai, té ra anh Sáu Lúa con bác Tám Sầu Riêng, thôn Hòa An!"

Năm Bưởi nói tiếp: *"Vây mà, đêm hôm đó..."*

"Trăng thanh, gió mát nên tức cảnh sinh tình! Tui không giả giọng hò xa lạ thì để chị cô Tư hò đáp lại!"

Nói xong, Sáu Lúa lột nón nỉ để xuống ván, cười xởi lởi.

Năm Bưởi lên tiếng mời: *"Anh Sáu ngồi chơi, uống nước!"*

Sáu Lúa đảo dác ngó ra vườn sầu riêng rồi hỏi ngay: *"Cô Tư đâu rồi Năm Bưởi?"*

Năm Bưởi chỉ cười trừ; lát sau mới chậm rãi trả lời: *"Chị Tư tui đi Long Tiên có công chuyện..."*

"Chùng nào cô Tư về?" Năm Bưởi giả bộ ngáp.

"Chắc đôi ba ngày gì đó, anh Sáu!"

Mấy con thần lẩn đeo đòn tay nhà buồng tiếng tắc lưởi. Ngồi chưa kịp nóng đất, Sáu Lúa đứng dậy, lững thững ra về, dáng liêu xiêu, bóng ngả trên đường đất.

Qua khe cửa, Tư Mận quan sát người *"mấy năm em cũng chờ"*. Tự dưng, một nỗi buồn vô cớ ủa vào lòng, Tư Mận cảm thấy không ưng cái bụng cả về hình dáng lẫn lời ăn tiếng nói của con người này!

Năm Bưởi lựa lời an ủi chị: *"Nhà có hai chị em, chị buồn xơ em đâm lo. Mà có gì phải buồn, hả chị?"*

Đêm cù lao canh thức, tiếng tàu bè nhộn nhịp trên sông dội về những mảng vườn sầu riêng phơi sương châu thổ. Năm Bưởi nghiêng mình, nhìn trộm bóng chị in tường vách. Nếu, không kềm chế kịp, có lẽ Năm Bưởi kêu thẳng thốt: *"Chị giống má hết khuôn!"*

Ngoài vườn, thỉnh thoảng có tiếng động chạm đất. Sầu riêng chín rưng!

Từ khi phải lòng Tư Mận, Sáu Lúa lần la kết giao với Năm Bưởi. Vì thương em, Tư Mận tuy khó chịu cũng đành giả bộ dễ chịu, nhưng luôn giữ phận mình mỗi khi buộc phải chạm mặt Sáu Lúa.

Một hôm Sáu Lúa lại ghé nhà, Năm Bưởi hỏi ướm: *"Anh Sáu! Tui tính vậy, anh coi có được không?"*

Sáu Lúa hớp ngụm trà, rồi buông nhẹ: *"Năm nói thử, nghe chơi!"*

Khói bếp bay là đà mái lá, Tư Mận đang nấu cơm chiều.

Năm Bưởi bày tỏ ý định trồng sầu riêng tháp trên hai công đất bồi gie mí cồn, nhưng nghiệt nỗi bí rị cách tháp và không có giống cây tháp. *"Trường việc gì khó, việc đó, chú để anh!"* Sáu Lúa nhận lời ngay.

Năm Bưởi mừng hóm trong bụng. Bởi, đất cù lao Ngũ Hiệp từ trước tới nay hạp giống sầu riêng Khổ Qua xanh và Khổ Qua vàng², Sáu Lúa được kể thừa *cha truyền con nối* nghề tháp cây và nhơn giống sầu riêng ở người cha đã thành danh *Tám Sầu Riêng*.

"Sẵn bữa, mời anh Sáu nán lại dùng cơm chiều với tui em", Năm Bưởi thiết tình mời cơm Sáu Lúa.

Hình như có tiếng tăng hăng rất khê, nhưng cũng đủ nghe rõ nồm nợp. Năm Bưởi biết chị Tư không thuận ý mời, và Sáu Lúa cũng thừa hiểu Tư Mận chưa *chịu đèn*. Dù

vậy, Sáu Lúa không tự ái mà tự nhủ lòng, nếu như chuyện đời *cần cù bù thông minh* thì chuyện tình yêu *kiên trì thành trì cũng sụp*. Rồi, chất tếu táo ở con người đất cù lao trở dậy, Sáu Lúa thêm hò câu hò nhằm nhắn gởi ai đó đang lánh mặt lánh mày:

*Đừng khinh quân tử nhỏ nhoi
Con lươn bao lớn nó xoi lũng bờ...*

Sáu Lúa cười, vỗ vai Năm Bưởi: “Cảm ơn chú! Mai anh có việc nên cần về sớm. Thôi, để khi khác!”

Lúc bước ra sân, Sáu Lúa cố nhìn phía sau bếp... chỉ thấy lửa liu riu, không thấy bóng người. Sáu Lúa nói to lời kiểu từ: “*Tui về, cô Tư ơi!*”

Tháng Năm mưa tuy chưa nặng hạt, nhưng cũng đủ mát lòng người, xanh tươi cây cỏ.

Sáu Lúa mở miệng thắp trên gốc thắp, rồi dùng mũi dao tạo vết trầy gỗ thịt, và mạnh tay rọc lần phân lớp vỏ dày miệng thắp làm hai phần lớn vỏ dày, một lỗ nhỏ tròn...

Năm Bưởi chăm chú ngồi coi, chợt lên tiếng: “*Anh Sáu! Lỗ tròn đó để干嘛?*”

“*Để lúc đặt mắt thắp không cần không dập*”, rồi vừa thắp vừa cất nghĩa thêm: “*Hơn nửa tháng, hai mươi ngày thì chú Năm nó nhớ mở dây buộc thắp. Nhớ là thắp dính thì khoảng năm sáu ngày sau cắt đứt gốc thắp để mầm nảy lên*”.

Sáu Lúa nói tiếp: “*Tháng Năm tới tháng Chín ta, thắp cây sấu riêng là thượng sách. Cây thắp ứng mưa, không ứng nắng!*”.

Mấy ngày mưa nhiều nắng ít, Sáu Lúa ở lại thắp cây. Tư Mận lẳng xăng lo cơm nước tươm tất cho Sáu Lúa. Tuy không nói với nhau lời nào, nhưng trong mắt của hai người đều ánh lên những tia nhìn nồng thắm.

Xong đợt thắp cây, Sáu Lúa ra về. Tư Mận lẳng lẽ đứng tần ngần tựa lưng cây sấu riêng mọc một mình ở mé đầu hồi.

Trời âm u, mây chiều nặng nước.

Tư Mận mơ hồ nghe văng vẳng câu hò hôm trước... *Sông dài cá lội biệt tăm... Thấy anh người nghĩa, mấy năm (em) cũng chờ...* và khi ngước mặt nhìn ra ngõ, Sáu Lúa đã khuất dạng rồi nhớ lại lời bình phẩm của cậu em: “*Em đã nói, Anh Sáu như cái mùi sấu riêng, thích thì khen, không thích thì chê; ưa thì thơm, không ưa thì thúi. Nhưng, nếu chịu ăn sấu riêng, dù chỉ chịu ăn một lần sẽ nhớ mãi và ghiền quên thôi!*”.

Những lần Năm Bưởi nói vậy, Tư Mận băn khoăn, chẳng khác chi thân gái *mười hai bến nước* trong đục biết chọn bến nào? Có lúc, Tư Mận viện có cái tên “*Lúa*” nghe xấu hời, chói tai. Năm Bưởi cãi lại, thiên nhiên trong trời đất còn ban tặng cù lao Ngũ Hiệp những tên rạch tên xép, như rạch Ông Vú, xép Ba Kẽm... thì người dẫu mang tên *Lúa* có chi đáng kể!

Cây sấu riêng mỗi năm trở bông tới những ba đợt, còn con gái cả đời người mới trở bông một lần và cũng chỉ một lần trao thân. Nơi chị Tư có thể trao thân, theo Năm Bưởi là chỗ Sáu Lúa.



Nguồn: vanhoamientay.com

Mưa đêm tí tách... thắm dần đất cồn Long Đức.

Năm đó, đúng mùa sấu riêng chín rụng, chị Tư bước xuống thuyền hoa theo Sáu Lúa.

2 Sống với nhau được hai mặt con thì Sáu Lúa về cõi xa, sau cơn bạo bệnh. Tư Mận dậm chùn, trách: “*Trời cay nghiệt quá!*”.

Dù đã mãn khó ba năm tang chế, nhưng lòng Tư Mận vẫn khôn nguôi tiếc thương chồng. Mỗi lần qua thăm cậu Năm sắp nhỏ, là mỗi lần Tư Mận bồi hồi bên cây sấu riêng³ do vợ chồng trồng kỷ niệm ngày Tư Mận cắn bầu đứa con so. Và, cả hai gọi đó là cây sấu riêng Nhơn Ngải!

Thương chồng, Tư Mận thường nói yêu: “*Anh như trái sấu riêng Năm Thôn⁴, khi chưa bén mùi thì người chưa thể... nhưng một khi đã bén mùi thì người không thể rút ra!*”.

Những lúc như vậy, Sáu Lúa chẳng biết nói gì hơn là dựa gốc sấu riêng, ôm vợ vào lòng với cảm xúc phiêu bồng ôm những chiều tà hấp hối, những con nước lé đé nhảy bờ, những xuống câu dập dềnh ôm trăng lắc sóng...

Có lẽ, hiếm có nơi đâu được thiên nhiên chiều chuộng, ưu đãi như cù lao Năm Thôn. Ba dòng sông Tiền, sông Ba Lai, sông Hàm Luông thủy tụ phù sa bồi đắp Năm Thôn. Lăn hồi, Năm Thôn kể vai sát cánh, sanh sống hiệp hòa; người đời gọi cù lao Ngũ Hiệp. Theo ông bà đời trước, đó là cù lao Trà Tân, tên chữ cù lao Kiến Lợi; như ngầm nhắc dân cù lao thấy điều lợi thì nghĩ xem mình có xứng đáng được hưởng không...

Từ khi chồng mất, hằng năm, tới mùa sấu riêng chín rụng, bà Tư cùng hai con chèo xuống sang vườn cậu em phụ lượm sấu riêng; Năm Bưởi không vợ con, sống một mình từ hồi trai tráng. Trước khi đi ngủ, bà Tư dặn hai con: “*Sớm mai, chị em bày theo má chèo xuống qua cồn Long Đức*”; bà nói vậy để hai chị em Hòa và Thuận có thì giờ chuẩn bị. Tuy chỉ có hai chị em nhưng Hòa luôn được em gọi là chị Hai còn Thuận xưng là Út Nhỏ.

Nghe má nói, chị Hai của Út Nhỏ lảng xảng sắp xếp đồ đạc và la em: *"Út! Mấy lần sẵn ngồi đó, má dặn mai đi sớm đó."*

Bà Tư cảm thấy ấm lòng khi cùng hai đứa con lên thuyền về thăm cậu em. Thuyền nhỏ, hai đứa con ngồi hai đầu, Út Nhỏ ngồi đằng mũi còn chị Hai nó ngồi đằng lái. Út Nhỏ nói giỡn: *"Mũi đại lái chịu đòn đó, nha chị!"*

Chị Hai nó cười ngất, tiếng cười lan xa mặt nước xao động nắng mai. Nghe tiếng cười ròn rã của con gái lớn, bà Tư thấy vui vui.

Xuồng lướt nhẹ trên sông Năm Thôn, con sông hiền hòa rẽ nhánh từ sông Tiền nơi cồn Tròn chảy về Long Quới, và cuối cù lao là Long Đức thuộc xã Tam Bình. Mỏ hôi rịn trán, ướt lưng áo; Út Nhỏ buông câu hò cổ xưa tan mệt nhọc:

*Sầu riêng ai khéo đặt tên
Ai sầu không biết, riêng em không sầu...*

Bà Tư nhắc con cột chặt dây xuồng kéo nước chảy xuồng trôi.

"Mèng đéc! Chị Tư và sắp nhỏ mới qua!"

Cậu Năm bươn bả chạy ra cầu nước bến sông, mừng chị mừng cháu.

Vườn sầu riêng tĩnh lặng, phủ mùi hương đậm chất quê như chào đón người bà con về thăm. Suốt mấy ngày nay, bà Tư cầm cùi dọn dẹp bếp núc, giặt giũ quần áo giúp cậu em. Vừa mần, bà vừa căn nhắc em: *"Đã biểu đi lấy vợ, cứ lần lựa không là không. Nhà thiếu đàn bà, như gà bơi lúa."* Út Nhỏ nghe văng vẳng có tiếng cười phá huế của cậu Năm.

Nắng tháng Tư ta, lúc xôn xao lúc xéo xắt trái sầu riêng.

"Đừng đi lung tung trong vườn, trời sắp đứng bóng trưa, nha cháu!", cậu Năm cẩn trọng dặn Út Nhỏ, đứa cháu thường khi nghịch.

Dặn cháu xong, cậu bắc thang lên cây sầu riêng cắt trái. Tay trái cậu nắm cuống sầu riêng, tay mặt cậu cầm lưỡi hái cắt ngọt xốt phần cuống trái bên trên tay nắm, đồng thời tách gọn hơ trái sầu riêng. Út Nhỏ nghĩ thầm: *"Sao mà nhanh, và điệu nghệ quá!"*

Út Nhỏ hỏi cậu Năm: *"Sao không đợi sầu riêng chín rụng, vội chi cắt trái lúc nó vẫn còn sức treo cành?"*

Cậu Năm nói: *"Vi cháu không hiểu đó thôi! Trái sầu riêng không trở bông kết trái cùng lúc, thì mần sao chín cùng lượt với nhau. Dẫu biết rằng sầu riêng chín rụng thơm và cơm vàng, còn sầu riêng cắt trái trên cây không thơm cơm không vàng."*

Dứt câu, cậu Năm chỉ tay lên chùm sầu riêng vỏ trái nhuộm màu đồng vàng nhạt, cuống chụm vào nhau; chắc là chúng đang thì thầm tiếc nuối những ngày xanh. Đó là, những trái sầu riêng sắp chín.

"Nhiều lúc, tâm hơ tâm hót, người ta vẫn cắt lằm trái sầu riêng non."

Út Nhỏ định hỏi, *"Vậy, mình phải mần sao, hả cậu?"*, nhưng chưa kịp thì cậu Năm đã biểu Út Nhỏ đi theo cậu.

Sóng đẩy nước liếm mí đất cồn ngào ngạt mùi sầu riêng chín. Út Nhỏ băng khuâng trước những đốm nắng xôn xao rụng trứng rải rác trong vườn.

"Đây là, cây sầu riêng do tia má con trồng khi duyên thăm tình nông, và má con báo tin vui... tin Nhơn Ngãi trở bông kết trái!"

Cậu Năm thở dài, *"Mới đó mà hai chục năm rồi!"*

Bồi hồi, Út Nhỏ vịn cây sầu riêng Nhơn Ngãi cao to, ngó trọt ọt người.

Cậu Năm cầm cán dao gỗ gõ vào vỏ trái sầu riêng treo cành cây sầu riêng của tia Út Nhỏ trồng. Út Nhỏ nghe âm thanh dội tai *bộp bộp*, cậu nói: *"Đó là trái sầu riêng chín"*. Rồi cậu nói luôn: *"Nếu tai con nghe âm thanh coong coong, thì trái sầu riêng đó còn xanh. Cũng có người dùng mũi dao đâm vô khe trái để ngủi, hoặc nếm cơm sầu riêng, coi chín hay chưa. Nhưng, mần vậy, cơm sầu riêng chỗ vết thử sẽ chua và nếu thử nhiều vết, trái sầu riêng mất vị, mau hư."*

Bịch! Bịch...B...ị...c...h... Bịch!...

Mãi chuyện vãn, cậu cháu quên thời khắc sầu riêng chín rụng. Cậu Năm kéo Út Nhỏ đi nhanh vô nhà.

Bữa cơm chiều được dọn ra giữa sân trên tấm đệm bàng do má Út Nhỏ đươn tặng cậu hồi năm trước. Trong lúc chờ chị Hai hái mấy trái ớt hiểm sau vườn, lạnh miệng, Út Nhỏ hỏi cậu Năm: *"Hồi trưa, cậu rầy và dặn con 'Đừng đi lung tung trong vườn, trời sắp đứng bóng trưa, nghĩa là sao vậy, cậu?'"*

Cậu Năm cú đầu Út: *"Con gái gì mà hờ một chút là hỏi han. Ham hỏi!"*

Tuy nói vậy, nhưng rồi cậu cũng trả lời: *"Sầu riêng chín rụng nửa đêm, và cũng có thể bắt chợt rụng giữa trưa trời đứng bóng!"*

Ấm ức, Út Nhỏ muốn hỏi tiếp: *"Vi sao sầu riêng chín rụng đúng giờ giấc?"* Bà Tư lườm mắt, như ngầm biểu: *"Thôi, đủ rồi con!"*

Trời nực giông.

Buổi chiều thiếu gió, mặc dù bốn bề sông nước bao quanh.

Cơm nước xong, chị Hai của Út Nhỏ bưng rổ chén tộ dơ ra bến nước, còn Út Nhỏ lom khom lau sạch đệm để má và cậu Năm ngồi hàn huyên tâm sự, nhắc bao chuyện ngày cũ...

Nội vốn người miền ngoài nghèo xác xơ như xơ xác mướp, lại còn bị bọn cường hào địa phương "cướp ngày" nên chịu đời không thấu, đành dong buồm vô Nam, gạt nước mắt ly hương. Nội có cả thầy sáu người con, chết bốn còn hai. Nhưng, rồi trời vẫn không thương, bà nội Út Nhỏ chết sớm và năm sau, ông nội có lẽ vì nhớ thương bà nên cũng chết theo. Mẹ và cậu trở thành hai chị em côi cút, do vậy, từ nhỏ đã quẩn quýt càng quẩn quýt khó rời nhau.

Thình lình, bà Tư nói như đùa như trách: *"Ngày đó, chị đi lấy chồng cũng tại cậu!"*

Cậu Năm cười giả lả, rồi giả bộ thuận tay bới thêm cơm cho má để che giấu cảm xúc.

"Thì, em cũng muốn chị có đôi có bạn... như chim liềm cánh, cây liềm cành!"

Một chút gió nồm non kéo chiều ngong ngóng chuyển mùa.

Ngồi hóng chuyện, Út Nhỏ cảm thấy như có nỗi buồn từ cõi hoài niệm nào đó ở má, thoáng qua phàn người, một đời.

Rồi cậu Năm mơ màng ôn lại chuyện qua, đã qua xa lắc xa lơ.

"Chị nhớ hay quên? Hồi đó, sau khi giao xong mối sầu riêng cho lái Nam Vang thì trăng chếch khỏi vòm sông. Chị em mình lật đật quay mũi xuống chèo hối hả trở về và, có ai đó cố hò đuổi theo chị..."

3 Chị Hai đi lấy chồng được vài năm thì má mất. Út Nhỏ quay lại vườn sầu riêng sống với cậu Năm. Mùa sầu riêng trở bông.

Bông sầu riêng trở về đêm, và cũng chỉ có đêm mới đủ ma mị tương kích bông sầu riêng trở. Sáng ra, những cánh và nhụy bông sầu riêng rụng trắng vườn. Út Nhỏ lượm từng nhụy bông còn ướt sương đêm xào thay giá, (và nó ngon hơn cả giá xào!) để cúng tía má, đãi cậu Năm. Bây giờ Út Nhỏ mới biết vì sao sầu riêng chín rụng nửa đêm, điều trước đây cậu Năm chỉ nói mà chưa giải thích.

Cuộc sống tự nó mang đến cho người sống đôi điều, và có khi nhiều điều thành vốn sống. Ngay như trái sầu riêng, nếu không là người nhà vườn, hoặc không là người am tường nó, thì khó xác định trái sầu riêng chín; bởi trái sầu riêng chín màu vỏ trái ít thay đổi. Tía Út Nhỏ thương má, nhưng cũng đâu dễ gì một sớm một chiều má Út Nhỏ thương. Và, đã thương thì tình thương chín rụng vào lòng, rồi đâm ra *ghiền* như người ghiền sầu riêng một khi *chịu ăn*!

Cuống giữa trái nối liền với nhánh cây sầu riêng, một khi cuống và thân nhánh hơi phù thì đây sẽ là nơi trái tách rời cuống nối liền nhánh để rụng. Út Nhỏ bằng không hiểu sầu riêng chín rụng vào một thời khắc nhất định là do thiên nhiên lập trình hay nơi phù cuống nối nhánh có tế bào đặc biệt, và rồi lúc trái chín, thành phần hóa học từ tế bào đặc biệt đó tự nhiên biến đổi khi gặp phải nhiệt độ thấp nửa đêm, hoặc nhiệt độ cao đột ngột giữa trưa.

Mỗi lần nhìn trái sầu riêng chín bói trên cây với những đường vạch thẳng từ cuống tới rún ở giữa mỗi múi trái, Út Nhỏ nhớ tía thương má cả đời vì con thơ dại, vì cây sầu riêng... sẵn sàng hy sinh cho con, đổ mồ hôi cho cây, và đời tía má chẳng khác những đường vạch thẳng hằn lên thân trái sẵn sàng tự tách khi trái sầu riêng chín.

Nửa đêm nằm nghe tiếng động sầu riêng rụng, Út Nhỏ nhớ những ngày êm đềm bên dòng sông quê; nhớ những bước chun tuổi thơ dầm vọc phù sa khi mùa nước nổi nhảy tràn cồn đất; nhớ bao là nhớ *sầu thúi ruột* vì mang nỗi niềm riêng, bốc mùi khó chịu và lan tỏa. Tùy

thời, tùy Hoàn cảnh, tùy tâm thế mỗi người, mà có nhiều câu chuyện kể sự tích sầu riêng trong dân gian. Với Út Nhỏ, phải chăng mối tình của tía má cũng có thể gọi đó là sự tích sầu riêng cồn Long Đức!?

Cậu Năm trở giấc, thức dậy mở cửa. Gió lua trăng qua thêm, Út Nhỏ tuột xuống đất bởi mùi sầu riêng thúi ngày nồng nường bóng trắng lên vào nhà.

Bịch! B...ị...c...h... Bì...ịch!

Tiếng rụng khô khốc. Tiếng thời gian kéo lướt thướt qua đêm, về sáng.

* * *

Bây giờ, quê Út Nhỏ không như thời của tía má; người ta thu hoạch sầu riêng chẳng cần chờ trái treo trên cây tự rụng, họ dùng dao hay kéo chuyên dụng cắt trái, và cắt trái đồng loạt, bắt kể trái sầu riêng già hay non. Cậu Năm xót dạ, chết đứng trong lòng mỗi lần thấy thương lái ép trái sầu riêng chín bằng hóa chất, thay thế trái sầu riêng chín sinh lý tự nhiên. Cậu nói cậu bất lực, và chỉ còn sức cố giữ vườn sầu riêng của cậu chín rụng theo lẽ tự nhiên. Những lúc cậu buồn buồn, Út Nhỏ hay nói từng từng với cậu: *"Đã là sầu riêng thì khi sầu phải rụng riêng, cứ sao đồng loạt rụng chung qua bàn tay người!?"*

Cậu im lặng, cái im lặng khiến Út Nhỏ rùng mình vì không lẽ, lòng người hôm nay đã đi từ lãnh cảm tới vô cảm? Cậu Năm ngó trời xanh, trời vẫn xanh và trong vắt!

Thương cháu, cậu Năm thường nói: *"Rồi cậu sẽ già, mất đi. Và con sẽ là chủ nhân của khu vườn sầu riêng trải qua mấy đời người để lại. Con nhớ đừng bao giờ hám lợi trước mắt và chủ quan trong cách nuôi dưỡng, chăm sóc khiến cây sầu riêng rối loạn sinh lý. Đã rối loạn sinh lý, thì đương nhiên cơm sầu riêng bị cứng, màu nâu thay vì màu vàng."*

"Có phải đó là sầu riêng bị sượng không, cậu?"

"Phải đó, con!"

Cậu Năm than: *"Nhưng, ở đời có mấy ai chịu nhận sai lầm do mình, họ đổ lỗi do giống sầu riêng được đem trồng. Phá vỡ quy luật tự nhiên của trời đất, người tự rước họa. Vậy mà rồi quay lại than trời trách đất!"*

Tự đứng trong lòng Út Nhỏ dâng lên nỗi sợ.

Sợ cái ngày mai sầu riêng chín rụng sẽ mất dần trên quê hương! ■

Chú thích: 1. Đầu con nước nổi, phù sa màu đỏ từ sông Mê Kông đổ về. **2.** Sầu riêng Khổ Qua xanh trái hơi dài, chóp trái nhọn, khía nhỏ, gai nhỏ, cuống trái ngắn nhỏ và khi chín vỏ trái vẫn còn xanh. Sầu riêng Khổ Qua vàng trái lúc còn non màu vàng nhạt, và khi chín vỏ màu vàng sậm. Về sau, có giống sầu riêng Khổ Qua hột lép (trồng nhiều trên đất Tiền Giang), sầu riêng Sứa hột lép (nổi tiếng vùng Chợ Lách, Bến Tre). **3.** Mã Lai gọi *"duri"* (có gai); tiếng Anh, tiếng Pháp là *"durian"* (trái có gai bén nhọn), Lào gọi *"thourien"*, Thái Lan gọi *"thurian"*... Việt Nam âm từ *"thurian"*, và khi phát âm T dễ lẫn lộn với D, TH dễ lẫn lộn S. **4.** Năm Thôn: An Thủy Đông, An Thủy Tây, Long Phú, Hòa An, Tân Sơn (Tân Sơn được thiết lập trên cồn Tân Châu mới nổi sau này).

Về một ngôi làng cổ bên dòng sông Bồ

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Từ thành phố Huế chạy hướng Bắc theo Quốc lộ 1A chừng 17km, đến đầu phạm vi phường Tứ Hạ (thị xã Hương Trà), rẽ phải qua cầu Tứ Phú, cây cầu bắc ngang qua dòng sông Bồ thơ mộng, điểm cuối bên kia cầu chính là địa phận của làng Hạ Lang, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, lấy cầu Tứ Phú làm ranh giới cho xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền và phường Tứ Hạ thuộc thị xã Hương Trà. Làng Hạ Lang từ xưa vốn là một làng cổ mà cái tên Hạ Lang đã được Dương Văn An ghi lại trong sách *Ô châu cận lục*¹. Về địa giới huyện Quảng Điền, theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, phủ Thừa Thiên trước có 3 huyện, nay (1834) chia ra 6 huyện với ranh giới như sau: Từ bờ phía Bắc sông Phú Ốc về phần sông Phú Lễ theo dòng đến cảng Kim Đài ngang qua Thành Công, An Lộc, Cương Gián Đông, Cương Gián Tây và vùng biển Tam Giang đến phía Bắc giáp Thế Chí Tây, lại chạy ngang qua Phú Lễ, giáp với Đường Long, rồi chuyển về hướng Nam đến các xã Lai Xá, Cổ Tháp. Đất này nguyên trước là huyện Quảng Điền nay vẫn để là huyện Quảng Điền, chia làm 5 tổng: Phước Yên, An Thành, Thanh Cẩn, Khuông Phò, Hạ Lang².

Làng Hạ Lang trước thuộc tổng Hạ Lang, nay thuộc xã Quảng Phú, là một làng cổ vốn nằm ở khu vực trung tâm của huyện Quảng Điền, vì thế các vị vua của triều Nguyễn đã chọn đặt ra tổng Hạ Lang và làng Hạ Lang chính là làng mang tên gọi từ tổng đó. Dưới triều Nguyễn, huyện Quảng Điền có 5 tổng, 64 làng với 7.229 đình, trong đó, tổng Hạ Lang có 14 làng với 1.211 đình. Đáng kể hơn cả là: Phú Lễ có 280 đình, có chợ; Hạ Lang có 128 đình, có chợ³. Địa giới làng Hạ Lang theo *Địa bạ triều Nguyễn*⁴ gồm "Đông giáp xã Bác Vọng Đông Tây nhị giáp, xã Bao La (đều tổng Phú Ốc), có cột đá làm giới. Tây giáp xã Hà Cánh (tổng Phú Lễ), có cột đá làm giới. Nam giáp xã Bác Vọng Đông Tây nhị giáp (tổng Phú Ốc). Bắc giáp phường Bao La thủy lập (tổng Phú Ốc), bờ đê làm giới. Toàn diện tích 221.9.0.8: công điền 177.3.12.3; quan điền Tam bảo 0.5.0.0; công thổ 15.1.13.7; quan thổ Tam bảo 1.6.10.0; mộ địa (8 khoảnh)

21.5.1.8; hoang nhàn, cát 3.2.8.7; bầu chứa nước (2 sớ) 2.3.14.3; khe cừ 273 tấm, 32 thước".

Đình làng Hạ Lang xưa và nay

Tọa lạc ở vị trí cao ráo, sừng sững bên dòng sông Bồ là đình làng Hạ Lang, vốn được kiến tạo từ thời Lê, niên hiệu Cảnh Hưng (1765), ban đầu có quy mô nhỏ hơn 3 gian 2 chái, trải qua 6 lần sửa chữa và đại trùng tu, hiện nay trở thành ngôi đình tiêu biểu cho cả một vùng xã Quảng Phú với quy mô tương đối đồ sộ. Đợt trùng tu cuối cùng là vào năm 2009 (Kỷ Sửu), ngôi đình mới dựng lại trên nền móng cũ, theo phương vị vốn có (tọa Tý, hướng Ngọ, kiêm Nhâm Bính), mặt hướng ra dòng sông Bồ. Diện tích đình là 1.960m², ngoài ra đình được bổ sung thêm 4 công trình phụ, đó là 4 bức tường cao 1,5m bao xung quanh khuôn viên đình, xây thêm 4 trụ biểu, bình phong long mã, lưu hạc án ngự trước tiền đình làm tăng vẻ tráng lệ cho ngôi đình. Toàn bộ sân đình được đúc bằng bê-tông chạy dọc từ hiên đình đến trụ biểu dùng làm nơi sinh hoạt hội hè và tạo sự thoáng đãng cho ngôi đình. Đình cũ vốn chỉ có 3 gian; năm 2009, đình được tăng thành 5 gian để tiện bề sinh hoạt và tổ chức lễ hội cúng tế của các họ tộc trong làng. Đình còn có thờ một vị nữ chúa khai canh (chưa rõ danh tánh, do sắc phong nay không còn), đồ vật được thờ ở đình làng có ngai đặt lưu hương để thờ bà. Bài vị thần chỉ ghi: *Bổn thổ khai canh quận chúa tôn bà*. Làng Hạ Lang có 8 họ lớn (bát tộc) gồm: Ngô, Trần, Đoàn, Lê Quang, Trương, Lê Công, Hoàng, Dương. Tám họ này được xem là các họ đến sớm, có công khai khẩn ra làng Hạ Lang.

Ngoài ra còn có các họ đến sau như: Châu, Phan, Nguyễn, Hồ, Đỗ... Bát tộc của làng Hạ Lang nay có bài vị thờ ở đình làng, vào xuân thu nhị kỳ (vào tháng Hai và tháng Tám âm lịch hằng năm), bát tộc và các họ khác trong làng cùng tham gia tổ chức tế lễ cầu quốc thái dân an tại đình làng. Ngoài ra, còn có Lễ tế Khai canh và tảo mộ (tháng Mười một âm lịch).

Trước 4 trụ biểu đình là hai cây Bộp cổ thụ lâu năm, còn gọi theo danh xưng là Cương Trai và Bập Lai, Cương Trai có nghĩa là cứng rắn, còn Bập Lai là mềm mại, ngay cả tên gọi



cũng thể hiện được triết lý âm dương ngũ hành, thể hiện quyền uy của cây với nhiệm vụ trấn giữ trước đình được các bậc Nho học trong làng đặt ra góp thêm phần tạo nhả, cây có chiều cao tương ứng 40m và 38m, thân cây lớn hơn 6m và 4,5m (đo chu vi cách mặt đất 1,3m) được trồng từ triều Lê Cảnh Hưng thứ 26 (1765); qua năm tháng, cây vẫn xanh tươi, sừng sững tỏa bóng mát, tạo cảnh oai nghiêm, hùng vĩ cho đình làng. Hai cây Bộp được đón nhận bằng công nhận Cây Di sản vào ngày 20/9/2016. Phía hai vách tả, hữu của đình còn có 2 bài văn bia ghi lại quá trình tạo dựng và các đợt trùng tu của ngôi đình, niên hiệu Tự Đức (1881) và Thành Thái (1895), chúng tôi xin trích nội dung bia hai bài văn bia theo bản dịch của nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh⁵ như sau:

Văn bia đình làng Hạ Lang: Tấm thứ nhất:

Nguyên văn:

是亭也坐子向午兼壬丙。天作地生山標壯案水繞回朝。耿哉社哉從來者遠。景興二十六年乙酉秋八月二十四日。卜吉址。嘉隆七年戊辰秋八月初九日重修。嗣德十五年壬戌秋九月朔仍舊重修。多歷年所傳。及于斯歲在辛巳冬十二月十五日新制改造。眾工就緒。自今伊始延于世世。故爲之文以誌厥事。皇朝嗣德三十四年十二月吉日造。

(Thị đình đã tọa Tý hướng Ngọ kiêm Nhâm Bính. Thiên tác địa sinh, sơn tiêu tráng án, thủy nhiễu hồi triều. Cảnh tai chỉ tai! tòng lai dã viễn. Cảnh Hưng nhị thập lục niên Ất Dậu thu bát nguyệt, nhị thập tứ nhật triệu bốc cát chỉ. Gia Long thất niên Mậu Thìn thu bát nguyệt sơ cửu nhật trùng tu. Tự Đức thập ngũ niên nhâm tuất thu cửu nguyệt sóc nhưng cựu trùng tu. Đa lịch niên sở truyền. Cập vu tư, tuế tại Tân Tỵ đông, thập nhị nguyệt, thập ngũ nhật tân chế cải tạo. Chúng công tựu sự. Tự kim y thủy diên vu thể thể. Cố vi chi văn dĩ chí quyết sự. Hoàng triều Tự Đức tam thập tứ niên thập nhị nguyệt cát nhật tạo).

Dịch:

Đình này tọa Tý, hướng Ngọ, kiêm Nhâm Bính. Trời tạo, đất sinh, núi làm nền án mạnh, nước bọc châu về. Sáng tỏ thay, phúc đức thay, truyền đến nay đã lâu rồi. Cảnh Hưng năm thứ 26 (1765) Ất Dậu mùa thu, ngày 24 tháng 8 bói được nền tốt. Năm Mậu Thìn (1808) Gia Long thứ 7, mùa thu ngày 9 tháng 8 trùng tu. Năm Nhâm Tuất (1862), Tự Đức thứ 15 mùa thu, mồng 1 tháng 9 trùng tu như cũ. Trải qua nhiều năm truyền đến nay, năm Tân Tỵ mùa đông, ngày 15 tháng 12 (1881) cải tạo theo quy chế mới. Tất cả công việc thành mối. Từ nay y như buổi đầu kéo dài đến đời đời. Nên viết văn để ghi sự việc. Hoàng triều Tự Đức thứ 34, tháng chạp ngày tốt tháng 2 tạo bia (1881).

Tấm thứ hai:

Nguyên văn:

是亭也景興年間肇卜吉址坐子向午兼癸丁分金內盤庚子庚午。多歷年所傳及于斯。耿哉址哉從來者遠。嗣德三十四年辛巳十二月十五日新造改立坐子向午兼壬丙大不如前。歲在乙未冬十一月戊子二十四日庚申庚辰牌改遵舊向。自今伊始勿替引之。故爲之文



以誌厥事。皇朝成泰七年十一月吉日造。

(Thị đình đã Cảnh Hưng niên gian triệu bốc cát chỉ tọa Tý hướng Ngọ kiêm Quý Đinh, phân kim nội bàn Canh Tý, Canh Ngọ. Đa lịch niên sở truyền cập vu tư. Cảnh tai chỉ tai! Tòng lai dã viễn. Tự Đức tam thập tứ niên Tân Tỵ thập nhị nguyệt, thập ngũ nhật tân tạo cải lập tọa Tý hướng Ngọ kiêm Nhâm Bính, đại bất như tiền. Tuế tại Ất Mùi đông, thập nhất nguyệt Mậu Tý, nhị thập tứ nhật Canh Thân, Canh Thìn bài cải tuân cựu hướng. Tự kim y thủy, vật thể dẫn chi. Cố vi chi văn dĩ chí quyết sự. Hoàng triều Thành Thái thất niên thập nhất nguyệt cát nhật tạo).

Dịch:

Đình này bói được nền tốt vào năm Cảnh Hưng, tọa Tý hướng Ngọ kiêm Quý Đinh, phân kim nội bàn Canh Tý, Canh Ngọ. Trải qua nhiều năm truyền đến ngày nay. Sáng tỏ thay, phúc đức thay, truyền đến nay đã lâu rồi. Năm Tân Tỵ, Tự Đức thứ 34, ngày 15 tháng chạp cải tạo mới, đổi lập tọa Tý hướng Ngọ kiêm Nhâm Bính, lớn không bằng cũ. Giờ Canh Thìn ngày Canh Thân 24 tháng 11 Mậu Tý, mùa đông năm Ất Mùi đổi lại tuân theo đường cũ. Từ nay y như buổi đầu sẽ nối tiếp vô cùng. Nên viết văn để ghi sự việc. Hoàng triều Thành Thái năm thứ 7 (1895) ngày tốt tháng 11 tạo bia.

Câu đối ở bốn trụ biểu cổng đình:

Cặp thứ nhất:

開拓江山蒲源水往重修舊址光景色

耕居大地青山七界建造新基到輝煌

(Khai thác giang sơn, Bồ nguyên thủy vãng, trùng tu cựu chỉ quang cảnh sắc;

Canh cư đại địa, thanh sơn thất giới, kiến tạo tân cơ đảo huy hoàng).

Dịch nghĩa:

Mở mang sông núi, dòng Bồ tuôn chảy từ nguồn, trùng tu cảnh quan dấu cũ.

Canh cư đất rộng, núi xanh muôn cõi, kiến tạo nền mới mãi huy hoàng.



Cặp thứ hai:

有開必先萬古勳名保存文化千年在
日月普光高燈遠照千秋顯達仰洪恩
(Hữu khai tất tiên, vạn cổ huân danh, bảo tồn văn
hóa thiên niên tại;

Nhật nguyệt phổ quang, cao đăng viễn chiếu, thiên
thu hiển đạt ngưỡng hồng ân).

Dịch nghĩa:

Mở mang công nghiệp tiền nhân, nêu danh vạn cổ,
bảo tồn phong tục văn hóa cổ;

Trời trăng chiếu sáng cơ đồ, đèn cao soi tỏ, nhờ ân lớn
hiển đạt ngàn thu.

Câu đối ở trụ biểu bình phong long mã:

賀郎秀地千秋在 / 蒲水青平永遠流

(Hạ Lang tú địa thiên thu tại;

Bồ thủy thanh bình vĩnh viễn lưu).

Dịch nghĩa:

Hạ Lang màu mỡ ngàn thu mãi;

Nước Bồ xanh ngắt lững lờ trôi.

Hoành phi, câu đối tại đình là các cặp đối liền chạm
khắc tên vật liệu gỗ, gồm:

Hoành phi: 造化迹 - Tạo hóa tích - Dấu tích tạo hóa.

Lục khoản: 嗣德十六年造 - Tự Đức thập lục tạo - Tạo
dựng năm Tự Đức mười sáu (1863).

Cặp thứ nhất:

比屋可封仰達人之至德 / 聚廬相慶頓成物之神功

(Tỷ ốc khả phong, ngưỡng đạt nhân chi chí đức;

Tụ lư tương khánh, đồn thành vật chi thần công).

Dịch nghĩa:

Muôn nhà tiết tháo, ngưỡng trông đạt đến bậc chí đức,

Xóm đông tụ hội, sửa sang nên được đáng thần công.

Cặp thứ hai:

全憑靈秀鐘英虎帳雄才相接武

仰賴神通默祐龍墀寵命與同休

(Toàn bằng linh tú chung anh, Hồ tướng hùng tài
tương tiếp vũ;

Ngưỡng lại thần thông mặc hựu, Long trì sủng
mệnh dữ đồng hựu).

Dịch nghĩa:

Đều nhờ đáng Anh linh hun đúc, bậc hùng tài nơi
trướng Hồ, nối đời võ nghiệp;

Trông tựa đáng Thần thông che chở, nhận ơn lớn chốn
Long trì, cùng non nước mãi vui vầy.

Lục khoản 1:

保大柒年孟秋 - (Bảo Đại thất niên mạnh thu) - Mùa
thu năm Bảo Đại thứ bảy (1931).

Lục khoản 2:

本社棟員兵全奉供 - (Bốn xã luyện viên binh đồng
phụng cúng) - Các luyện viên binh bốn làng cùng
phụng cúng.

Cặp thứ ba:

通天下之財源普霑富有

掌萬民之福澤永賜豐盈

(Thông thiên hạ chi tài nguyên, phổ triêm phú hữu;
Chưởng vạn dân chi phúc trạch, vĩnh tứ phong doanh).

Dịch nghĩa:

Lưu thông tài nguyên trong thiên hạ, thấm nhuần phú
quý rộng khắp,

Nắm giữ phúc trạch muôn dân, mãi ban sự dồi dào
tốt tươi.

Chùa Quảng Khánh - ngôi cổ tự làng Hạ Lang

Chùa Quảng Khánh vốn là một ngôi chùa cổ, có niên
đại gắn liền với quá trình tự cư của dân làng Hạ Lang,
chùa được thành lập sớm có thể từ thời Lê (1765), niên
hiệu Cảnh Hưng, dựng cùng với đình làng, trong nội
dung bài minh chuông chùa Quảng Khánh-làng Hạ
Lang do An Dương bá Lê Trọng Nông soạn có nói rõ
điều này: 我州廣田之賀郎舊有寺寺有鐘像教盛集為
一方大名藍 (Ngã châu Quảng Điền chi Hạ Lang, cự
hữu tự, tự hữu chung, tượng giáo thịnh tập vi nhất
phương đại danh lam) *Làng Hạ Lang, huyện Quảng Điền
ta từ lâu đã có chùa. Chùa có chuông, Phật giáo hưng
thịnh làm nên danh lam nổi tiếng của một phương...*"⁶.

Năm 1799, quan Tham đốc triều Tây Sơn-Cảnh Thịnh,
ngài Bảo Đức hầu Lê Quang Cao cùng vợ là Đoàn Thị
Đoan, vốn là con dân trong làng, đồng thời cũng là
gia đình Phật tử thuần thành đã không tiếc tiền của tự
bỏ kinh phí trùng tu, sửa chữa cột kèo, lợp lại ngói, tô
điểm thêm ngôi Tam bảo. Chuông chùa Quảng Khánh
có niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ bảy (1799) (nguyên
văn: 時皇朝景盛萬萬年之七歲在己未仲秋上浣穀日
(Thời Hoàng triều Cảnh Thịnh vạn vạn niên chi thất, tuế
tại Kỷ Mùi trọng thu thượng cán cốc nhật). Nghĩa: Ngày
tốt thượng tuần tháng tám năm Kỷ Mùi, Hoàng triều Cảnh
Thịnh muôn muôn tuổi, năm thứ bảy (1799)), được ngài
Lê Quang Cao cùng gia đình, bà con họ tộc Lê Quang
và cư dân trong làng đứng ra bỏ kinh phí, thuê thợ,
chọn nguyên vật liệu bằng đồng đỏ đúc nên. Chính vì
vậy chiếc chuông là minh chứng cho lòng mộ Đạo, kính
Phật của cư dân nơi đây (Tất cả sự kiện trên đều được

thuật lại trong nội dung bài văn chuông chùa Quảng Khánh). Năm 2006, chùa được Phật tử Nguyễn Thị Gái, vốn là con dân trong làng, nay định cư tại Úc, gửi kinh phí cho trùng tu lại cổng tam quan và ngôi Tam bảo.

Trên cổng tam quan có khắc ba chữ nổi 廣慶寺 (Quảng Khánh tự) và cặp đối như sau:

入禪門減貪嗔癡而求自度
行正道修成定慧必能度他

(Nhập thiền môn diệt tham, sân, si nhi cầu tự độ;
Hành chánh đạo tu thành định huệ năng độ ta nhân).

Dịch nghĩa:

*Bước vào Thiền môn diệt tham, sân, si; để cầu mong tự độ;
Thi hành Chánh đạo tu nên định huệ; mới có thể độ người.*

Các cặp đối tại ngôi Tam bảo:

廣潤三乘妙道普教群生共向蓮臺醒世夢
慶逢五色毫光參窮法界重開慧日顯真宗

(Quảng nhuận tam thừa, diệu đạo phổ giáo quần sinh, cộng hướng liên đài tỉnh thế mộng;
Khánh phùng ngũ sắc, hào quang tam cùng pháp giới, trùng khai huệ nhật hiển chân tông).

Tạm dịch:
Tam thừa thấm nhuần khắp chốn, diệu Đạo ấy chiếu sáng muôn nẻo quần sinh, cùng hướng đến Liên đài tỉnh bùng thế mộng;

Ngũ sắc gặp hội, ánh hào quang soi rọi tận cùng tam giới, mở mang đuốc huệ hiển rõ chân tông.
Cặp thứ hai:
心即佛佛即心一念慈悲誠必應
色是空空是色千形變化有如無

(Tâm tức Phật, Phật tức tâm, nhất niệm từ bi thành tất ứng;
Sắc thị Không, Không thị sắc, thiên hình biến hóa hữu như vô).
Tạm dịch:
Tâm là Phật, Phật cũng là Tâm, một niệm từ bi thành thì ứng;

Sắc là Không, Không cũng là sắc, muôn hình biến hóa, có như không.

Hầu hết nội dung các cặp đối tại chùa Quảng Khánh đều mang âm hưởng của giáo lý Phật giáo đại thừa, ánh sáng Phật pháp hướng đến quần sinh.

Các di chỉ cổ nay chỉ còn tên gọi...

Hiện nay, làng Hạ Lang còn lưu giữ những di chỉ cổ mà tên gọi những di chỉ đó còn lưu dấu ấn trong tâm trí các vị bô lão và cao niên trong làng, đó là: Ao phủ, Bến Đồn, Văn Trại, Văn Xá. Cụ Hoàng Văn Sum, một vị cao niên trong làng, cho biết: “*Thời chúa Nguyễn Phúc Chu dời dinh phủ về Bắc Vọng, từng chọn làng làm nơi dừng chân đóng trại, lập đồn làm nơi huấn luyện sĩ binh. Chữ phủ, chữ đồn từ đó mà ra. Văn Trại là nơi quân sĩ tập trận, Văn Xá là nơi quân dân tập trận*”. Hiện nay các di chỉ này chỉ còn tên gọi, còn phần lớn đã bị nhà cửa, trường học, đường sá, trường học... dần thế chỗ.

Phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cha ông

Đất làng Hạ Lang rất màu mỡ được bồi tụ phù sa từ dòng sông Bồ; ngoài ra, sông còn cung cấp nguồn nước tưới tiêu trong nông nghiệp không chỉ riêng cho làng mà cho cả xã Quảng Phú. Làng có 713 hộ, với 2.855 nhân khẩu và lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 35-40%, với 104 ha đất nông nghiệp. Vốn nổi tiếng với thương hiệu “mía cẩm tần” (mía tím), mía được trồng trù phú trải dài khắp các cánh đồng sau làng, nhà nhà trồng mía, nay nghề trồng mía lan sang tận làng Hà Cánh, Bao La. Mỗi năm cuối vụ, thương lái ở Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam... đến tận ruộng thu mua; làng còn trồng xen canh thêm đậu, sắn và cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc; nghề thủ công nghiệp truyền thống của làng là chằm nón, nay gần như chỉ còn chừng 3 đến 5 hộ còn duy trì nghề này. Nghề chăn nuôi thủy sản cá lồng dọc sông Bồ như cá trắm, cá diêu hồng đem lại thu nhập cao, ổn định với 7 hộ nuôi cá diêu hồng với 140 ô; 40 hộ nuôi cá trắm với 65 lồng. Tuy nhiên, cơn lũ cuối năm 2017 đã cuốn trôi nhiều lồng cá, sau lũ cá bị nhiễm độc chết hàng loạt; sản lượng mía trong những năm gần đây cũng giảm mạnh do thời tiết bão lũ, thị trường tiêu thụ không ổn định, giá mía xuống còn dưới một nửa so với mùa trước gây thiệt hại nặng về kinh tế cho bà con nơi đây. Hiện nay, làng đã có đèn điện chiếu sáng khắp các ngõ, đường xóm, 100% đường làng được bê-tông hóa mà phần lớn là do làng huy động theo hình thức xã hội hóa, nguồn kinh phí từ dân làng tự bỏ tiền ra thực hiện.

Phát huy giá trị truyền thống văn hóa vốn có, cư dân làng Hạ lang vốn chăm chỉ trong nông nghiệp cũng như công cuộc kiến thiết, xây dựng quê hương. Ông Lê Quang Thịnh, trưởng thôn Hạ Lang, cho biết: “con em thuộc các họ tộc trong thôn như họ Hoàng, Ngô, Lê Quang... có nhiều người đỗ đạt, thành công trong sự nghiệp, đặc biệt là họ Hoàng có truyền thống hiếu học và hiện là dòng họ tiêu biểu làm tốt công tác khuyến học hiện nay của tỉnh Thừa Thiên Huế”. ■

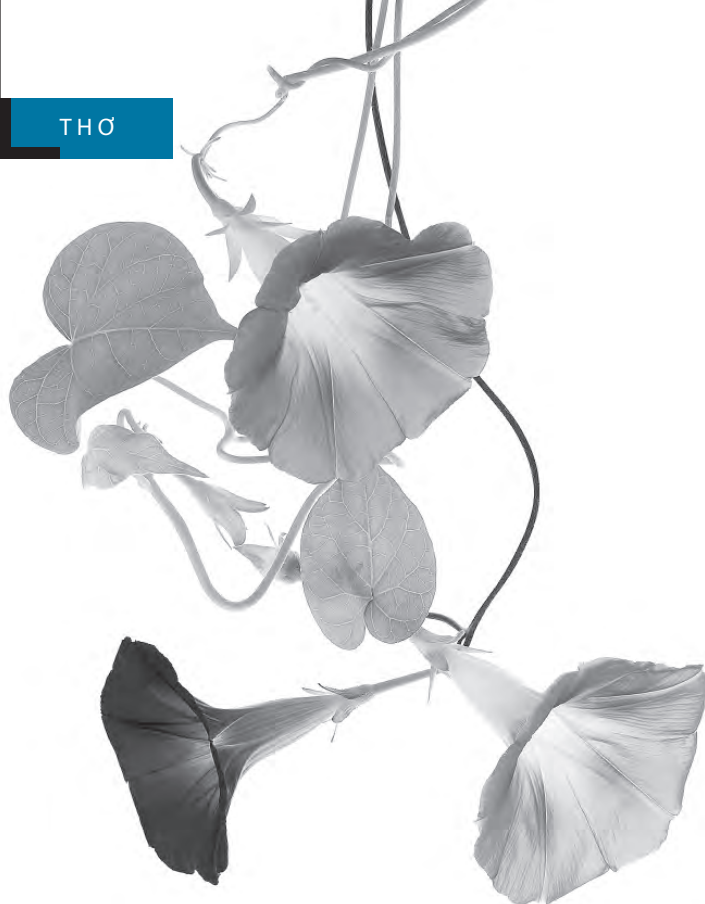
Chú thích:

1. Vô Danh Thị (Dương Văn An nhuận sắc tập thành) (1961), *Ô châu cận lục*, Bùi Lương phiên dịch, Văn Hóa Á Châu xuất bản, tr.40.

2, 3 & 4. Nguyễn Đình Đầu (1997), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Thừa Thiên*, Nxb TP.HCM, tr.67; tr.70; tr.280-281.

5. Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, tr.165-167. Trong phần nguyên văn, trang 165, mục Văn bia đình làng Hạ Lang (1), sách bị thiếu đoạn 嗣德十五年壬戌秋九月朔仍舊重修 (Tự Đức thập ngũ niên nhâm tuất thu cửu nguyệt sóc nhưng cựu trùng tu). Sau khi khảo sát bài văn bia gốc, chúng tôi đã bổ sung lại phần nguyên văn và phiên âm cho hoàn chỉnh.

6. Trần Đại Vinh, *Văn bia và Văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Sđd, tr.38-40. * *Ảnh của tác giả*



Khói hoàng hôn

TỊNH BÌNH

Tựa chiều đôi phía quê xa
Bóng hoàng hôn đã nhạt nhòa lưng mây
Chân hoang phiêu bạt gót giày
Lên đêngh chìm nổi thán ngày mỗi mê

Ngỡ như ai gọi ta về
Nửa vành trăng khuyết đêm thè xưa xa
Ấm lòng đôi khúc dân ca
Điệu thương điệu nhớ mặn mà duyên quê

Đa đoan khép lại bộn bề
Quá giang theo cánh chim về tổ xa
Liêu xiêu trong nắng mẹ ta
Khói quê đắm ướt lệ nhòa hoàng hôn...

Giận và vui

PHAN VĂN QUÂN

Qua rồi chút giận mà thôi
Giận nhau chỉ mãi để rồi xa nhau
Xin đừng ngoảnh mặt cúi đầu
Giận tan thì hãy cùng nhau vui cười.

Chỉ cần giản dị mà thôi
Niềm vui nho nhỏ giữa đời bao la
Dù cho bão tố phong ba
Niềm vui còn đó cùng ta tháng ngày.

Khúc hát ngày ra trường

THANH TRẮC NGUYỄN VĂN

Thôi, từ giã giảng đường
Từ giã tuổi sinh viên
Chúng mình mang đi để mang hoài nỗi nhớ
Hoa phượng vĩ chiều nay tung bùng nở
Đỏ thắm ven trời. Những cánh chim bay

Ngày mai xa rồi ta biết nói gì đây
Ánh mắt ấy nhìn ai chợt có gì khang khác!
Tạm biệt nhé con đường về xanh mát
Bao dấu chân xưa, sao xao xuyến bồi hồi?

Em sẽ về miền đất ấy xa xôi...
Lời nói khẽ như bao lời muốn nói
Mái trường xa sẽ đón chào cô giáo mới
Và tình yêu thoáng nhẹ trong chiều.

Họ bên nhau chưa nói được nhiều
Lòng mãi hẹn những phương trời xa lắc!
Để những ước mơ thầm thì khẽ hát
Khúc hát vào đời những mơ ước lứa đôi...

Đợi chờ

PHAN THÀNH MINH

Lúa về đổ nắng ra phơi
Sân vun điệu hát câu cười riu ran
Nón nghiêng che mặt giàn sàng
Chớp yêu mắt ngọc hai hàng mi cong

Rạ rom bó nị trâu đồng
Câu hò đã bắc qua sông đưa chiều
Gió ngang bay mọi cánh diều
Khói ôm mái lá vỗ yêu dỗ dành

Nở mảy nở mặt cơm canh
Chê niêu tôm cá bò quanh lửa hồng
Quên ngày rỏ cặp gạo đong
Lúa liền chân rạ khơi dòng âm no

Bán mua tấp nập chợ đồ
Vui chia giáp quận hát hò thâu đêm
Hội làng đông chật như nêm
Muôn hồng nghìn tía biết tìm em đâu

Nghẹn lời ấp úng buông cau
Tắc vôi để thẹn miếng trầu chưa tèm
Mặc hoa trôi giạt nổi chìm
Lọp lờ cắm xuống lặng im đợi chờ.

Bước vội

TRƯỜNG KHÁNH

Tháng Tư bước vội qua ngày,
Người đi bước vội dặm dài có không.
Đêm về bước vội chờ mong,
Chim sáo bước vội qua đồng lúa chiêm.
Trăng tròn bước vội qua hiên,
Tìm nhau bước vội qua miền tuổi thơ,
Mặt trời bước vội giữa trưa,
Câu kinh bước vội qua bờ tịnh an,
Tiếng chuông bước vội ba ngàn,
Pháp âm bước vội đạo tràng Phật khai.
Đi về bước vội Một, Hai,
Tình lam bước vội dặm dài trắng sen.

Tôn thờ lý tưởng thân quen,
Áo Lam - Sen Trắng, sáng thêm đạo tình,
Một lòng vì đạo quang minh,
Đá vàng son sắt chung tình trước sau.

Bước vội, bước vội qua mau,
Bỏ sau lưng vạn trái sầu rụng rơi!!

Mười năm thương nhớ

TRÚC THANH TÂM

Mười năm, ai hát bài thương nhớ
Để thất lòng ta chút tình hồng
Từng tiếng thời gian như đọng lại
Một màu huyền diệu của đêm trăng!

Nước vẫn trôi êm qua mùa đỏ
Óng ánh phù sa bên lở bờ bồi
Cánh cò trắng trắng in màu nắng
Mắt vẫn đưa tình thuở rong chơi!

Mười năm, ai hiểu giùm ai hết
Sợi tóc tương tư cửa sổ chờ
Một chút ráng chiều rung rúc tắt
Trên cành vừa rụng trái hư vô!

Phải chi hôm ấy không hò hẹn
Bây giờ, nào có nhớ nhau đâu
Phải chi hôm ấy mưa đừng đến
Bây giờ, có lẽ đã quên nhau!

Vậy mà, người vẫn chưa trở lại
Mười năm, thêm cũ ánh trăng vơi
Chiếc lá xa cành bay tản mạn
Để mất đời nhau, nửa nụ cười!

Nắng và tôi

TRÀ KIM LONG

Tôi đi đội nắng lên đầu
Nắng thương nắng cũng đổi màu nhạt phai
Ngược xuôi mấy quãng đường dài
Chỉ đơn thân thể không ai với mình.

Chông chênh giữa cuộc đường trình
Tôi hình như có, tôi hình như không
Giữa trời đất rộng mênh mông
Mỏi chân đuổi bóng, bóng bỗng bồng bồng trôi.

Đã xa mấy quãng đường rồi
Trời không thương nữa nên trời nắng lên
Như người khi nhớ khi quên
Thường vui bên ấy để bên này chờ.

“Chiều chiều con nhện giăng tơ”
Nghe lời hát cũ mà ngơ ngẩn buồn
Xua tay đuổi nắng lên nguồn
Trời hờn đem nắng giấu phương nào rồi?



Họ cảm ơn nhau

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Đang thăm khám bệnh nhân thì điện thoại đổ chuông, chị bước vội ra hành lang, bấm máy. Từ bên kia vọng lại giọng quen thuộc: “*Có khách đợi em ở nhà, về ngay nhé.*”

Chị không thể chiều theo ý chồng: “*Em chờ giao ca, chưa về được; khách nào vậy anh?*”

Anh cười cười, cứ như trên người sự tò mò và kích hoạt trí tưởng tượng của chị: “*Em gắng về sớm, khắc biết.*”

Trước khi cúp máy, anh còn tha thiết nhắc lại: “*Sớm em nhé!*”

Chị khẽ “dạ” nhưng ngần ngại bởi điều muốn biết vẫn lửng lơ. Quay lại phòng bệnh với các bệnh nhân đang chờ, chị phân tâm bởi cuộc gọi của chồng; giọng nhẹ nhàng đến dịu dàng của anh khiến chị bàng khuâng.

Trước khi về chung một nhà, chị từng có chồng con; anh là trai tân, kém vợ một tuổi. Mặc cảm từ một lần đổ vỡ, lại bị cho là “bà già” khiến chị phân vân khi đến với người mới.

“*Anh nghĩ kỹ chưa?*”, đã bao lần chị hỏi đi hỏi lại như thể kiểm tra độ kiên định của anh.

Đáp lại là sự im lặng; chị biết, anh cũng vượt qua những rào cản mong manh nhưng chẳng nhỏ đến từ gia đình, bạn bè, và cả chính mình. Những lúc nhìn anh đắm chiêu lặng lẽ hay nhiều ngày liền chẳng gọi điện, nhắn tin, chị chắc anh dẫn đo chuyện của hai người. Những lúc ấy, chị đáp lại bằng khoảng lặng kéo dài; khi bạn trai “a-lô” tới chị còn cố tình cắt ngắn cuộc gọi bằng lý do tưởng tượng. Vì lòng tự trọng và muốn anh được tự do lựa chọn, chị đành nén lòng, cố giữ thăng bằng cho trái tim bắt đầu thổn thức.

Và rồi, chuyện của hai người cũng đi đến hồi kết có hậu bởi lý trí dường như bắt lực trước trái tim ương bướng trong anh. Họ bắt đầu bàn về ngày vui thấp thoáng phía trước và mơ màng dự định ở thì tương lai. Bấy giờ, chị mừng thầm khi thấy anh không còn ngần ngại dẫn bạn gái đi “khoe” cùng người thân hay tay trong tay đến những đám tiệc; anh còn tự trào, “*nguyên làm một ‘phi công’ ngoan ngoan.*”

Thế nhưng khi sống cùng, những điều phiền lòng hại não cứ lớn vồn, khiến chị không yên.

Đang vội thay y phục công tác để về thì chị thấy có tin nhắn của chồng. Chắc tưởng vợ đang bận nên anh chọn cách thông tin vắn tắt để tránh bất tiện. Chị liú ríu mở máy. “*Em về tiếp khách; để anh đón con.*”

Con đây là “con em”, tức thằng lớn; còn “con chúng ta” là thằng nhỏ đang được bà nội bồng bế. Chị đọc đi đọc lại dòng chữ, ngỡ ngàng.

Lâu nay, chăm sóc thằng lớn được ngấm định là việc của chị, bởi giữa anh và con riêng của vợ vẫn còn khoảng cách. Thằng bé lên năm đã hồn nhiên gọi “ba” nhưng anh chưa sẵn sàng mở lòng với nó. Về đến nhà là anh ôm lấy thằng nhỏ, cả khi ngủ; nhưng thằng lớn thì ngược lại, chẳng mấy khi anh chơi đùa với nó. Lần lúc thấy ba bế em đi dạo, thằng lớn lon ton chạy theo sau nhưng anh dừng dừng như chẳng thấy. Nó cũng ít chơi với em vì sợ bị “vạ” lây. Dường như biết được ba “chống lưng” nên thằng em hay trở chứng hồn dỗi, thể là thằng anh lại bị mắng. Có khi em “*bổn dưng muốn khóc*”, anh cũng bị nghi là thủ phạm: “*Cu, chọc em phải không!?*” Đồ chơi của em để cả góc nhà nhưng anh sờ vô là nó lăn ra giãy đành đạch, đòi lại cho được. Tất nhiên, dưới sự cầm cân lệch về một bên của ba, thằng anh lúc nào cũng phải nhường em.

Lắm lúc nhìn đứa con tội nghiệp thui thủi, chị càng thương con, trách phận rồi trách anh. Sao anh nở lạnh lòng với đứa bé gần gũi đáng thương? Bóng tòa che chở cho mẹ con chị hóa ra chật hẹp vậy sao? Nhưng rồi, chị cố xoa dịu lòng mình, buông bỏ những ý nghĩ nặng nề về anh khi nhớ lời người xưa - khác máu tanh lòng. Chiêm nghiệm ấy chắc đâu phải là sự bông bột của tư duy.

“*Để anh đón con*”, suốt chặng về chị cứ lầm nhảm lời nhắn tưởng ngọt ngào dễ thương hơn cả những ngôn tình ngày hẹn hò. Người khách vừa đến liệu có liên quan sự đổi thay chợt đến trong anh? Chị dự cảm, lòng lâng lâng vui nên đường về như ngắn lại.

Vừa thấy vợ nơi ngõ, chồng nhìn ra tươi cười rồi đứng lên bắt tay khách: “*Anh ở chơi, tôi đi đón thằng nhỏ.*” Có vẻ vội nhưng anh nắm chặt tay khách hồi lâu, giọng chùng xuống: “*Cảm ơn anh đã san sẻ câu chuyện lay động cả lòng người. Xin chúc anh chị và cháu luôn khỏe và hạnh phúc.*”

Thoáng ngỡ ngàng rồi chị nhận ra ngay người quen cũ. Đó chắc chắn là ca đặc biệt nhất chị từng gặp. Sau một hồi bao đồng, khách bật mí lý do cuộc gặp bằng giọng trịnh trọng “*Thưa bác sĩ, ngày mai chúng tôi tổ chức mừng sinh nhật lần thứ sáu của cháu. Mời chị bớt chút thời giờ đến mừng cho cháu và gia đình.*”

Chị mỉm cười, khẽ gật, bồi hồi nhớ chuyện xưa.

Sáu năm trước, người đàn ông đang đối diện chị đưa vợ tới bệnh viện thăm khám. Khi nghe vợ có thai ba tháng, thay vì mừng, nỗi lo hiện rõ trên mặt anh. Với giọng buồn buồn, người chồng cho hay đây là lần mang thai thứ năm của vợ; bốn lần trước, cứ được vài tháng lại mất. Sau một lúc suy tính, chị đưa ra chỉ định: "Vợ anh phải nhập viện, nằm cho tới khi sinh"; nghe thế, anh sững sốt. Nhưng không thể khác khi chị ấy cần được theo dõi, thăm khám thường xuyên và giảm thiểu đi lại, gần như nằm một chỗ.

Trong đời mình, có lẽ chưa bao giờ người chồng ấy trải những ngày dằng dặc như thế ở nơi mà người đời chẳng mong đến bao giờ. Khi ánh sáng từ những ngọn đèn cao áp bên đường còn rực rỡ và bóng đêm vẫn đen đặc, anh đã thức giấc bắt đầu một ngày mới. Anh giúp vợ vệ sinh cá nhân, ăn sáng, giặt quần áo rồi lật đặt đến cơ quan. Buổi trưa, anh từ cơ quan ghé chợ mua thức ăn rồi đến thẳng bệnh viện, lo cơm nước. Việc bếp núc tẩn mẩn tẻ nhạt không làm anh nhàm chán. Lầm hờm chị xuống bếp lấy nước sôi, thấy anh xoay tròn trong vòng khói lửa và khe khẽ huýt sáo.

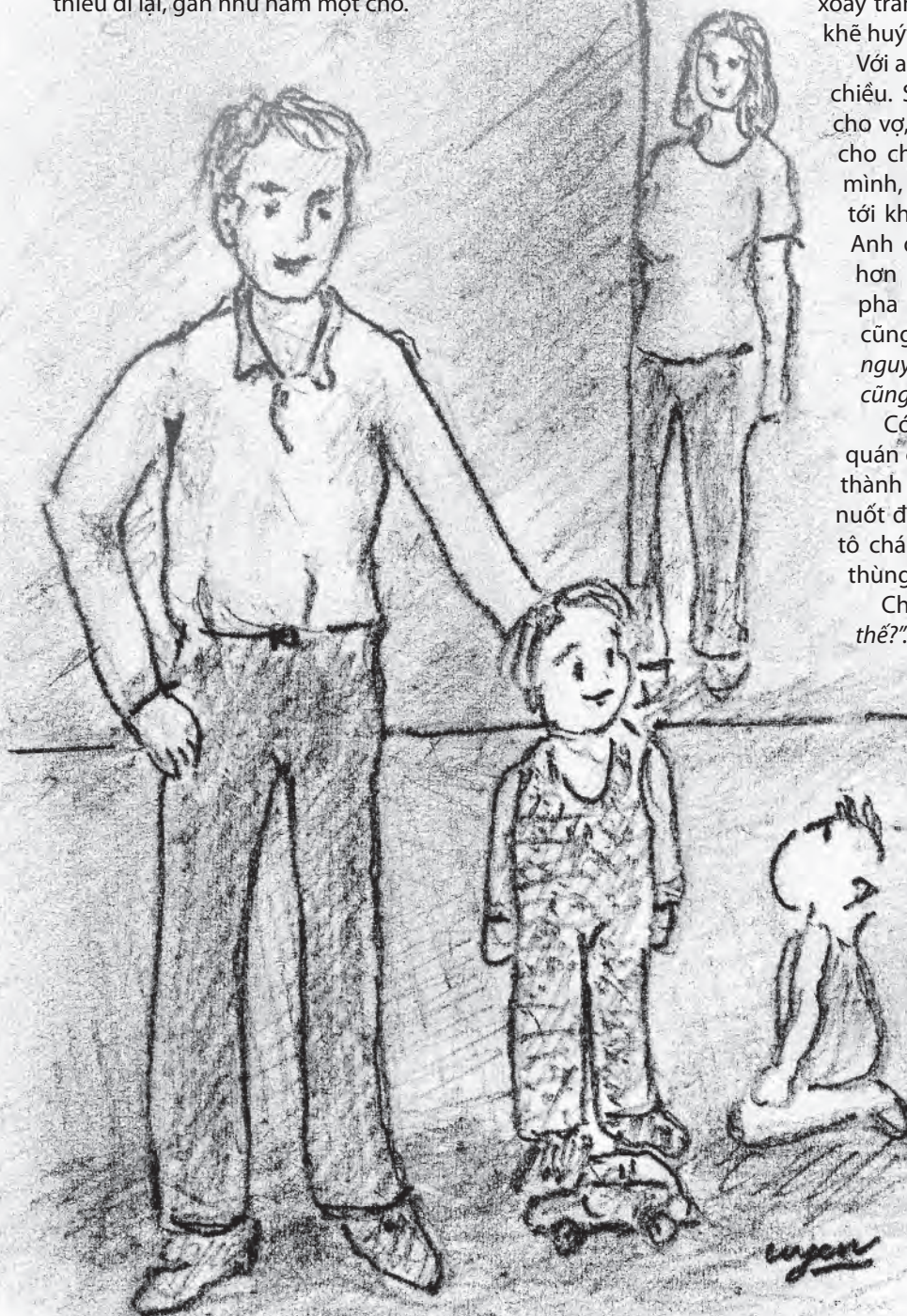
Với anh, có lẽ thư thái nhất là buổi chiều. Sau khi lo ăn uống, tắm rửa cho vợ, anh ngồi quạt và kể chuyện cho chị nghe. Sợ vợ nằm lâu mỏi mình, anh xoa bóp toàn thân, cho tới khi chị thiu thiu ngủ mới thôi. Anh động viên người bệnh khéo hơn cả thầy thuốc; đơn giản là pha cho vợ ly nước chanh, anh cũng xuýt xoa: "Người ta làm cho nguyên thủ quốc gia uống chắc cũng ngon thế này là cùng!".

Có hôm vợ mệt, chồng đi tìm quán cháo mà theo anh ngon nhất thành phố để mua. Nhưng vợ chỉ nuốt được vài muỗng, chồng bê cả tô cháo còn toàn thịt đồ luôn vào thùng nước mả.

Chị đi ngang, quở: "Sao anh phí thế?".

Anh nói nhỏ: "Phải thế này để cô ấy tiếu, lần sau gắng ăn cho hết."

Hôm nào trực, chị đều ghé thăm nữ bệnh nhân đặc biệt ấy; thấy người chồng mua sách báo tranh ảnh có hình những đứa trẻ đẹp như thiên thần để đẩy đầu giường. Lúc rảnh, hai vợ chồng chụm đầu vào nhau, chỉ những tấm hình trong báo, mặt rạng rỡ. Người vợ còn đưa những đứa bé trong tranh lên hôn đánh "chụt", mắt ngời sung sướng. Niềm vui đang chấp chới phía trước đã



hun đứ đứ kiên trì của anh và cũng chính nó thường khuấy động nỗi lo phập phồng trong anh.

Lắm hôm chị trực đêm; giặt mình trước dăng tất bật cùng giọng hốt hoảng của người chồng: “Bác sĩ ơi, nhiệt độ cơ thể không tăng nhưng hơi thở cô ấy nóng lắm!?” hoặc “Chị ạ, sao từ tối đến giờ chẳng thấy thằng nhỏ đạp?!”.
Nếu là chỗ khác, chắc chị không nhịn được cười nhưng ở đây, nhìn nỗi lo chất phác của anh, chị không nỡ. Có ai như vợ chồng anh không, nằm viện lâu đến độ quen hết các thầy thuốc trong khoa, quen luôn ông giữ xe, bà bán bún, em bé bán thuốc lá trước cổng bệnh viện. Những tưởng nhọc nhằn ấy sẽ được đáp lại bằng hạnh phúc tròn đầy...

Sao phải chờ đến sinh nhật lần thứ sáu của con, anh mới nhớ đến người nâng niu cháu từ lúc mới chào đời? Và nữa, khách trong ngày đáng nhớ của trẻ thường chỉ những bạn cùng lứa? Sự hiện diện của người lớn, có làm trẻ mất tự nhiên? Chị cảm thấy có gì đó không bình thường ẩn sau lời mời của khách nên hỏi thẳng: “Hình như chị và cháu có chuyện không ổn, phải không anh?”.

Sao phải chờ đến sinh nhật lần thứ sáu của con, anh mới nhớ đến người nâng niu cháu từ lúc mới chào đời? Và nữa, khách trong ngày đáng nhớ của trẻ thường chỉ những bạn cùng lứa? Sự hiện diện của người lớn, có làm trẻ mất tự nhiên? Chị cảm thấy có gì đó không bình thường ẩn sau lời mời của khách nên hỏi thẳng: “Hình như chị và cháu có chuyện không ổn, phải không anh?”.

thấy có gì đó không bình thường ẩn sau lời mời của khách nên hỏi thẳng: “Hình như chị và cháu có chuyện không ổn, phải không anh?”.



Khách ấp úng, lặng một lúc rồi cất giọng run run: “Bác sĩ ơi, tôi lại có chuyện nhờ chị nữa đây...”.

Mặt hần về đau khổ, anh trải lòng: “Thằng bé càng lớn càng không giống ba mẹ chị ạ. Người ngoài lại hòa vào, thế là bà xã tôi buồn và lo lắng. Buồn vì sợ tôi ngờ sự chung tình của vợ, lo vì hồi cháu được nuôi trong lồng kính, có sự nhầm lẫn gì chẳng. Tôi bảo, điều ấy chỉ có trong tưởng tượng của em nhưng cô ấy không yên tâm”.

Hơn ai hết, anh biết thằng bé sắp tròn sáu tuổi kia sao có thể giống vợ chồng anh. Hồi đó, vợ anh phải mổ vì thai ngược; thằng bé chưa đầy hai cân nên phải nuôi trong lồng kính. Hai ngày sau, nó đột ngột “ra đi” trong sự bàng hoàng của các thầy thuốc và nỗi đau tột cùng của anh. Anh chết đuối, không còn sức để nói nên lời, khóc thành tiếng. Anh đưa tay ôm lấy đầu, tựa như đầu anh có thể vỡ ra, vỡ tan thành từng mảnh. Giới hạn cuối cùng của sự chịu đựng trong anh chắc sụp đổ nếu không có chị cùng các thầy thuốc trong khoa.

Đúng vào ngày tuyệt vọng của người mới được làm cha trong chốc lát, ở bệnh viện có một đứa trẻ bị bỏ rơi. Đứa bé đáng thương ấy đã may mắn được đón bằng đôi tay run run của anh. Nó chính là nhân vật trung tâm trong tiệc mừng sinh nhật mà chị được mời dự. Bí mật này, ngoài người làm cha, chỉ có chị và chủ nhiệm khoa biết. Mấy ngày sau, nhìn vợ ôm thằng bé hôn hít ru nựng với nụ cười mãn nguyện, người chồng quay đi giấu những giọt nước mắt.

Chị đột ngột lên tiếng: “Giờ tôi có thể giúp anh được gì?”.

Giọng khách tha thiết: “Tôi muốn nhân ngày vui của cháu, bác sĩ lựa lời nói để vợ tôi tin chẳng có điều như cô ấy nghĩ. Phải thật khéo léo chị ạ; là người từng điều trị cho cô ấy, lời bác sĩ chắc chắn ‘linh’ lắm”.

Chị bùi ngùi: “Thế anh định giấu vợ mãi sao?”.

Đáp lại là giọng buồn buồn, như tự nhủ: “Có ai muốn giữ cho riêng mình nỗi đau!? Nhưng nghĩ tới cảnh cô ấy đau khổ khi biết chuyện, tôi không nỡ; mình tôi chịu đã là quá đủ. Và lại, giờ chưa phải lúc bởi cháu còn nhỏ quá”...

Trước khi từ biệt, khách lặp lại lời cảm ơn chị bởi những gì “bác sĩ đã dành cho gia đình chúng tôi”.

Khách vừa quay lưng thì anh đón đứa lớn về. Thằng bé ngồi lọt trong lòng ba, mặt rạng rỡ, tay ôm bịch đồ chơi với voi, ngựa, ô-tô, tàu hỏa. Chị nhìn con rồi quay sang chồng: “Sao anh mua đồ chơi nhiều vậy?”.

Anh tươi cười: “Con nó thích thế”.

Rung rung trong niềm vui chợt đến, chị đứng lặng nhìn chồng rồi nhìn theo bóng người khách đang xa dần, lòng thấm cảm ơn cả hai. ■



Ảnh: Trần Thế Phong

Về ngày Quốc tế Thiếu nhi

VŨ KỲ XƯƠNG

Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, chúng tôi xin dịch hai đoạn văn sau đây: 1) Đoạn *History* trong mục từ *Children's day* của *Từ điển Bách khoa toàn thư mở trực tuyến Wikipedia*; và 2) Đoạn văn nói về *Các Mục tiêu Thiên niên kỷ* của Liên Hiệp Quốc trên trang mạng của Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF).

1 Ngày Thiếu nhi đã khởi đầu vào ngày Chủ nhật lần thứ hai của tháng Sáu năm 1856 khi một vị mục sư thuộc Giáo hội Phổ độ của Đấng Cứu chuộc (Universalist Church of Redeemer) ở Chelsea, Massachusetts, là Tiến sĩ Leonard đã tổ chức một buổi thánh lễ đặc biệt dành cho thiếu nhi và gọi ngày ấy là Ngày Hoa hồng, về sau, ngày ấy được gọi là Ngày Chủ nhật Thanh xuân, và rồi là Ngày Thiếu nhi.

Ngày Thiếu nhi đầu tiên được chính thức tuyên bố là một ngày lễ quốc gia bởi Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1929, ấn

định là ngày 23/4. Thực ra từ năm 1923 ngày ấy đã được cổ động trên toàn quốc bởi báo chí và một số cơ quan chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ như một ngày dành cho trẻ em, nhưng người ta cho rằng vẫn phải có một tuyên bố chính thức để biện minh cho việc vinh danh trẻ em, và đến năm 1931 thì điều đó đã được chính người sáng lập nhà nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ là Tổng thống Mustafa Kemal Atatürk phê chuẩn. Ngày Quốc tế Bảo vệ Thiếu nhi được chấp nhận ở nhiều quốc gia như ngày Thiếu nhi vào ngày 1-6 từ năm 1950. Ngày này được ấn định bởi Liên đoàn Dân chủ Quốc tế của Phụ nữ (Women's International Democratic Federation) vào dịp đại hội của họ tổ chức tại Moscow ngày 4/11/1949.

Ngày Thiếu nhi Thế giới được tổ chức hàng năm vào ngày 20/11 hàng năm. Ngày này được công bố lần đầu tiên bởi Liên hiệp Vương quốc Anh, được đưa ra để khuyến khích mọi quốc gia thiết lập một ngày, trước hết là để thúc đẩy sự trao đổi và hiểu biết lẫn nhau giữa trẻ em của các quốc gia khác nhau và kế đó là để xướng các

hành động nhằm mang lại lợi ích và đẩy mạnh phúc lợi cho trẻ em trên toàn thế giới.

Điều này được tôn trọng nhằm thúc đẩy những mục tiêu mà Hiến chương Liên Hiệp Quốc đã nêu và ủng hộ phúc lợi của trẻ em. Vào ngày 20/11/1959, Liên Hiệp Quốc chấp nhận bản Tuyên ngôn về Quyền Trẻ Em; Liên Hiệp Quốc lại chấp nhận bản Công ước về Quyền Trẻ Em ngày 20/11/1989, và bản này có thể được tìm thấy trên trang mạng của Cộng đồng châu Âu.

Vào năm 2000, Mục tiêu Thiên niên kỷ đã được các nhà lãnh đạo thế giới vạch ra với mục đích chính là chấm dứt sự lây lan của đại dịch HIV/AIDS trước năm 2015. Mặc dù điều đó được áp dụng cho mọi người, nhưng mục tiêu chính là nhằm tới trẻ em. Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) được chỉ định là phải đạt được sáu trong số tám mục tiêu đặt vào những nhu cầu của trẻ em sao cho mọi trẻ em đều được hành xử những quyền căn bản đã được nêu rõ trong Công ước quốc tế về quyền con người năm 1989. UNICEF cung cấp thuốc chủng ngừa, làm việc với những nhà soạn thảo chính sách về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, và nhất là giúp đỡ trẻ em và bảo vệ những quyền của các em.

Trong tháng 9/2012, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon đã đưa ra những sáng kiến về giáo dục trẻ em. Ông muốn, trước hết mọi trẻ em đều có khả năng đến trường, một mục tiêu đến năm 2015 phải thực hiện xong. Thứ hai, cải thiện đầy đủ mọi kỹ năng đạt được ở những ngôi trường đó. Sau cùng, bổ sung chính sách giáo dục nhằm thúc đẩy hoà bình, sự tôn trọng và mối quan tâm về môi trường. Ngày Nhi đồng Thế giới không chỉ là một ngày để vinh danh thiếu nhi dành cho những kẻ đang là thiếu nhi mà còn nhằm mang lại nhận thức cho trẻ em khắp thế giới vẫn đang ném mìn bạo lực dưới những hình thức lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử. Trẻ em vẫn được sử

dụng như lao động ở một số quốc gia, đang bị chìm trong những cuộc xung đột có vũ khí, sống ngoài đường phố, chịu đau khổ vì những khác biệt cho dù đó là vấn đề tôn giáo hay sắc tộc, hoặc vì tàn tật.

Cảm tưởng của trẻ em về tác động của chiến tranh có thể bị biến đổi bởi xung đột vũ trang và các em cũng có thể chịu đựng những chấn thương về thể chất và tâm lý. Những điều vi phạm sau được mô tả trong mục “trẻ em và xung đột vũ trang”: sự tuyển dụng trẻ em cho quân đội



và lính trẻ em; việc giết hại và làm tàn tật trẻ em; việc bắt cóc trẻ em; việc tấn công vào trường học hay bệnh viện và không cho phép các hoạt động nhân đạo tiếp cận với trẻ em. Hiện nay có khoảng 153 triệu trẻ em từ độ 5 tuổi đến 14 tuổi đang bị cưỡng bức lao động. Vào năm 1999, Tổ chức Lao động Quốc tế đã chấp nhận bản văn Nghiêm cấm và Loại trừ các Hình thức Tệ hại về Lao động Trẻ em, bao gồm nô lệ, nạn mãi dâm và khiêu dâm trẻ em.

2 Vào tháng 9/2000, một cuộc tập hợp rộng lớn nhất của các nhà lãnh đạo thế giới đã tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ tại tổng hành dinh của Liên Hiệp Quốc tại Nữ Uớc (Hoa Kỳ). Vào năm bản lề này, đại biểu của 189 quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc đã họp để suy ngẫm về vận mệnh nhân loại. Các quốc gia đang bị ràng buộc với nhau như trước đó chưa bao giờ từng có.

Nhưng cuộc sống của các công dân của họ lại khác nhau hoàn toàn. Trong lúc một số nhà nước hướng tới sự thịnh vượng và việc hợp tác toàn cầu, nhiều quốc gia hầu như không có tương lai, đang bị chìm sâu trong sự khốn khổ, trong những điều kiện nghèo khó chưa chấm dứt, những cuộc xung đột và một môi trường thiên nhiên ngày càng xuống cấp.

Bắt đầu xem xét những cuộc khủng hoảng ấy cho đến năm 2000, các nhà lãnh đạo tham dự đã đưa ra bản Tuyên ngôn Thiên niên kỷ, một chuỗi những ưu tiên tập thể cho vấn đề hoà bình và an ninh, vấn đề giảm nghèo đói, vấn đề môi trường và quyền con người - những bước thiết yếu cho sự tiến bộ của nhân loại, cũng như cho sự tồn tại ngay trước mắt cho một bộ phận quan trọng của loài người. Các nhà lãnh đạo đã nhất trí rằng sự phát triển của con người là điều then chốt đối với sự phát triển bền vững về kinh tế và xã hội ở mọi quốc gia cũng như đối với nền an ninh toàn cầu.

Nhưng cộng đồng thế giới sẽ thành tựu những ưu tiên ấy như thế nào? Tiếp theo những cuộc họp chi tiết hơn với nhiều cơ quan thế giới, các đoàn đại biểu cũng đã vạch ra một kế hoạch chi tiết cho một tương lai sáng sủa hơn: Các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Các nhà lãnh đạo cam kết, trước năm 2015, thế giới sẽ thành tựu những cải thiện có thể đánh giá được trong những lãnh vực thiết yếu nhất về

sự phát triển con người. Các mục tiêu ấy thiết lập những tiêu chuẩn so sánh để đánh giá những kết quả, không chỉ đối với những nước đang phát triển mà còn cho cả những nước giúp tài trợ các chương trình phát triển cũng như cho những định chế đa phương, như Ngân hàng Thế giới và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP), có đóng góp vào việc giúp đỡ các quốc gia thực hiện các chương trình phát triển ấy.

Các Mục tiêu Thiên niên kỷ đặt những ưu tiên cho trẻ em

Mặc dù các mục tiêu được nêu là nhắm tới toàn thể loài người, chủ yếu là về trẻ em.

Sao vậy:

Vi sáu trong số tám mục tiêu đã nêu trực tiếp liên quan đến trẻ em. Việc đáp ứng hai mục tiêu cuối cùng cũng sẽ mang lại những cải thiện quan trọng cho đời sống trẻ em.

Vi việc đáp ứng các mục tiêu là hết sức quan trọng đối với trẻ em. Trẻ em là thành phần dễ bị tổn thương nhất khi dân chúng thiếu những nhu yếu như thực phẩm, nước uống, vệ sinh và sự chăm sóc sức khoẻ. Trẻ em là những nạn nhân chết trước hết khi những nhu cầu căn bản không được đáp ứng.

Vi trẻ em có quyền. Mỗi đứa trẻ đều được sinh ra với quyền được sống, có đủ thực phẩm và chất dinh dưỡng, được chăm sóc sức khoẻ và có chỗ ở, được hưởng một nền giáo dục, được tham gia, được bình đẳng và được bảo vệ - những quyền được nhìn nhận, bên cạnh những quyền khác [đã được nêu] trong hiệp ước quốc tế về quyền con người năm 1989 - bởi Công ước về Quyền Trẻ em. Các mục tiêu Thiên niên kỷ phải được đáp ứng để cho những quyền căn bản của con người được thực hiện.

Vi việc giảm nghèo bắt đầu từ trẻ em. Việc giúp đỡ trẻ em phát triển trọn vẹn mọi tiềm năng của các em cũng chính là việc đầu tư vào sự tiến bộ của nhân loại. Vì chính là trong những năm quyết định đầu đời [của trẻ em] mà những can thiệp mang lại sự khác biệt lớn nhất trong sự phát triển về thể chất, tri thức và tình cảm của trẻ em. Và việc đầu tư vào trẻ em có nghĩa là việc thành tựu những mục tiêu phát triển nhanh hơn, vì trẻ em cấu thành một tỷ lệ lớn những người nghèo của thế giới này.

Đó là lãnh vực mà Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc đang tiến vào. Là một tổ chức của Liên Hiệp Quốc, UNICEF là cơ quan liên chính phủ duy nhất dành hết mọi nỗ lực hoạt động của mình cho trẻ em và được các chính phủ trên toàn thế giới uỷ thác việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của trẻ em cũng như hạnh phúc của các em. Cùng với những cơ quan khác của Liên Hiệp Quốc và những thành viên toàn cầu khác, UNICEF đã chấp nhận các mục tiêu như là một phần nhiệm vụ chính của mình. Từ việc cộng tác với những nhà hoạch định chính sách địa phương hướng đến hoạt động chăm sóc sức khoẻ và cải tiến giáo dục cho tới việc cung cấp thuốc chủng ngừa, mỗi hành động của UNICEF là một bước tiến đến Mục tiêu Thiên niên kỷ. ■





Vài hình ảnh

Lễ Phật đản Phật lịch 2562



Do Sư cô Thích nữ Như Tâm, Phó Hội trưởng Thường trực Hội Phật tử Việt Nam tại Nhật Bản tổ chức tại chùa Tokurin-ji (Đức Lâm tự), Nagoya Aichi.





Tổng quan các vấn đề VỀ BỆNH TIM MẠCH Ở NGƯỜI CAO TUỔI

Bệnh tim mạch ở người cao tuổi là quá trình lão hóa tự nhiên với những biến đổi do lão hóa ở hệ tim mạch. Đây là *nguyên nhân chính dẫn đến bệnh tim mạch*. Vậy, hãy cùng chúng tôi tìm hiểu tổng quan về bệnh tim mạch ở người cao tuổi để có phương pháp phòng tránh những nguy hiểm đang đe dọa tính mạng của những người thân trong gia đình.

Lý do bệnh tim mạch thường xuất hiện ở người cao tuổi

Khi còn trẻ các mạch máu trên cơ thể sẽ có tính đàn hồi, co giãn, tim co bóp và có sự lưu thông máu dễ dàng. Tuy nhiên, ở người già van tim thoái hóa, vôi hóa, nhất là van động mạch chủ, mạch máu cứng hơn và đàn hồi kém hơn. Tim co bóp bơm máu vào động mạch nhưng gặp nhiều sức cản nên cần hoạt động nhiều hơn, lâu dần gây suy tim.

Bệnh tim mạch ở người cao tuổi đang trở thành một nỗi lo của xã hội. Không chỉ vậy tình trạng thoái hóa, xơ vữa động mạch ở người cao tuổi làm cho cấu trúc mạch máu thay đổi, thành mạch dày lên và lòng mạch thu hẹp dẫn đến **bệnh cao huyết áp** và dễ gây nên các bệnh về tim mạch.

Dấu hiệu mắc bệnh tim mạch ở người già thường gặp

Loạn nhịp tim: Các dấu hiệu rối loạn nhịp tim đều gây ra những triệu chứng tương tự nhau như đánh trống ngực, hay hồi hộp, chóng mặt, ngất xỉu,... Nếu tự sờ mạch ở tay hay cổ cũng đều nhận biết được nhịp tim không đều. Để chẩn đoán nhịp tim cần đo điện tâm đồ. Đặc biệt đối với người cao tuổi, người già, rối loạn nhịp tim có thể theo từng cơn, không có triệu chứng cụ thể nên để chẩn đoán cần gắn máy ghi điện tim liên tục cả ngày.

Đau thắt ngực: Đây là một dấu hiệu của những cơn thiếu máu và nhồi máu cơ tim. Người bệnh như bị đè nặng, đau nhói, tức ngực, nóng rát gây ra cảm giác khó thở. Cơn đau kéo dài và lan tỏa qua lồng ngực ra phía sau, lên hai vai và dọc cánh tay. Kèm theo đó người bệnh thường thấy hồi hộp, hụt hơi, chóng mặt, hoảng hốt và những cơn đau tim nhẹ.

Nhiều trường hợp người bệnh tim mạch còn có cảm giác bị đè nặng ở giữa ngực, có thể thấy tê hay tai trái kéo dài, khó thở, vã mồ hôi. Triệu chứng có thể hết trong vài phút. Nhồi máu cơ tim có thể là mức độ nặng nhất, mạch máu bị tắc hoàn toàn. Những cơn đau thắt ngực kéo dài hơn và dữ dội hơn. Với hiện tượng này cần nhập viện càng sớm càng tốt để điều trị hiệu quả.

Dấu hiệu bệnh tim mạch thường gặp ở người cao tuổi

Đau sườn phải, chân sưng phồng: Tim suy yếu không thể bơm máu lên các cơ quan của cơ thể, người bệnh sẽ có cảm giác mệt mỏi khi vận động, máu ứ lại ở phổi gây khó thở, ứ ở gan gây đau ở sườn phải, ứ lại chân gây sưng phồng mu bàn chân.

Khó thở: Hiện tượng này có thể do vận động quá sức hoặc lo lắng về điều gì đó. Nhưng khi do nghẽn mạch phổi do cục máu đông làm nghẽn mạch máu trong phổi hoặc đang lên cơn đau tim, trụy tim. Căn bệnh gây nguy hiểm đến tính mạng khiến người bệnh thở gấp do thiếu không khí hay cảm thấy vô cùng khó chịu. Đây là **triệu chứng bệnh tim mạch** thường gặp nhất ở người già và cần phải đưa bệnh nhân đến các cơ sở y tế để chạy chữa kịp thời.

Chóng mặt khi bước ra khỏi giường: Có cảm giác chóng mặt vào buổi sáng (huyết áp thấp) có thể do bệnh tiểu đường, trụy tim, Parkinson, hay phản ứng phụ của thuốc. Ngoài ra, sự chóng mặt ở tư thế nhẹ gây nên sự xáo trộn cân bằng của tai trong. Với trường hợp này bạn cần đến bác sĩ để chẩn đoán chính xác.

Cách phòng tránh nguy cơ mắc bệnh tim mạch ở người cao tuổi

Bệnh tim mạch ở người già có thể khắc phục và ngăn ngừa hoàn toàn bằng cách thay đổi lối sống sinh hoạt phù hợp, kết hợp sử dụng một số loại *thuốc hỗ trợ tim*, cải thiện hệ tuần hoàn máu, giảm áp lực cho tim. Dưới đây là một số cách có thể giúp cải thiện sức khỏe cho trái tim cho người cao tuổi:

Bài tập thể dục nhẹ nhàng đúng cách cho người cao tuổi

- Luyện tập thể thao hàng ngày, tốt nhất là đi bộ khoảng 30 phút, vận động cơ thể hợp lý để giảm mỡ thừa, cải thiện chức năng hô hấp tuần hoàn. Đây là một cách hiệu quả để cải thiện hệ tim mạch của người cao tuổi.

- Có chế độ dinh dưỡng hợp lý như ăn nhiều rau, ăn nhiều mè, đậu phộng, đậu nành, ăn cá thay cho ăn thịt, uống nhiều sữa để phòng bệnh loãng xương. Một bữa chia ra nhiều bữa nhỏ và ăn những thức ăn dễ tiêu hóa.

- Kiểm soát huyết áp, tốt nhất là dưới 120/80 (mm Hg), cần kiểm tra huyết áp thường xuyên để đề phòng tăng huyết áp.

- Kiểm soát bệnh tiểu đường bằng cách giảm lượng cholesterol, kiểm soát đường trong máu làm giảm nguy cơ của bệnh tim.

- Kiêng rượu bia, hút thuốc lá và các chất kích thích gây hại, làm tăng nguy cơ của bệnh tim. Chất nicotin trong khói thuốc lá làm tăng mạch máu co lại, tăng lượng mỡ xấu, giảm lượng mỡ tốt. Người hút thuốc lá có nguy cơ mắc bệnh tim cao gấp 2-4 lần so với những người không hút.



Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người già

- Thăm khám sức khỏe định kỳ chính là cách để bạn kiểm soát được sức khỏe của mình. Các gia đình nên tự trang bị những kiến thức về y tế, tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe để hạn chế tối đa những thói quen gây hại, xây dựng lối sống văn minh.

Để kiểm soát và có biện pháp phòng ngừa bệnh tim mạch hiệu quả cho người cao tuổi, bạn cần đưa người thân của mình đến bệnh viện hoặc các cơ sở y tế gần nhất để thăm khám và điều trị thường xuyên, có chế độ ăn uống và sinh hoạt khoa học. Hãy xây dựng nếp sống văn minh để làm vũ khí hữu hiệu chống lại bệnh tim mạch.

(Nguồn: Online: Thuốc tim mạch)



BẠN CÓ THẮC MẮC

BÁC SĨ TƯ VẤN NGAY

0965 696364



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Cơm có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



DU LỊCH HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2562



SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT TRONG MÙA PHẬT ĐẢN

CHẬU TẮM PHẬT

Chất liệu: **COMPOSITE**Chiều cao: **1M20**Hệ thống đèn: **LUNG LINH RỰC RỠ**Hoa văn: **VẼ TAY TINH XẢO****Giá Đặc Biệt: 26.660.000Đ**

212 BA THẮNG HAI, P.12, Q.10, TP.HCM - 382 BDEF, NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P.8, Q.3, TP.HCM - 54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q. HOÀN KIẾM, HN.
HOTLINE: 1900 6601 | 0906 955 663 (HCM) | 0903 288 112 (HÀ NỘI)



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.



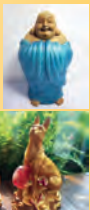
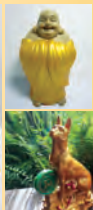
A Brand Of Excellence

CÔNG TY TNHH
SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com
Website: www.sgpk360.comShowroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,
P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

TÂM THƯ KÊU GỌI

CÚNG DƯỜNG TRƯỜNG HẠ CHO

TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC ĐỒNG NAI

Kính gửi: Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni các Chùa, Quý Mạnh Thường Quân và Phật Tử xa gần.

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai Tổ chức An cư kiết hạ cấm túc cho Tăng Ni sinh đang Tu học nội trú **Năm Thứ 2 khóa 8 (2017 - 2020)**.

1. Cơ sở Tăng sinh **Chùa Phật Hiện** tại cây số Dốc 47 (gần Sân golf Long Thành - đường đá chuyên dụng Tân Cang), Quốc lộ 51, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cho **150 Tăng sinh đang An Cư Tu Học Cấm Túc Nội Trú**.

2. Cơ sở Ni sinh **Chùa Huệ Giác** tại cây số 67 (gần trạm thu phí xã Long Phước), Quốc lộ 51, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cho **180 Ni sinh đang An Cư Tu Học Cấm Túc Nội Trú**.

Điện thoại 025 13 558 626, 0919 076 446.

Vậy Ban Giám Hiệu làm **Tâm Thư Kêu Gọi** này, kính mong Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni các Chùa và Quý Phật Tử xa gần, tùy tâm cúng dường Tam bảo, giúp đỡ Tăng Ni sinh có điều kiện tu học và cúng dường tiếp tục xây dựng Chùa Phật Hiện - Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai sớm được hoàn thành viên mãn.

NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT MA HA TÁT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 05 năm 2018

TM. BAN GIÁM HIỆU

Chứng Minh

Hòa Thượng THÍCH MINH CHÁNH

Hiệu Phó Thường Trực
Kiểm Chánh Thư Ký
Đặc trách cơ sở vật chất

Hiệu Trưởng

Hòa Thượng THÍCH PHƯỚC TÚ
(Tư Tôn Tự)
Quản Viện Cơ sở Tăng

Hòa Thượng THÍCH NHẬT QUANG
(Thường Chiếu Thiền Viện)
Quản Viện Cơ sở Ni

Thượng Tọa THÍCH MINH KHAI
(Điện thoại 0903613366)

Ni sư THÍCH NỮ THUẦN AN
(Điện thoại 02513 558 626)

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 298

Phát hành ngày 1 - 6 - 2018

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Giấc mơ nhỏ

9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm

68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình

Hà Nội

ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Văn

74 Quán Sứ, Hà Nội

ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh

Anh Bùi Quý Dương

Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu

Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội

ĐT: 0938071188 - 0904990666

01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm

Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - Q8

Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)

ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý

Tuệ Tĩnh đường Hải Đức

182 Phan Bội Châu, TP.Huế

ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành

Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng

ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,

chùa Phổ Đà

340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng

ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm

(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)

500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng

ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành

Văn hóa phẩm Phật giáo

334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi

ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211

(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng

Phòng phát hành Hiến Nam

3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn

ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,

Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn

số 20 đường 23 tháng 10

TP.Nha Trang

ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,

chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8

Phan Rang, Ninh Thuận

ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,

chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu

TP.Buôn Ma Thuột

ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ

90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt

ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ

697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc

ĐT: 0169 8287 177

(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang

102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu

Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiện

Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,

Bà Rịa - Vũng Tàu

LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu

22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng

ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành

128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều

ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,

chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình

TP.Cần Thơ

ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm

145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong

TP.Mỹ Tho

ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt

TP.Mỹ Tho

ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường

135B đường 2 tháng 9, P.1

thị xã Vĩnh Long

ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654

(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3

ĐT: 028 38.484.335

**VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong TP.HCM.**

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG